BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

Ngành: Marketing

Mã ngành: 7340115

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH MARKETING3
1.1. Giới thiệu khái quát về Nhà trường3
1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Quản trị và Marketing7
1.3. Thông tin về ngành đào tạo Marketing trình độ đại học9
PHẦN II. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN9
2.1. Sự cần thiết xây dựng đề án đào tạo từ xa ngành Marketing trình độ đại học9
2.2. Mục tiêu của đề án11
PHẦN III. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH MARKETING13
3.1. Mô tả tổng quan về hệ thống đào tạo từ xa13
3.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường14
3.3. Hệ thống quản lý giảng dạy – học tập từ xa16
3.4. Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ đào tạo từ xa16
3.5. Hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập18
3.6. Chương trình đào tạo từ xa18
3.7. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý thực hiện đào tạo từ xa19
3.8. Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và học liệu đào tạo từ xa22
3.9. Bộ phận phụ trách quản lý đào tạo từ xa68
3.10. Báo cáo tự đánh giá về việc đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo trực tuyến70
3.11. Chương trình đào tạo72
PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC THỰC HIỆN ĐÀO TẠO TỪ XA110
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học.110
4.2. Danh sách giảng viên vận hành, giảng dạy chương trình đào tạo112
4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa121
PHẦN V. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO ĐÀO TẠO TỪ XA123
PHẦN VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ ĐÀO TẠO TỪ XA177
PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG ĐÀO TẠO TỪ XA178
7.1. Rủi ro trong quá trình đào tạo178
7.2. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro179
PHẦN VIII. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN180

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA

Tên ngành : Marketing

Mã số : 7340115

Trình độ đào tạo : Đại học

PHẦN I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH MARKETING

1.1. Giới thiệu khái quát về Nhà trường

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là trường công lập thuộc Bộ Công Thương, được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I (tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III ra đời từ năm 1956). Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017.

1.1.1. Thông tin chung về nhà trường

1) Tên Trường

- Tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tiếng Anh: University of Economics – Technology for Industries

2) Tên viết tắt của Trường

- Tiếng Việt: ĐHKT-KTCN
- Tiếng Anh: UNETI

3) Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương

4) Địa chỉ trường: Trường có hai cơ sở đào tạo

- Cơ sở Hà Nội: + Số 456 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
  + Số 218, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Cơ sở Nam Định: + Số 353, Trần Hưng Đạo, TP Nam Định.
  + Mỹ Xá, TP Nam Định.

5) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: (024)38621504 Fax: (024) 38623938;

- Email: web@uneti.edu.vn; Website: www.uneti.edu.vn

6) Năm thành lập trường: 2007

7) Thời gian bắt đầu đào tạo:

- Đại học chính quy khóa 1: 9/2007; Đại học chính quy khóa 2: 9/2008; Đại học chính quy khóa 3: 9/2009; Đại học chính quy khóa: 9/2010; Đại học chính quy khóa 5: 9/2011; Đại học chính quy khóa 6: 9/2012; Đại học chính quy khóa 7: 9/2013; Đại học chính quy khóa 8: 9/2014; Đại học chính quy khóa 9: 9/2015; Đại học chính quy khóa 10: 9/2016; Đại học chính quy khóa 11: 9/2017; Đại học chính quy khóa 12: 9/2018; Đại học chính quy khóa 13: 9/2019; Đại học chính quy khóa 14: 9/2020; Đại học chính quy khóa 15: 9/2021; Đại học chính quy khóa 16: 9/2022. Đại học chính quy khóa 17: 9/2023. Đại học chính quy khóa 18: 9/2024.

- Đại học từ xa: Đại học từ xa khóa 16: năm 2022; Đại học từ xa khóa 17: năm 2023; Đại học từ xa khóa 18: năm 2024.

8) Thời gian cấp bằng tốt nghiệp:

- Đại học chính quy khóa 1: 7/2011; khoá 2: 7/2012; khoá 3: 7/2013, khóa 4: 7/2014; khoá 5: 7/2015, khoá 6: 7/2016, khoá 7: 7/2017, khóa 8: 7/2018, khóa 9: 7/2019, khóa 10: 7/2020, khoá 11: 7/2022, khóa 12: 7/2022, khóa 13: 7/2023, khóa 14: 7/2024.

9) Loại hình trường đào tạo: Công lập

Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (tên tiếng Anh là University of Economics - Technology for Industries) là đơn vị giáo dục đào tạo trực thuộc Bộ Công Thương, có tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III thành lập năm 1956, sau đó được nâng cấp lên đại học tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I.

Với sứ mạng: Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước. Qua hơn 65 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã trở thành một trong những trường trọng điểm của Bộ Công Thương, đã và đang đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa bậc học, cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực Bộ quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), điều lệ trường đại học, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, bao gồm 09 phòng (ban), 15 khoa, 06 trung tâm và được vận hành theo kiểu trực tuyến - chức năng. Lực lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên được phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường là 745 người, với cơ cấu theo thâm niên công tác và độ tuổi hợp lý, được chuẩn hóa theo

tiêu chuẩn quy định đối với trường đại học.

Hiện nay, Trường đang đào tạo 07 ngành trình độ thạc sĩ, 25 ngành ở trình độ đại học hệ chính quy, 03 ngành đào tạo trình độ đại học từ xa.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng căn cứ trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, chuyên gia, các tổ chức nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp. CTĐT định kỳ được điều chỉnh bổ sung theo chuẩn đầu ra để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, 100% CTĐT được thực hiện dưới hình thức học chế tín chỉ.

Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện nay bao gồm 4 địa điểm làm việc, giảng dạy, thực hành/thực tập với tổng diện tích xấp xỉ 29 ha; trong đó có 328 phòng học với tỷ lệ 2.92m2/1SV, 60 phòng thực hành/thí nghiệm. Trường tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành với các loại máy móc hiện đại; hệ thống máy tính của trường đã được nối mạng ADSL, wireless đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

Thư viện nhà trường được bố trí tại 03 địa điểm tại Minh Khai, Lĩnh Nam, Nam Định trên tổng diện tích 3.700m2, với 700 chỗ ngồi cho Bạn đọc; thư viện nguồn tài liệu in là: 10.393 đầu tương đương với 54.255 bản, tài liệu số là: 3.813 bản và 1730 tài liệu có bản quyền truy cập của CSDL điện tử quốc tế Springer, EBSCO. Thư viện có số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 20 máy được kết nối internet và thư viện điện tử với các đơn vị khác. Vì vậy nguồn tài liệu đảm bảo cho cán bộ, giảng viên, người học khai thác, sử dụng phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Nhà trường đã đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội được 14 khóa đại học, 26 khóa cao đẳng hệ chính quy. Trong vòng 05 năm trở lại đây Nhà trường đã đào tạo được 23.530 người học, trong đó có 14.199 SV đại học chính quy, 335 đại học không chính quy, 8896 cao đẳng. Hiện tại, số SV đang theo học tại trường là trên 22.000 người, trong đó sinh viên đại học chính quy chiếm tỷ trọng lớn.

Ngày 08 tháng 05 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 618/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với mục tiêu: phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thành trường đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Trường. Đây chính là cơ hội quan trọng để Trường có điều kiện tiếp tục nâng cấp chất lượng, mở rộng quy mô, phát triển đào tạo trình độ cao theo định hướng nhu cầu xã hội, từ đó hoàn thành sứ mạng của mình, vươn lên thành một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm của cả nước.

1.1.2. Các kết quả trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. 1.2.1. Thành tựu trong hoạt động đào tạo

Trường đang đào tạo 24 CTĐT bậc đại học (1 ngành sẽ tuyển sinh năm 2025), 07 CTĐT bậc thạc sỹ. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động cử nhân khối ngành kinh tế (Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính - Ngân hàng...) và kỹ sư đối với khối ngành kỹ thuật (CNKT Cơ khí, CNKT Điện, Điện tử, Công nghệ thực phẩm, CNKT Điện tử, truyền thông, CNKT Điều khiển và tự động hóa, vv…). Thương hiệu của Nhà trường luôn được giữ vững và ngày càng được nâng cao, kết quả tuyển sinh luôn đạt chỉ tiêu cho phép và đến nay nguồn tuyển sinh vẫn đang rất dồi dào. Quy mô của Trường hiện nay trên 22.000 SV. Trường luôn coi trọng công tác xây dựng chương trình, giáo trình và đề cương bài giảng để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Trường có quan hệ với các nước phát triển như Úc, Đài Loan, Hàn Quốc, vv... và các nước trong khối ASEAN như Lào, vv... Thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác quốc tế hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng với các đối tác mới, như: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học KHCN (NTUST), đại học Feng Chia, ĐHQG Hanbat Hàn Quốc, đại học TaYeh, học viện Lee Ming của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria… Đặc biệt, Nhà trường đã tham gia và là thành viên chính thức của Hiệp hội Quốc tế các trường đại học về KHCN thực phẩm có trụ sở đặt tại Plovdiv Bulgaria, gồm 18 trường đại học từ các nước Pháp, Đức; Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Bulgaria; vv… với mục đích hợp tác và trao đổi về NCKH, hỗ trợ lẫn nhau về các CTĐT tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.

1.1.2.2. Về đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà trường có hơn 700 giảng viên cơ hữu và toàn thời gian; trong đó tỷ lệ GS, PGS (chiếm 4%); Tiến sĩ chiếm 15%; Thạc sĩ chiếm 72% còn lại là GV đang học Cao học. Ngoài ra, cũng có hơn 100 PGS, TS, ThS và kỹ sư có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu cấp Sở, Bộ, Nhà nước.

1.1.2.3. Thành tựu trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học trong toàn thể Cán bộ, giảng viên và học sinh/sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được tăng theo từng năm và ngày càng có chất lượng hiệu quả, kết quả thống kê ở bảng 1.1 và bảng 1.2 dưới đây.

Bảng 1. 1. *Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong thời kỳ 2019-2024*

Phân loại đề tài	Số lượng				
	Năm học 2019-2020	***Năm học 2020-2021***	***Năm học 2021-2022***	***Năm học 2022-2023***	***Năm học 2023-2024***
Đề tài cấp Nhà nước	-	-	-	1	-
Đề tài cấp Bộ (và tương đương)	2 (cấp bộ)	1 (cấp bộ)	3 (2 cấp bộ + 1 sở)	3 (2 cấp bộ + 1 sở)	2 (1 cấp bộ + 1 sở)
Đề tài cấp trường	50	83	124	92	129
Tổng	**52**	**84**	**127**	**96**	**131**

Số lượng các công trình NCKH của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được được công bố trong 5 năm gần đây được tổng hợp trong bảng 1.2 dưới đây.

Bảng 1. 2. *Số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí từ 2019-2024 của Nhà trường và ngành Công nghệ thực phẩm*

STT	Loại tạp chí	Số lượng				
		Năm học 2019-2020	***Năm học 2020-2021***	***Năm học 2021-2022***	***Năm học 2022-2023***	***Năm học 2023-2024***
1	Tạp chí KH quốc tế:	65	153	49	79	67
2	Tạp chí KH Ngành trong nước:	241	256	340	520	534
4	Tổng:	306	409	389	599	601

1.1.3. Các danh hiệu đã đạt được

Với các nỗ lực không ngừng nghỉ, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã được Đảng, Nhà nước và các cấp bộ, ngành ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Hồ Chí Minh (2016)

- 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (2011; 2005), 01 hạng Nhì (2001), 01 hạng Ba (1996), 2 Huân chương Lao động hạng Nhất (1985, 1992) 01 hạng Nhì (1981) và 02 hạng Ba (1960, 1962).

- Huân chương Tự do hạng Nhất của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (1981) và rất nhiều cờ thưởng, bằng khen của các cấp, các ngành…

- Công đoàn Trường đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (2005); Đoàn Thanh niên được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (2004) và hạng Ba (1999).

1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Quản trị và Marketing

Khoa Quản trị và Marketing tiền thân là Ban Kinh tế của Trường Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Nam Định, được thành lập từ năm 1986. Sau các giai đoạn nâng cấp và đổi

tên, Khoa Quản trị và Marketing được thành lập, trực thuộc Trường ĐHKT-KTCN theo Quyết định số 347/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 31 tháng 5 năm 2022.

Để triển khai sứ mạng của Trường, Khoa Quản trị và Marketing đã xác định mục tiêu của khoa là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản trị và Marketing, phát triển năng lực học tập, nghiên cứu. Tính đến 1/12/2024 Khoa Quản trị và Marketing đào tạo 2 CTĐT, và hiện có gần 1000 SV đang theo học ngành Marketing

Tổng số GV cơ hữu tính đến 1/12/2024 là 51 người trong đó 03 PGS, 05 Tiến sỹ, 43 thạc sỹ. Ngoài ra, Khoa có GV kiêm nhiệm là 05, trong đó có 01 Tiến sỹ. Đội ngũ thỉnh giảng của Khoa là các GV có học hàm/học vị GS, PGS, tiến sỹ, thạc sỹ.

Ban chủ nhiệm khoa gồm có 3 người: 01 Chủ nhiệm khoa; 02 phó chủ nhiệm khoa. Hiện tại Khoa có 2 Bộ môn là: Bộ môn Quản trị; Bộ môn Marketing Chương trình học được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm thông qua các học phần mang tính liên ngành, chuyên sâu của ngành Quản trị và Marketing và được liên tục cập nhật hiện đại. Khung CTĐT của Khoa được tham khảo khung chương trình của các trường đại học khác trong nước và trên thế giới bao gồm Đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học Thương mại, Trường đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Khoa đã đào tạo 14 khóa SV tốt nghiệp hệ đại học chính quy và 26 khóa SV hệ cao đẳng chính quy. Khoa kết hợp cùng các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp và Phòng tuyển sinh và truyền thông trực thuộc Trường ĐH KT-KT CN tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi hội thảo nhằm bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng thực hành cho SV. Sự phối hợp này đã làm cho số lượng SV tốt nghiệp của Khoa được các cơ quan tuyển dụng ngày càng tăng.

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của cán bộ, GV và SV trong Khoa. Hiện nay, kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp Bộ) của cán bộ, GV trong Khoa đều đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo,… có sự tham gia của các cán bộ, GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học. Kết quả NCKH của GV có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Trong công tác NCKH, cán bộ, GV và SV của Khoa đang tập trung nghiên cứu các hướng chủ yếu sau: hoàn thiện các nội dung của công tác Quản trị trong các đơn vị. Một trong các mục tiêu được khoa hết sức ưu tiên trong lĩnh vực hoạt động khoa học là tổ chức hội thảo khoa học. Trong thời gian qua, Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học theo nhiều nội dung khác nhau liên quan đến hoạt động đào tạo và NCKH (Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Kinh nghiệm viết bài báo đăng tạp chí quốc tế, Gắn kết nhà trường với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Marketing , Phát triển kỹ năng mềm cho SV ngành Marketing trong bối cảnh Việt Nam tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN. Khoa Quản trị và Marketing luôn quan tâm đến xây dựng môi trường để SV chủ động học tập và rèn luyện, tạo cơ hội tiếp thu tối đa những kiến thức trong quá

trình học và tự học. Khoa có các bộ phận trợ lý, các CVHT, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội, CLB khởi nghiệp luôn đồng hành và hỗ trợ các SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của mình để hoàn thiện cả về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác.

SV theo học tại Khoa Quản trị và Marketing được hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ thông tin về địa chỉ việc làm, thực tập, thực tế và các tư vấn khác nếu có nhu cầu. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, nhận hỗ trợ của Khoa nếu gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp NCKH, người học được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh các CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau tốt nghiệp, SV của Khoa có thể làm việc ở các đơn vị khác nhau như các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo

1.3. Thông tin về ngành đào tạo Marketing trình độ đại học

Ngành Marketing trình độ đại học, hệ chính quy của Nhà trường được triển khai đào tạo theo Quyết định 531/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 25/4/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc mở ngành đào tạo Marketing trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Ngành đào tạo Marketing trình độ đại học của Trường bao gồm nhiều chuyên ngành và chương trình đào tạo (CTĐT), trong đó CTĐT Marketing đã được Trường tuyển sinh 3 khóa liên tục theo hình thức chính quy.

Ngành đào tạo Marketing trình độ đại học, CTĐT Marketing theo hình thức chính quy do Khoa Quản trị và Marketing quản lý và phụ trách chuyên môn

PHẦN II. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

2.1. Sự cần thiết xây dựng đề án đào tạo từ xa ngành Marketing trình độ đại học

2.1.1 Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế ĐTTX trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế về đào tạo từ xa trình độ đại học

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc mở ngành đào tạo Marketing trình độ đại học, hệ chính quy và Căn cứ tuyển sinh ngành đào tạo Marketing trình độ đại học 03 khóa liên tục theo hình thức chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Căn cứ kết luận thông qua đề xuất chủ trương đào tạo từ xa (ĐTTX) trình độ đại học ngành Marketing tại Nghị quyết số…./NQ-HĐT ngày…./…./…..của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc thông qua chủ trương ĐTTX trình độ đại học ngành Marketing.

Căn cứ theo Quyết định số 99/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 07/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Marketing.

2.1.2 Căn cứ thực tiễn

a. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Thế kỷ XXI là giai đoạn bùng nổ công nghệ thông tin, cùng với cuộc cách mạng số 4.0 giáo dục từ xa đã thành một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nhu cầu học tập, nâng cao trình độ không còn giới hạn ở một khu vực nhất định mà còn mở rộng ra toàn quốc gia, lãnh thổ. Với việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công nghệ thông tin, đào tạo từ xa bằng phương thức đạo tạo trực tuyến đã mang lại nhiều ưu điểm cho người học cũng như cơ sở đào tạo. Chiến lược phát triển của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp cũng không nằm ngoài xu thế đó, điều đó đã được khẳng định trong Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu chung là: "*Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước*". Trong giai đoạn này, để phù hợp chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Nhà trường tập trung mở rộng, đa dạng các loại hình đào tạo. Do đó, Việc mở ngành Marketing đào tạo từ xa là phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đã được Hội đồng trường thông qua và đưa vào kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình, ngành nghề đào tạo và thúc đẩy đáp ứng yêu cầu thực tế.

Với nền tảng chương trình đào tạo Marketing hệ Đại học đã được thực hiện giảng dạy tại trường, thường xuyên có sự điều chỉnh cập nhật cùng với hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường có thể đáp ứng tốt các điều kiện của chương trình đào tạo từ xa ngành Marketing. Bên cạnh đó, trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp hiện nay cũng đang ứng dụng công nghệ giảng dạy trực tuyến Elearning như: LMS, classroom, zoom, google meeting…trong quá trình giảng dạy. Do đó, phương thức đào tạo từ xa ngành

Marketing hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và điều kiện thực tế của Nhà trường.

b. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

Muốn đất nước phát triển bền vững và giàu mạnh thì mọi người cần ra sức rèn luyện và phấn đấu học tập để có thêm kiến thức, hiểu biết để góp phần vào quá trình hội nhập quốc tế để phát triển bản thân một cách toàn diện trở thành con người có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Do đó, quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong hiến pháp và luật giáo dục Việt Nam. Đào tạo từ xa là một trong những hình thức góp phần nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người. Hình thức đào tạo từ xa thu hút sự quan tâm của người dân vì điều kiện học tập thuận lợi, mở ra cơ hội học tập cho nhiều người. Đào tạo từ xa không bị hạn chế về thời gian, địa điểm, tăng khả năng tự học và người học không bị ràng buộc bởi thời gian eo hẹp khi bận công tác hoặc do hoàn cảnh gia đình. Với những người lao động do nhu cầu công việc cần phải được đào tạo nâng cao trình độ, cập nhật kỹ năng nghề nghiệp nhưng không có nhiều thời gian thì đào tạo từ xa là lựa chọn hợp lý. Đào tạo từ xa giảm khá nhiều chi phí bởi người dạy và người học không nhất thiết phải lên lớp trong suốt thời gian đào tạo. Đặc biệt với sự phát triển của công nghệ thông tin, đào tạo từ xa đã trở nên dễ dàng tiếp cận, tăng sự tương tác giữa người dạy và người học, chất lượng đào tạo được đảm bảo. Do đó, đào tạo từ xa ngày nay đã trở thành một phần không thể tách rời của hệ thống giáo dục ở nhiều nước trên thế giới.

Trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhu cầu nguồn chất lượng cao tăng mạnh. Từ bắc vào nam, phần đất liền của Việt Nam kéo dài 15 vĩ độ và gồm rất nhiều huyện đảo. Do đó, việc nâng cao dân trí, đạo tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các địa phương trở nên cấp thiết đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Do đó, đào tạo từ xa là một phần tất yếu và không thể thiếu được của hệ thống giáo dục Việt Nam, là chìa khóa để phát triển kinh tế, cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là các địa phương vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

2.2. Mục tiêu của đề án

2.2.1. Thời gian tuyển sinh

Trường dự kiến bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2025 - 2026 và tổ chức tuyển sinh liên tục trong năm, tùy thuộc vào nhu cầu và số lượng người học đăng ký.

2.2.2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Marketing nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, đồng thời cung cấp kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, và tư duy sáng tạo cho sinh viên, đảm bảo sinh viên sẽ đáp ứng tốt nhất nhu cầu nhân lực của xã hội và doanh nghiệp, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể:

- Đối với sinh viên

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn cơ bản về Marketing đó là các nguyên lý Markting, hành vi khách hàng, nghiên cứu thị trường, chiến lược Maketing. Các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Marketing

Phát triển kỹ năng nghề như phân tích, lập kế hoạch, thực hiện các chiến lược Marketing hiệu quả, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Marketing

Hình thành tư duy sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp chiến lược mới, cũng như có khả năng học hỏi và cập nhật các xu hướng mới trong lĩnh vực Marketing

- Đối với doanh nghiệp và xã hội

Cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực trong và ngoài nước.

Góp phần phát triển kinh tế, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh và hoạt động Marketing hiệu quả, Tăng cường sự hiểu biết về vai trò của hoạt động Marketing đối với xã hội

2.2.3. Kế hoạch và số lượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Trường

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.2.4. Quy mô đào tạo trong 5 – 10 năm tới

Dự kiến quy mô đào tạo từ 200-300 người học/năm

2.2.5. Chất lượng đào tạo

Mục tiêu đào tạo của ngành Marketing của hình thức đào tạo chính quy và hình thức ĐTTX là tương tự nhau. Chuẩn đầu ra của CTĐT từ xa tương tự với chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Marketing hệ chuẩn. Các điều kiện giảng dạy như đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nền tảng công nghệ hỗ trợ đào tạo được đầu tư. Do đó, chất lượng đào tạo của CTĐT từ xa Marketing đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội

2.2.6. Hiệu quả và tác động xã hội

Đề án dự kiến sẽ đáp ứng được một phần nhu cầu của xã hội về cả số lượng và chất lượng nguồn nhân lực ngành Marketing. Điều này là có cơ sở và khả thi vì dựa trên kinh nghiệm đào tạo nhân lực ngành Quản trị kinh doanh và Marketing theo hình thức truyền thống mà Khoa đã tích lũy được, các đánh giá của doanh nghiệp đối tác đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm của Khoa về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng đề cho thấy sự hài lòng về những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà sinh viên tích lũy được trong quá trình đào tạo, quá trình học tập tại Trường,

Khoa. Do đó, sinh viên tốt nghiệp ra trường đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội và những đòi hỏi từ thực tiễn của doanh nghiệp.

Ngành Marketing của hình thức ĐTTX không chỉ tạo ra những chuyên gia giúp doanh nghiệp phát triển mà còn có tác động sâu rộng đến xã hội. Nó giúp phát triển kinh tế, tạo việc làm, nâng cao trải nghiệm người tiêu dùng, thúc đẩy sáng tạo và góp phần vào các vấn đề xã hội. Do đó, Marketing không chỉ là một công cụ kinh doanh mà còn là một động lực quan trọng trong sự phát triển bền vững của xã hội.

Một số hiệu quả chính

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Marketing giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chiến lược bán hàng, tăng doanh thu và mở rộng thị trường.

Tạo cơ hội việc làm: Ngành này mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp như chuyên viên marketing, digital marketing, quản lý thương hiệu, nghiên cứu thị trường, v.v.

Cải thiện khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp: Nhờ các chiến lược marketing hiệu quả, doanh nghiệp có thể khẳng định vị thế trên thị trường và phát triển bền vững.

Ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo: Marketing hiện đại sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), và các nền tảng số để tối ưu hóa hiệu quả chiến dịch.

Tác động đối với xã hội

Marketing không chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp mà còn tác động mạnh mẽ đến xã hội:

Định hướng hành vi tiêu dùng: Marketing ảnh hưởng đến thói quen mua sắm, giúp người tiêu dùng tiếp cận sản phẩm phù hợp nhu cầu.

Nâng cao nhận thức cộng đồng: Nhiều chiến dịch marketing góp phần tuyên truyền các vấn đề xã hội như bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, quyền con người.

Thúc đẩy nền kinh tế sáng tạo: Ngành marketing tạo ra nhiều nội dung sáng tạo, góp phần phát triển ngành truyền thông, quảng cáo, giải trí.

Góp phần vào trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Nhiều công ty thực hiện marketing kết hợp với các hoạt động thiện nguyện, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

PHẦN III. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH MARKETING

3.1. Mô tả tổng quan về hệ thống đào tạo từ xa

Hệ thống ĐTTX của Trường bao gồm tổng thể các thành phần sau:

(1) Bộ phận phụ trách tổ chức và quản lý đào tạo;

(2) Các văn bản quy định về đào tạo từ xa;

(3) Chương trình đào tạo từ xa;

(4) Học liệu đào tạo từ xa (HLĐTTX);

(5) Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý;

(6) Hệ thống quản lý giảng dạy – học tập từ xa;

(7) Hệ thống kiểm tra, đánh giá;

(8) Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ.

3.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường

Trường đã tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp kèm theo Quyết định số 247/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 27/4/2022, ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học (Căn cứ theo Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT); Quyết định số 795/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 17/9/2024, ban hành Quy chế về đào tạo từ xa trình độ đại học (Căn cứ theo Thông tư 28/2023TT-BGĐT).

(1) Thời gian học tập: Thời gian học tập chuẩn toàn khóa: 4 năm, thời gian tối đa để hoàn thành chương trình không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

(2) Chương trình đào tạo từ xa có kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo các tiến độ học tập khác nhau để định hướng cho người học, trong đó tổng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa không ngắn hơn so với hình thức đào tạo chính quy.

(3) Tổ chức đào tạo từ xa:

Tổ chức ĐTTX được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Người học được xem xét, công nhận kết quả học tập để chuyển đổi, miễn trừ những học phần đã tích lũy ở các CTĐT cấp văn bằng khác.

Đặc thù của mô hình ĐTTX là sự tự học của học viên ở mức độ cao. Hầu hết các công tác quản lý cũng như thông tin, trao đổi đều được tiến hành thông qua hệ thống công nghệ đào tạo và quản lý từ xa (online)

Trước khi bắt đầu khóa học, người học sẽ được trang bị các kiến thức, kỹ năng về E-learning để thông thạo sử dụng các phương tiện điện tử (máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh…); Internet, cách khai thác và sử dụng học liệu điện tử trên trang học tập trực tuyến.

Việc tổ chức đào tạo đảm bảo người học thực hiện đầy đủ 4 hoạt động học tập chính: Tự học tập các nội dung bài giảng từ học liệu điện tử; trao đổi thảo luận chuyên môn theo chủ đề (có định hướng) với giảng viên qua diễn đàn và tham vấn, đặt câu hỏi với giảng viên qua diễn đàn hoặc cửa sổ chat; luyện tập – ôn tập kiến thức thu được thông qua các bài trắc nghiệm/câu hỏi ôn tập/câu hỏi thực hành; thực hiện đánh giá định kỳ và đánh giá cuối kỳ.

* *Tự học*: Người học tự học bài giảng điện tử từ HLĐTTX thông qua hệ thống LMS bao gồm: Video bài giảng, Slide, bài giảng text…

* *Trao đổi – thảo luận:*

- Người học trao đổi thảo luận chuyên môn theo chủ đề (có định hướng) với giảng viên qua diễn đàn;

- Người học tham vấn, đặt câu hỏi với giảng viên qua diễn đàn hoặc cửa sổ chát để được giải đáp thắc mắc.

* *Luyện tập – ôn tập*: Người học được ôn tập kiến thức thu được thông qua các bài trắc nghiệm/câu hỏi ôn tập/câu hỏi thực hành đã được đăng tải trên hệ thống LMS.

* *Đánh giá học phần*: Người học thực hiện đánh giá giữa kỳ (làm bài kiểm tra) và đánh giá cuối kỳ (làm bài thi kết thúc học phần) đối với học phần lý thuyết và đánh giá trong quá trình (làm bài đánh giá thực hành) đối với các học phần thực hành/thực tập/tiểu luận.

(3) Phương thức ĐTTX và cấp bằng:

- Trường áp dụng theo phương thức Mạng máy tính và viễn thông.

- Khi tốt nghiệp CTĐT này, người học sẽ được cấp bằng cử nhân Marketing, trong bảng điểm sẽ ghi rõ CTĐT từ xa ngành Marketing trình độ đại học.

(4) Đảm bảo chất lượng

Chương trình, giáo trình của CTĐT từ xa ngành Marketing trình độ đại học đượcxây dựng tương tự như CTĐT chính quy tương ứng, chỉ điều chỉnh một số học phần bổ trợ và tự chọn cho phù hợp với phương thức ĐTTX.

Các học phần và bài giảng của học phần trong CTĐT được thông qua bởi Khoa/Bộ môn và trực tiếp do giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp giảng dạy và xây dựng hoặc các giảng viên mời giảng từ các trường từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước. Các học liệu điện tử được xây dựng, thẩm định theo đúng quy định hiện hành của Nhà trường trước khi đưa vào sử dụng.

Ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần bao quát được kiến thức của học phần. Việc thi kết thúc học phần của CTĐT từ xa được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính/vấn đáp/tự luận tại Trường.

(5) Tài chính

- Học phí của CTĐT được Hiệu trưởng quy định theo năm học, căn cứ vào quy định của Nhà nước.

- Nguồn thu học phí dự kiến thanh toán cho các hoạt động: Đầu tư hệ thống quản lý ĐTTX; xây dựng HLĐTTX; thanh toán cho giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý; chi trả cho đối tác; chi phí quản lý;…

3.3. Hệ thống quản lý giảng dạy – học tập từ xa

Từ năm 2022, nhà trường đã triển khai xây dựng hệ thống phục vụ cho công tác quản lý giảng dạy – học tập từ xa gồm:

- Hệ thống phần mềm quản lý giảng dạy – học tập từ xa (LMS), địa chỉ truy cập: https://online.uneti.edu.vn/

- Cổng thông tin điện tử sinh viên, địa chỉ truy cập: https://sinhvien.uneti.edu.vn/

- Phần mềm chăm sóc và hỗ trợ sinh viên (SCM)

- Phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS Education

3.4. Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ đào tạo từ xa

Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ ĐTTX của Trường đảm bảo cung cấp các thông tin liên quan tới ĐTTX; lưu trữ và truyền tải nội dung CTĐT từ xa tới người học; giám sát, quản lý và đánh giá người học trong quá trình học tập; lưu trữ và bảo mật thông tin về việc học tập, quá trình tham gia học tập cũng như hồ sơ cá nhân của người học đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành và quy định của cơ sở đào tạo về lưu trữ và bảo mật thông tin; kết nối thông tin giữa người học, giảng viên và cán bộ quản lý qua hệ thống công nghệ thông tin, cụ thể:

Hệ thống đào tạo từ xa – trực tuyến bao gồm 3 phần chính:

- Hạ tầng phòng studio và mạng: Bao gồm phòng studio, các thiết bị đầu cuối (người dùng), mạng truyền thông…

- Hạ tầng phần mềm: Bao gồm hệ thống quản lý hoạc tập LMS, hệ thống quản lý nội dung học tập LCMS, phần mềm đào tạo từ xa – trực tuyến và các phần mềm hỗ trợ xây dựng bài giảng.

- Nội dung đào tạo: Nội dung các khóa học, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và các phần mềm dạy học.

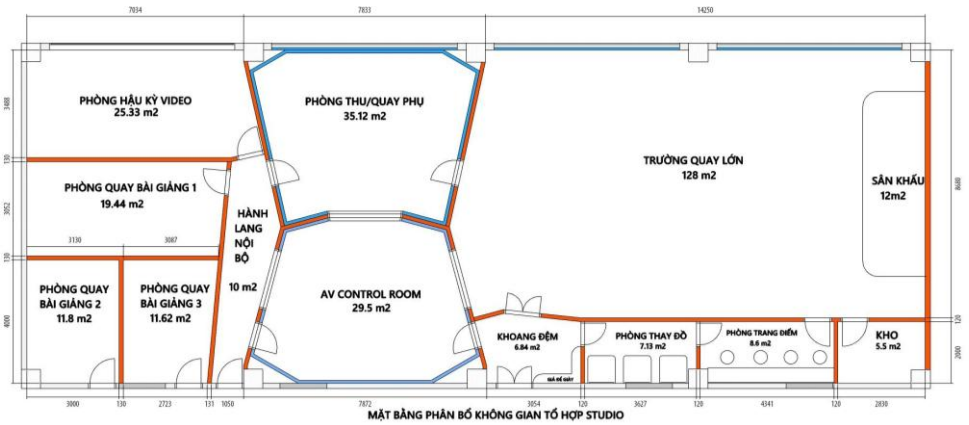
a) Hạ tầng phòng studio và mạng

***) Phòng Studio**

Với các thiết bị hiện đại đáp ứng đầy đủ cho sản xuất nội dung học liệu bài giảng điện tử theo chuẩn Elearning cho tất cả các học phần, bao gồm:

- Tổ hợp Studio với diện tích lớn 280m^2 bao gồm: Trường quay lớn, Phòng thu/quay phụ, phòng điều khiển, phòng hậu kỳ, phòng quay bài giảng…

- Phông xanh tiêu chuẩn, hệ thống đèn chiếu sáng, thiết bị ghi âm tiêu chuẩn, thiết bị ghi hình chuyên nghiệp, hệ thống cách âm, chống ồn….



MẶT BẰNG PHÂN BỐ KHÔNG GIAN TỔ HỢP STUDIO

***) Hạ tầng mạng**

Bao gồm: Đường truyền, máy chủ quản lý LMS, Quản lý đào tạo, Web….

Đường truyền:

+ 4 đường truyền FPTH: 400 MB

+ 2 đường truyền VNPT: 150 MB

+ 1 đường truyền Viettel: 90 MB

Máy chủ vận hành cổng thông tin đào tạo trực tuyến: 01 server DELL 740

Máy chủ vận hành cổng thông tin sinh viên: 01 server IBM M5

Máy chủ vận hành quản lý đào tạo: 01 server IBM M5

Máy chủ vận hành cổng thông tin hành chính điện tử: 01 server IBM M5

b) Hạ tầng phần mềm

*) Hệ thống quản lý học tập: Hệ thống quản lý đào tạo PMT-EMS của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

*) Hệ thống học tập LMS

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sử dụng hệ thống quản lý nội dung học tập trên nền tảng Moodle, đây là một nền tảng cho học trực tuyến có mã nguồn mở có số lượng rất lớn người sử dụng. Moodle nổi bật là thiết kế hướng tới giáo dục, với giao diện trực quan, giảng viên chỉ mất một thời gian ngắn để làm quen và có thể sử dụng thành thạo. Moodle được viết bằng PHP và sử dụng cơ sở dữ liệu SQL, được cài đặt và chạy trên hệ điều hành Linux. Hệ thống quản lý nội dung học tập của Uneti có các tính năng chính sau:

+ Xem bài giảng tương tác: Tương tác trên bài giảng elearning chuẩn SCORM, Slide bài giảng, trên video (MP4) bài giảng.

+ Diễn đàn lớp học Forum: Trao đổi, tương tác thảo luận trên hệ thống, Công nghệ trao đổi theo phương pháp sư phạm định hướng,…

+ Bài luyện tập: có 16 định dạng khau, phản hồi kết quả ngay đến người học,…

+ Bài tập cá nhân, nhóm: Nộp bài tập với các định dạng: fiel hoặc online text, chấm bài tập online ngay trên hệ thống, chia nhỏ bài tập, nộp, chấm bài và nhận xét liên tục…

+ Help Desk (hỏi đáp): Hỗ trợ giải đáp 1-1 giữa học viên, sinh viên

+ Lớp học ảo trực tuyến (VCR): Lớp học ảo trực tuyến tương tác đa chiều: Công cụ giảng dạy đa dạng, chat, video, webcam, chia sẻ màn hình, chia nhóm học tập…

+ Hệ thống thông báo (Notification): Thông báo làm bài, nộp bài, nhiệm vụ học tập, sự kiện khóa học. Kết nối đa kênh giữa sinh viên, giảng viên trong thời gian thực.

+ Quản lý thiết kế khóa học: Quản trị danh mục, thông tin môn học, quản trị thiết lập các tỉ lệ, nhiệm vụ học tập tập trung, Tạo ra khóa học tự động theo kế hoạch có sẵn, Tự động đưa danh sách sinh viên vào khóa học.

3.5. Hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học bảo đảm khách quan, trung thực; đánh giá được quá trình học tập, đánh giá kết thúc học phần; kiểm soát được việc học, làm bài kiểm tra, thi và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình học tập của người học. Cụ thể:

- Việc đánh giá quá trình học tập của người học được kiểm soát thông qua phần mềm quản lý học tập LMS cho phép ghi nhận các hoạt động học tập của người học, bao gồm: học tập các nội dung từ HLĐTTX; tham dự buổi học, buổi hướng dẫn, trao đổi thảo luận; làm bài kiểm tra/bài thực hành/Project; tham vấn và đặt câu hỏi với giảng viên

- Việc thi kết thúc học phần được tổ chức thông qua bài thi trắc nghiệm khách quan trên phần mềm Phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS Education (phân hệ PMT-EXAM) theo hình thức trực tiếp, người học tập trung tại Trường và được giám sát bởi cán bộ của Trường.

3.6. Chương trình đào tạo từ xa

Chương trình đào tạo từ xa ngành Marketing dựa trên CTĐT chính quy, trong đó đảm bảo sự tương đồng về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, các học phần bắt buộc tương tự, có điều chỉnh một số học phần tự chọn, học phần kiến thức bổ trợ, học phần giáo dục thể chất cho phù hợp với phương thức ĐTTX. CTĐT từ xa đã được xây dựng hoàn chỉnh, có kế hoạch đào tạo toàn khóa và đề cương chi tiết của từng học phần đáp ứng yêu cầu của CTĐT, phù hợp với phương thức ĐTTX. Cụ thể:

Chương trình đào tạo gồm 137 tín chỉ trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - Phần lý thuyết: 68 tín chỉ
  - Phần thực hành, thực tập, đồ án: 21 tín chỉ

o Khoá luận tốt nghiệp: 09 tín chỉ

3.7. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý thực hiện đào tạo từ xa

- Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà trường có hơn 700 giảng viên cơ hữu và toàn thời gian; trong đó tỷ lệ GS, PGS (chiếm 4%); Tiến sĩ chiếm 15%; Thạc sĩ chiếm 72% còn lại là GV đang học Cao học. Ngoài ra, cũng có hơn 100 PGS, TS, ThS và kỹ sư có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu cấp Sở, Bộ, Nhà nước. Trong đó, đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT từ xa gồm các giảng viên cơ hữu, giảng viên làm việc toàn thời gian của Trường có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, có kinh nghiệm giảng dạy trực tuyến theo phương thức blended trên hệ thống LMS, đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo hình thức ĐTTX và bảo đảm chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy.

- Đội ngũ cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý thực hiện ĐTTX gồm khoảng 30 viên chức thuộc các đơn vị Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV, Phòng TS&TT, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CNTT; có trình độ cử nhân, thạc sĩ có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo và vận hành hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đại học chính quy, có trình độ CNTT đáp ứng yêu cầu quản lý người học theo hình thức ĐTTX. Mỗi lớp hành chính sẽ có 01 cán bộ hỗ trợ học tập và 01 cán bộ quản lý lớp, có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong việc đăng ký học tập, học tập, hỗ trợ các thủ tục hành chính cho người học,…giúp người học đạt kết quả học tập tốt, hoàn thành khóa học đúng tiến độ.

- Đối với Khoa đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đã có kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy CTĐT chính quy. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lưu Khánh Cường	1973	Trưởng khoa QT và Marketing	Tiến sĩ	Kinh tế	
2	Đinh Văn Thành		Giảng viên	Tiến sĩ	Kinh tế	
3	Đỗ Minh Cương		Giảng viên	Tiến sĩ	Triết học	
4	Dương Thị Liễu		Giảng viên	Tiến sĩ	Triết học	
5	Phạm Hồng Tú		Giảng viên	Tiến sĩ	Kinh tế	
6	Đoàn Kim Thêu	1982	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, Chuyên ngành	Ghi chú
7	Mai Thị Lụa	1980	P.Trưởng khoa QT và Marketing	Thạc sĩ 2008	Quản trị kinh doanh	
8	Phạm Trung Hải	1982	P.Trưởng khoa QT và Marketing	Thạc sĩ 2011	Quản trị kinh doanh	
9	Trần Việt Dũng	1981	Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	
10	Trần Mạnh Hùng	1974	Giảng viên	Thạc sĩ 2007	Quản trị kinh doanh	
11	Vũ Đại Đồng	1985	Giảng viên	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	
12	Trần Minh Hải	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	
13	Vũ Đình Chuẩn	1975	Giảng viên	Thạc sĩ 2011	Quản trị kinh doanh	
14	Hoàng Thị Chuyên	1980	Giảng viên	Thạc sĩ 2008	Quản trị kinh doanh	
15	Đỗ Thị Thu Hương	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Thương mại	
16	Nguyễn Thị Minh Hương	1979	Giảng viên	Thạc sĩ 2010	Quản trị kinh doanh	
17	Nguyễn Thị Thu Hương		Giảng viên	Thạc sĩ 2011	Quản trị kinh doanh	
18	Lê Thị Huyền	1987	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
19	Nguyễn Văn Kỷ	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2016	Quản trị kinh doanh	
20	Nguyễn Phương Linh	1983	Giảng viên	Thạc sĩ 2010	Quản trị kinh doanh	
21	Trần Thuỳ Linh	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2014	Quản trị kinh doanh	
22	Nguyễn Tiến Mạnh	1978	Phó trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sĩ 2007	Tài chính ngân hàng	
23	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	1990	Giảng viên	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, Chuyên ngành	Ghi chú
24	Trần Thị Kim Phượng	1983	Giảng viên	Thạc sĩ 2012	Quản lý doanh nghiệp	
25	Nguyễn Thanh Sơn	1979	Giảng viên	Thạc sĩ 2009	Quản trị kinh doanh	
26	Nông Mai Thanh	1978	Giảng viên	Thạc sĩ 2014	Quản trị kinh doanh	
27	Vũ Thị Kim Thanh	1976	Giảng viên	Thạc sĩ 2008	Quản trị kinh doanh	
28	Phạm Thanh Thảo	1985	Giảng viên	Thạc sĩ 2016	Quản trị kinh doanh	
29	Nguyễn Thị Thu	1982	Giảng viên	Thạc sĩ 2010	Quản trị kinh doanh	
30	Nguyễn Thị Thu Trang	1986	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
31	Đan Thu Vân	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	
32	Nguyễn Thị Lan Anh	1981	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
33	Lê Thị Ánh	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2017	Quản trị kinh doanh	
34	Nguyễn Viết Bình	1981	Giảng viên	Thạc sĩ 2011	Quản trị kinh doanh	
35	Nguyễn Thị Giang	1883	Giảng viên	Thạc sĩ 2014	Quản trị kinh doanh	
36	Vũ Huy Giang	1979	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
37	Vũ Văn Giang	1989	Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sĩ 2016	Quản trị kinh doanh	
38	Nguyễn Văn Hải	1969	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
39	Trần Thị Hằng	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	
40	Nguyễn Hưng	1982	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, Chuyên ngành	Ghi chú
41	Đỗ Thị Hường	1981	Giảng viên	Thạc sĩ 2012	Quản trị kinh doanh	
42	Đặng Thị Thu Phương	1989	Giảng viên	Thạc sĩ 2015	Quản trị kinh doanh	
43	Phan Thị Minh Phương	1981	Giảng viên	Thạc sĩ 2010	Quản trị kinh doanh	
44	Phạm Hương Thanh	1982	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
45	Trần Thị Thanh Thủy	1985	Giảng viên	Thạc sĩ 2012	Quản trị kinh doanh	
46	Phạm Vũ Tuân	1984	Giảng viên	Thạc sĩ 2013	Quản trị kinh doanh	
47	Trần Thị Vân	1982	Phó trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sĩ 2009	Quản trị kinh doanh	
48	Bùi Thị Xuân	1987	Giảng viên	Thạc sĩ 2011	Quản trị kinh doanh	
49	Trần Mạnh Tiến	1977	Giảng viên	Thạc sĩ 2008	Quản trị kinh doanh	

3.8. Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và học liệu đào tạo từ xa

3.8.1. Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện

a) Phòng học

Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện nay bao gồm 4 địa điểm làm việc, giảng dạy, thực hành/thực tập với tổng diện tích xấp xỉ 29 ha; trong đó có 305 phòng học với tỷ lệ 2.92m2/1SV, 63 phòng thực hành/thí nghiệm. Trường tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành với các loại máy móc hiện đại; hệ thống máy tính của trường đã được nối mạng ADSL, wireless đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

Trường hiện có 2 cơ sở đào tạo tại Nam Định và Hà Nội. Tại cơ sở Nam Định có 2 địa điểm gồm 17.000m2 ở 353 Trần Hưng Đạo và 250.000m2 tại phường Mỹ Xá. Tại cơ sở Hà Nội có 2 địa điểm gồm 7.000m2 ở 456 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng và 20.000m2 tại phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai đã được Thành phố Hà Nội cấp phép xây dựng, trong đó có 305 phòng học, giảng đường lớn, có tổng diện tích sử dụng 25.412 m2, số lượng máy tính trên 1500 bộ.

STT	Loại phòng học *(Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính…)*	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	**Số lượng**	**Tình trạng**	**Phục vụ học phần/môn học**
1	Phòng học lý thuyết	305	25.412	- Máy tính - Máy chiếu - Hệ thống tivi tương tác - Loa, Âm ly, micro	305 bộ 88 cái 200 cái 200 bộ	Hoạt động bình thường	Các học phần lý thuyết
2	Phòng Máy tính	16		- Máy tính	1350 bộ	Hoạt động bình thường	Thực hành học phần và các học phần thực hành máy tính

b) Trang thiết bị

Công tác đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, hoạt động, NCKH luôn được nhà trường coi trọng. Phòng Studio được trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo cho việc quay phim, ghi hình, giảng dạy trực tuyến.

- Hệ thống studio sản xuất học liệu, cụ thể như sau:

+ Tổng diện tích: 381m2

+ Danh sách phòng chức năng như sau: Tất cả các phòng được thiết kế theo đúng chức năng và đảm bảo tiêu âm, cách âm:

- Phòng thu / quay bài giảng và giảng dạy online trực tiếp: 4 phòng;
- Trường quay lớn: 1 phòng;
- Phòng biên tập, chỉnh sửa: 1 phòng;
- Phòng Điều khiển trung tâm: 1 phòng;
- Phòng trang điểm: 1 phòng;
- Phòng thay đồ: 1 phòng;
- Kho: 2 phòng;

- Sảnh chờ: 1 sảnh;
- Phòng làm việc chung cho giảng viên: 1 sảnh.

+ Danh sách cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, hiện đại gồm các hạng mục sau:

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
I. Phòng quay bài giảng				**3**			
Máy quay Sony HXR-NX100	Sony	Japan	Chiếc	1	2021	Hoạt động bình thường	
Chân máy Benro Video Tripod KH26	Benro	China	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ trộn hình ATEM Mini Pro ISO	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Hệ thống Đèn và phông xanh	China	China	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Tivi	Tivi Sony 4K 49 inch KD-49X7500H	Malaysia	Cái	1	2021	Hoạt động bình thường	
Giá treo TV di động	NB AVA1500-60		Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Rode Wireless GO Compact Wireless Omni Lavalier Microphone System Kit (Original, 2.4 GHz)	Rode	Australia	Bộ	3	2021	Hoạt động bình thường	
II. Phòng hậu kỳ Video							
Máy tính dựng Video			Bộ	4	2021	Hoạt động bình thường	
III. Phòng thu/Quay phụ							

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
Hệ đèn trường quay	China	China	Bộ	2	2021	Hoạt động bình thường	
Máy quay Sony	Sony	Japan	Chiếc	4	2021	Hoạt động bình thường	
Thẻ nhớ Sony 64GB SxS-1 G1C Series Memory Card (2-Pack)	Sony	Japan	Cái	8	2021	Hoạt động bình thường	
Đầu đọc thẻ nhớ chuyên dụng SBAC-US30	Sony	Japan	Bộ	4	2021	Hoạt động bình thường	
Sony BP-U70 Lithium-Ion Battery Pack	Sony	Japan	Chiếc	8	2021	Hoạt động bình thường	
Sạc pin đôi BC-U2	Sony	Japan	Cái	4	2021	Hoạt động bình thường	
Chân máy Libec LX10 Studio Two-Stage Aluminum Tripod System and H65B Head with Dual Pan Handles and Spreader Dolly	Libec	Taiwan	Bộ	4	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ nhắc lời ikan PT3700 17" Rod Mounted Teleprompter for Location and Studio	ikan	China	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Microphone cài ve Sennheiser EW 112P G4 Camera-Mount Wireless Omni Lavalier Microphone System	Sennheiser	Germany	Bộ	3	2021	Hoạt động bình thường	
IV. Phòng điều khiển trung tâm							

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
Bộ trộn hình ATEM 4 M/E Broadcast Studio 4K	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bàn điều khiển ATEM 2 M/E Advanced	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ ghi hình ổ cứng SSD HyperDeck Studio 12G	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	4	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ chuyển đổi tín hiệu đa năng Teranex AV	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Hệ thống liên lạc Intercom Datavideo ITC-100 8-User Wired Intercom System with 4 Beltbacks & 4 Headsets	Datavideo	Taiwan	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
GPI and Tally Interface	Blackmagic Design	Singapore	Chiếc	1	2021	Hoạt động bình thường	
Tivi			Chiếc	3	2021	Hoạt động bình thường	
Màn hình kiểm tra SmartScope Duo 4K 2	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ chuyển đổi tín hiệu video Micro Converter HDMI to SDI wPSU	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ chuyển đổi tín hiệu video Micro Converter SDI to HDMI wPSU	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
Bộ định tuyến Smart Videohub 12G 40x40	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Máy tính xách tay			Bộ	4	2021	Hoạt động bình thường	
Loa kiểm tra Genelec 8030C Active Two-Way 5" Studio Monitor (Single)			Bộ	2	2021	Hoạt động bình thường	
Bàn điều khiển âm thanh số cao cấp MIDAS M32 Live	Midas	UK/China	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
V. Trường quay lớn – Hệ thống âm thanh							
Loa treo line array RCF HDL 6A	RCF (ITALY)	Italy	Bộ	6	2021	Hoạt động bình thường	
Loa kiểm tra sân khấu RCF ART 710-A MK4 - 10" 2-Way 1400W Active Speaker	RCF (ITALY)	Italy	Bộ	3	2021	Hoạt động bình thường	
Loa siêu trầm RCF SUB 8003AS II	RCF (ITALY)	Italy	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bàn điều khiển âm thanh số cao cấp MIDAS M32 Live	Midas	UK/China	Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	
Thiết bị kết nối sân khấu và Mixer Midas DL32 32-input / 16-output Stage Box	Midas	UK/China	Gói	1	2021	Hoạt động bình thường	

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
Microphone không dây Sennheiser EW 100 G4-945-S Wireless Handheld Microphone System with MMD 945 Capsule	Sennheiser (Đức)	Germany	Bộ	6	2021	Hoạt động bình thường	
Tủ cấp nguồn âm thanh 3PHA 100A, 12out 16A	Việt Nam		Chiếc	1	2021	Hoạt động bình thường	
Dây tín hiệu âm thanh EuroCable	EuroCable		Mét	300	2021	Hoạt động bình thường	
Jack tin hiệu cho hệ thống âm thanh	Neutrik - Liechtenstein	Liechtenstein	Chiếc	30	2021	Hoạt động bình thường	
Chân Microphone	Việt Nam		Chiếc	4	2021	Hoạt động bình thường	
Tủ để thiết bị 12U			Chiếc	1	2021	Hoạt động bình thường	
PAR LED 54x3W	China		Chiếc	8	2021	Hoạt động bình thường	
Bộ chia tín hiệu DMX	China		Chiếc	1	2021	Hoạt động bình thường	
Bàn điều khiển ánh sáng			Bộ	1	2021	Hoạt động bình thường	

c. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng mạng và đường truyền internet:

Danh sách máy chủ vật lý

TT	Tên máy chủ	Số lượng	Thông số cơ bản				Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
			CPU (Core vật lý)	RAM (GB)	HHD (GB)	SSD (GB)			
1	Dell 940	1	96	256	0	4800	2021	Hoạt động bình thường	
2	Dell 940	1	96	256	8400	1600	2021	Hoạt động bình thường	
3	Dell 940	1	96	256	3200	1600	2021	Hoạt động bình thường	
4	IBM M5	1	16	128	3500	0	2014	Hoạt động bình thường	
5	IBM M5	1	16	96	3500	0	2014	Hoạt động bình thường	
6	Dell 740	1	20	128	2000	0	2019	Hoạt động bình thường	
7	IBM M4	1	8	64	1800	0	2013	Hoạt động bình thường	

Danh sách máy chủ ảo sử dụng cho hệ thống đào tạo từ xa

+ Máy chủ Proxy 1:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 4 core CPU; 6 Gb Ram; 100 SSD
- Dịch vụ: Proxy Server: HAProxy / Nginx

+ Máy chủ Proxy 2:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 4 core CPU; 6 Gb Ram; 100 SSD
- Dịch vụ: Proxy Server: HAProxy / Nginx

+ Máy chủ Web LMS 1:

- OS: Ubuntu 18+
- 01 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 16 core CPU; 24 Gb Ram; 256 SSD
- Dịch vụ: Webserver2: Apche 2.4; PHP 7.2+; Moodle 3.8+, SSL

+ Máy chủ Web LMS 2:

- OS: Ubuntu 18+
- 01 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 16 core CPU; 24 Gb Ram; 256 SSD
- Dịch vụ: Webserver2: Apche 2.4; PHP 7.2+; Moodle 3.8+, SSL

+ Máy chủ Web Database 1 (Master vs slave):

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 16 core CPU; 16 Gb Ram; 192 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7

+ Máy chủ Web Database 2 (Master vs slave):

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 16 core CPU; 16 Gb Ram; 192 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7

+ Máy chủ VCR SERVER NODE 1:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 8 core CPU; 16 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7, SSL, HTML5, Bigbluebutton

+ Máy chủ VCR SERVER NODE 2:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 8 core CPU; 16 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7, SSL, HTML5, Bigbluebutton

+ Máy chủ VCR SERVER NODE 3:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 8 core CPU; 16 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7, SSL, HTML5, Bigbluebutton

+ SAN / NAS: STORAGE

- Tài nguyên: 1000 HDD

Danh sách các máy chủ ảo vận hành phần mềm quản lý đào tạo, hành chính điện tử, công thông tin sinh viên …

+ Máy chủ Web: CỔNG THÔNG TIN HÀNH CHÍNH ĐIỆN TỬ

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 400 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: CỔNG THÔNG TIN SINH VIÊN

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 200 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: CỔNG THÔNG TIN KHẢO SÁT

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 200 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: TRA CỨU VĂN BẰNG

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 200 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 20 core CPU; 64 Gb Ram; 512 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ phần mềm: Quản lý Đào tạo, Quản lý nhân sự

- OS: Windown Server
- Tài nguyên: 8 core CPU; 32 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: SQL Server

Danh sách đường truyền internet ftth (cáp quang)

TT	CƠ SỞ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ CUNG CẤP ĐƯỜNG TRUYỀN CÁP QUANG	TÌNH TRẠNG	BĂNG THÔNG		MỤC ĐÍCH ĐƯỜNG TRUYỀN
					Trong nước	Quốc tế	
1	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	VNPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Cung cấp cho hệ thống máy chủ
2	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Cung cấp cho hệ thống máy chủ
3	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
4	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
5	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
6	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
7	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
8	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Mạng VPN
9	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Internet - Cân bằng tải
10	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	VIETTEL	Đang hoạt động	90 MB	8 MB	Internet - Cân bằng tải
11	Nam Định	Số 353 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
12	Nam Định	Số 353 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Mạng VPN

TT	CƠ SỞ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ CUNG CẤP ĐƯỜNG TRUYỀN CÁP QUANG	TÌNH TRẠNG	BĂNG THÔNG		MỤC ĐÍCH ĐƯỜNG TRUYỀN
					Trong nước	Quốc tế	
13	Nam Định	Mỹ Xá, TP. Nam Định	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Internet

d) Hạ tầng phần mềm

Hệ thống quản lý học tập: Hệ thống quản lý đào tạo PMT-EMS của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Hệ thống học tập LMS

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sử dụng hệ thống quản lý nội dung học tập trên nền tảng Moodle, đây là một nền tảng cho học trực tuyến có mã nguồn mở có số lượng rất lớn người sử dụng. Moodle nổi bật là thiết kế hướng tới giáo dục, với giao diện trực quan, giảng viên chỉ mất một thời gian ngắn để làm quen và có thể sử dụng thành thạo. Moodle được viết bằng PHP và sử dụng cơ sở dữ liệu SQL, được cài đặt và chạy trên hệ điều hành Linux. Hệ thống quản lý nội dung học tập của Uneti có các tính năng chính sau:

+ Xem bài giảng tương tác: Tương tác trên bài giảng elearning chuẩn SCORM, Slide bài giảng, trên video (MP4) bài giảng.

+ Diễn đàn lớp học Forum: Trao đổi, tương tác thảo luận trên hệ thống, Công nghệ trao đổi theo phương pháp sư phạm định hướng,…

+ Bài luyện tập: có 16 định dạng khau, phản hồi kết quả ngay đến người học,…

+ Bài tập cá nhân, nhóm: Nộp bài tập với các định dạng: fiel hoặc online text, chấm bài tập online ngay trên hệ thống, chia nhỏ bài tập, nộp, chấm bài và nhận xét liên tục…

+ Help Desk (hỏi đáp): Hỗ trợ giải đáp 1-1 giữa học viên, sinh viên

+ Lớp học ảo trực tuyến (VCR): Lớp học ảo trực tuyến tương tác đa chiều: Công cụ giảng dạy đa dạng, chat, video, webcam, chia sẻ màn hình, chia nhóm học tập…

+ Hệ thống thông báo (Notification): Thông báo làm bài, nộp bài, nhiệm vụ học tập, sự kiện khóa học. Kết nối đa kênh giữa sinh viên, giảng viên trong thời gian thực.

+ Quản lý thiết kế khóa học: Quản trị danh mục, thông tin học phần, quản trị thiết lập các tỉ lệ, nhiệm vụ học tập tập trung, Tạo ra khóa học tự động theo kế hoạch có sẵn, Tự động đưa danh sách sinh viên vào khóa học.

e) Thư viện

- Diện tích thư viện: 3700 m2

- Số chỗ ngồi: 700

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 20

- Phần mềm quản lý thư viện: phần mềm thư viện thông minh L'ima

- Thư viện điện tử: https://lib.uneti.edu.vn

Thư viện Nhà trường được bố trí ở cả 3 địa điểm Minh Khai, Lĩnh Nam và Nam Định với tổng diện tích 3700 m2 với 700 chỗ ngồi; có 20 máy tính hỗ trợ tra cứu tài liệu và thông tin; có phần mềm quản lý thư viện để theo dõi các dữ liệu tạo thuận lợi cho người dùng khai thác, sử dụng tài liệu một cách thuận lợi nhất. Hiện tại, Thư viện đang có số lượng tài liệu in là: 10.393 đầu tương đương với 54.255 bản và tài liệu số là: 3.813 bản, được khai thác và sử dụng trên website thư viện có tên miền là: https://lib.uneti.edu.vn

Bên cạnh đó, Trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác khai thác tài liệu số nội sinh của Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trung tâm kết nối Tri thức số, các CSDL liên kết quốc tế SAGE e-Journals Collection, Emerald e-Journals Collection, Elsevier, IG Publishing và mua bản quyền truy cập 02 CSDL điện tử trực tuyến quốc tế đó là: Springer, EBSCO với 1730 tài liệu giúp đa dạng hóa nguồn tài nguyên thông tin của thư viện đáp ứng nhu cầu tài liệu của Bạn đọc phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Mạng wifi: Thư viện có hệ thống mạng wifi phục vụ cho bạn đọc tại các địa điểm.

- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm Thư viện thông minh L'ima được khai thác, sử dụng trên cổng thông tin thư viện điện tử: https://lib.uneti.edu.vn

Sách, giáo trình, TLHT

STT	**Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)**	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước**	**Số lượng bản**	**Tên học phần sử dụng sách, tạp chí**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	15	Triết học Mác – Lênin
2.	Tài liệu học tập Triết học Mác – Lênin	Bùi Thanh Thủy, Đinh Thị Cẩm Nhung, Đỗ Thị Trang, Phan Thị Hương, Trần	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	Triết học Mác – Lênin

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		Thị Hương, Mai Chi,			
3.	Thường thức về triết học Mác-Lênin, Quyển 1: Thế giới quan triết học duy vật biện chứng	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	11	Triết học Mác – Lênin
4.	Thường thức về triết học Mác-Lênin, Quyển 2: Phép biện chứng duy vật	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	11	Triết học Mác - Lênin
5.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, 2021	30	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin
6.	Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nguyễn Thị Luyến, Phạm Thị Thanh Hằng, Phạm Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Hiền	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin
7.	Giáo trình Chủ nghiã xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
8.	Tài liệu học tập Chủ nghiã xã hội khoa học	Nguyễn Văn Bảng, Đoàn Thị Hiền, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Trần Thị Thu Huyền	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
9.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	13	Tư tưởng Hồ Chí Minh
10.	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngô Thị Mai, Hoàng Thị Thu Thủy, Lại Thị Thùy Linh, Lê Thị Lý	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021	Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Thị My, Đào Thanh Bình, Nguyễn Thị Minh, ,	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
12.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	13	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
13.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2,	Đảng Cộng sản Việt Nam,	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
14.	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thanh Bình, Nguyễn Thị Luyến, Phạm Thị Thùy Dương, Trần Thị My	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
15.	Tài liệu học tập Pháp luật đại cương	Trần Mạnh Toàn, Đặng Thị Thu Hiền,	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật	TL số	Pháp luật đại cương

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		Trần Thị Thu Hằng, Hà Diệu Hằng, Nguyễn Thị Diệu Hiền	Công nghiệp, 2021		
16.	Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm	Tư pháp, 2019	6	Pháp luật đại cương
17.	Giáo trình luật hình sự Việt Nam	Nguyễn Ngọc Hòa	Công an nhân dân, 2019	6	Pháp luật đại cương
18.	Giáo trình luật hành chính Việt Nam	Trần Minh Hương	Công an nhân dân, 2019	2	Pháp luật đại cương
19.	Giáo trình luật dân sự Việt Nam, tập 1	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuân	Công an nhân dân, 2018	2	Pháp luật đại cương
20.	Giáo trình luật dân sự Việt Nam, tập 2	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuân	Công an nhân dân, 2019	4	Pháp luật đại cương
21.	Giáo trình luật Hiến pháp Việt Nam	Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hòa	Tư pháp, 2019	1	Pháp luật đại cương
22.	Pre-Intermediate Market Leader (3rd ed.)	Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S.	Pearson, Năm xb 2012	20	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2
23.	Intermediate Market Leader (3rd ed.)	Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S.	NXB Thời Đại, 2017	20	Tiếng Anh 3 Tiếng Anh 4
24.	Pass the TOEIC Test - Introductory Course	Miles Craven	NXB Tổng hợp Thành	20	Tiếng Anh 3 Tiếng Anh 4

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
			phố Hồ Chí Minh, 2020		
25.	Giáo trình Kinh tế học (Tập 1)	Vũ Kim Dũng - Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	5	Kinh tế vi mô
26.	Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài liệu học tập Kinh tế vi mô	Phạm Thị Thu Hà (chủ biên) Phạm Xuân Phú, Phạm Quang Khánh, Trần Ngọc Tú	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2019		Kinh tế vi mô
27.	Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Dần	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2006	5	Kinh tế vi mô
28.	Kinh tế vi mô	Tạ Thị Lệ Yên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2014	3	Kinh tế vi mô
29.	Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2010		Kinh tế vi mô
30.	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	Lê Kim Anh, Nguyễn Hương Liên	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2016	21	Kinh tế vĩ mô
31.	Hệ thống câu hỏi và bài tập Kinh tế vĩ mô	Phương M Anh (chủ biên) Lê Kim Anh; Lê Thị Vân Anh; Nguyễn Hương Liên	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam	5	Kinh tế vĩ mô

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
32.	Bài tập Kinh tế học	Damian Ward - David Begg	Nhà xuất bản Thống kê, 2008	6	Kinh tế vĩ mô
33.	Bài tập nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008	3	Kinh tế vĩ mô
34.	Tài liệu học tập luật kinh tế	Phạm Thị Ngoan; Nguyễn Thuỵ Phương	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam	TL số	Pháp luật kinh tế
35.	Giáo trình Luật kinh tế	Phạm Thị Ngoan; Nguyễn Thuỵ Phương	Nxb Khoa học, Kỹ thuật, 2012	27	Pháp luật kinh tế
36.	Luật Doanh nghiệp 2023	Hải Thành sưu tầm	Nxb tài chính, 2020, Việt Nam	6	Pháp luật kinh tế
37.	Luật Phá sản 2022	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NXB Lao động (2022)	6	Pháp luật kinh tế
38.	Bộ luật Dân sự 2023	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia sự thật (2023)	6	Pháp luật kinh tế
39.	Luật Kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (Chủ biên)	Nxb giáo dục, 2011, Việt Nam	4	Pháp luật kinh tế

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
40.	Luật Thương mại 2023	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2017, Việt Nam	1	Pháp luật kinh tế
41.	Luật Trọng tài Thương mại 2023	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NXB lao động, 2023	1	Pháp luật kinh tế
42.	Tài liệu học tập Hệ thống bài tập nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Trần Tuấn Anh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2020, Việt Nam	TL số	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh
43.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Đinh Phi Hổ	Nxb Tài chính, 2018, Việt Nam	6	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh
44.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn	Nxb Tài chính, 2010, Việt Nam	9	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh
45.	Giáo trình Xác suất và thống kê	Trần Thị Hoàng Yến	NXB Lao Động, 2016, Việt nam	18	Xác suất thống kê
46.	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB ĐHQG, 2006, Việt nam	1	Xác suất thống kê
47.	Hướng dẫn giải các bài toán Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB ĐHQG, 2004, Việt nam	1	Xác suất thống kê

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
48.	Giáo trình Lý thuyết Xác suất & thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB Đại học kinh tế quốc dân , 2018, Việt nam	10	Xác suất thống kê
49.	Bài tập Xác suất & thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2009, Việt nam	3	Xác suất thống kê
50.	Tài liệu học tập Quy Hoạch tuyến tính	Hà Anh Dũng	2019, Việt nam	TL số	Toán ứng dụng trong kinh tế
51.	Tài liệu học tập Toán giải tích	Lê Xuân Huy	2019, Việt nam	TL số	Toán ứng dụng trong kinh tế
52.	Đại số tuyến tính qua các ví dụ và bài tập	Lê Tuấn Hoa	NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, Việt nam	3	Toán ứng dụng trong kinh tế
53.	Toán học cao cấp, Tập 2,	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	4	Toán ứng dụng trong kinh tế
54.	Toán học cao cấp, Tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	5	Toán ứng dụng trong kinh tế
55.	Bài tập Toán học cao cấp, Tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	5	Toán ứng dụng trong kinh tế

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
56.	Bài tập Toán học cao cấp, Tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	5	Toán ứng dụng trong kinh tế
57.	Toán cao cấp Tập1-Đại số và hình học giải tích	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, Việt nam	5	Toán ứng dụng trong kinh tế
58.	Tài liệu học tập Đại số tuyến tính	Phạm Văn Bằng	2022, Việt nam	4	Toán ứng dụng trong kinh tế
59.	Tài liệu học tập Kỹ năng lãnh đạo và Tổ chức quản lý	Trần Thị Vân	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2023, Việt nam	1	Kỹ năng nghề nghiệp
60.	Giáo trình kỹ năng toàn diện	Đỗ Mạnh Hùng		1	Kỹ năng nghề nghiệp
61.	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	F. Nguyễn Minh Trí	NXB Lao động xã hội, 2006, VIệt nam	15	Kỹ năng nghề nghiệp
62.	11 chuẩn mực điều hành của nhà lãnh đạo	Jack Welch	NXB Hồng Đức, 2019	10	Kỹ năng nghề nghiệp
63.	Tài liệu học tập Quản trị học	Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Tiến Mạnh, Nguyễn Văn Kỷ, Đặng Thị Thu Phương, Nguyễn Thị	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2019, Việt nam	TL số	Quản trị học

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		Lan Anh, Phạm Hương Thanh			
64.	Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương, Lê Thu Thủy, Bùi Thanh Nga	NXB Bách khoa Hà Nội, 2017, Việt nam	5	Quản trị học
65.	Giáo trình Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà	Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, Việt nam	3	Quản trị học
66.	Quản trị học	Nguyễn Thị Liên Diệp; Trần Anh Minh	NXB Tài chính, 2022, Việt nam	6	Quản trị học
67.	Giáo trình Quản trị học	Nguyễn Xuân Điền	NXB Tài chính, 2017, Việt nam	5	Quản trị học
68.	Tài liệu học tập Marketing Căn bản	Nguyễn Thị Minh Hương	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2019, Việt nam	TL số	Marketing căn bản
69.	Giáo trình Marketing Căn bản	GS.TS. Trần Minh Đạo	Nxb ĐH KTQD, 2022, Việt Nam	10	Marketing căn bản
70.	Nguyên lý Marketing	Philip Kotler, Gary Armstrong	NXB Đại học Kinh tế quốc	01	Marketing căn bản

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
			dân, 2021. Việt Nam		
71.	Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ	Don Sexton	NXB Lao động, 2022, Việt Nam	10	Marketing căn bản
72.	Giáo trình Marketing căn bản	TS. Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thanh Bình	Học viện Ngân hàng, Nxb Lao động, 2022. Việt Nam	6	Marketing căn bản
73.	Tài liệu học tập của học phần Văn hóa kinh doanh	Lưu Khánh Cường	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công Nghiệp 2020, Việt Nam		Văn hoá kinh doanh
74.	Giáo trình văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	NXB Tài chính, 2017, Việt nam	5	Văn hoá kinh doanh
75.	Giáo trình văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB ĐHKTQD, 2010, Việt nam	6	Văn hoá kinh doanh
76.	Giáo trình văn hóa kinh doanh	Nguyễn Thị Bích Loan	NXB Thống kê, 2020, Việt nam	4	Văn hoá kinh doanh
77.	Giáo trình đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	NXB LĐXH, 2005, Việt nam	7	Văn hoá kinh doanh

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
78.	Tài liệu học tập Lý thuyết hạch toán kế toán	Phan Thị Thu Hiền	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật - Công nghiệp 2019, Việt nam	TL số	Lý thuyết hạch toán kế toán
79.	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018, Việt nam	11	Lý thuyết hạch toán kế toán
80.	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hữu Ánh	ĐH Kinh Tế Quốc Dân, 2020, Việt nam	6	Lý thuyết hạch toán kế toán
81.	Hệ thống bài tập và câu hỏi trắc nghiệm Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018, Việt nam	5	Lý thuyết hạch toán kế toán
82.	Chế độ kế toán doanh nghiệp, Quyển 1 - Hệ thống tài khoản		NXB Lao động 2015, Việt nam	5	Lý thuyết hạch toán kế toán
83.	Tài liệu học tập Kế toán doanh nghiệp	Trần Quỳnh Giang	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2019, Việt nam	TLsố	Kế toán doanh nghiệp
84.	Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị	Nhà xuất bản tài chính, 2018, Việt nam	6	Kế toán doanh nghiệp
85.	Kế toán tài chính tập 1	Trần Xuân Nam	Nhà xuất bản tài chính, 2015, Việt nam	9	Kế toán doanh nghiệp

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
86.	Kế toán tài chính tập 2	Trần Xuân Nam	Nhà xuất bản tài chính, 2015 Việt nam	9	Kế toán doanh nghiệp
87.	Kế toán tài chính căn bản: Lý thuyết và thực hành	Phạm Đức Cường	Nhà xuất bản tài chính, 2015, Việt nam	1	Kế toán doanh nghiệp
88.	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế (Lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Phượng	Nxb Lao Động, 2016, Việt nam	18	Lịch sử học thuyết kinh tế
89.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Mai Ngọc Cường	Nxb Thống kê 1999, Việt nam	01	Lịch sử học thuyết kinh tế
90.	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hà Quý Tình	Nxb Tài Chính, 2008, Việt nam	8	Lịch sử học thuyết kinh tế
91.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trần Bình Trọng	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008, Việt nam	6	Lịch sử học thuyết kinh tế
92.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình	Nxb Thống kê 1997, Việt nam	6	Lịch sử học thuyết kinh tế
93.	Tài liệu học tập Tài chính tiền tệ	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trường ĐH KTKTCN, 2020	TL số	Tài chính tiền tệ
94.	Tài liệu học tập Bảo hiểm	Mai Tuấn Anh	Trường ĐH KTKTCN, 2020	TL số	Tài chính tiền tệ
95.	Tài liệu học tập Thị trường chứng khoán	Lê Hải Hà	Trường ĐH KTKTCN, 2020	TL số	Tài chính tiền tệ

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
96.	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	NXB Kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam	11	Tài chính tiền tệ
97.	Thị trường tài chính & quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	NXB Hồng Đức, 2019. Việt Nam	10	Tài chính tiền tệ
98.	Tài liệu học tập Hệ thống thông tin quản lý	Vũ Văn Giang	Trường ĐH KTKTCN, 2022	TL số	Hệ thống thông tin quản lý
99.	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh, Trương Văn Tú, Cao Đình Thi	Đại học Kinh tế quốc dân, 2019,Việt Nam	6	Hệ thống thông tin quản lý
100.	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh, Trương Văn Tú	NXB: Thống kê, , 2000, ViệT Nam	1	Hệ thống thông tin quản lý
101.	Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý	Hàn Viết Thuận	NXB: Kinh tế quốc dân, 2008, Việt Nam	16	Hệ thống thông tin quản lý
102.	Tài liệu học tập học phần Quản trị nhân lực		2019, Việt nam	TL số	Quản trị nhân lực Thực hành Quản trị nhân lực
103.	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024, Việt Nam	10	Quản trị nhân lực Thực hành Quản trị nhân lực

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
					Thực hành Tuyển dụng nhân lực
104.	Quản trị Nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Tài Chính, 2018, Việt Nam	3	Quản trị nhân lực
					Thực hành Quản trị nhân lực
105.	Giáo trình Quan hệ lao động	Vũ Hoàng Ngân & Vũ Thị Uyên	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt Nam	10	Quản trị nhân lực
					Thực hành Quản trị nhân lực
106.	Bộ luật Lao động	Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2024, Việt Nam	7	Quản trị nhân lực
					Thực hành Quản trị nhân lực
107.	Tài liệu học tập Quản trị bán hàng	Đoàn Kim Thêu	Trường Đại học KTKTCN, Năm XB 2019		Quản trị bán hàng
					Thực hành quản trị bán hàng
108.	Chào hàng chuyên nghiệp để bán hàng thành công	Lưu Chí Văn	Nxb Thanh niên , 2022, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng
					Thực hành quản trị bán hàng
109.	Bán hàng thắng lợi	Richard Denny		5	Quản trị bán hàng

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
			NXB Dân Trí, 2018, Việt Nam		Thực hành quản trị bán hàng
110.	Quản trị bán hàng: Dành cho sinh viên đại học, cao học, MBA : Lý thuyết - Bài tập - Đề thi mẫu - Đáp án	Bùi Văn Danh và cộng sự	NXB Phương Đông, 2012, Việt Nam	8	Quản trị bán hàng
111.	Thuật quản lý bán hàng	Brian Tracy	Nxb Thế giới, 2018, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng Thực hành quản trị bán hàng
112.	Quản trị bán hàng hiện đại	Lưu Đan Thọ, Nguyễn Hữu Quân	NXB Tài Chính, (2016), Việt Nam	5	Thực hành quản trị bán hàng
113.	Tài liệu học tập Kỹ thuật dự báo thị trường	Nguyễn Thị Chi	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp, (2019)	TL số	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường
114.	Tài liệu học tập Nghiên cứu Marketing	Đoàn Kim Thêu	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp, (2021)	TL số	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
115.	Giáo trình Kinh tế lượng	PGS.TS. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, (2013)	10	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường
116.	Giáo trình Marketing căn bản	PGS.TS. Trần Minh Đạo	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, (2022)	10	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường
117.	Dự báo trong kinh doanh	Đinh Bá Hùng Anh	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, (2015)	3	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường
118.	Tài liệu học tập Quản trị kinh doanh quốc tế	Trần Mạnh Hùng	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp, (2019)	TL số	Quản trị kinh doanh quốc tế
119.	Bối cảnh toàn cầu hóa lý thuyết và khảo cứu tình huống hiện đại	Ths. Nguyễn Văn Dung	Nhà xuất bản thống kê, (2007)	8	Quản trị kinh doanh quốc tế
120.	Kinh doanh quốc tế - thách thức cạnh tranh toàn cầu	Dương Hữu Hạnh	NXB Thanh niên, 2010	09	Quản trị kinh doanh quốc tế
121.	Giáo trình Kinh doanh quốc tế	PGS.TS. Tạ Lợi, PGS.TS Nguyễn Thị Hường	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023	09	Quản trị kinh doanh quốc tế
122.	Giáo trình Kinh doanh quốc tế	PGS.TS Doãn Kế Bôn, TS. Lê Thị Việt Nga	NXB Hà Nội, 2021	10	Quản trị kinh doanh quốc tế

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
123.	Tài liệu học tập Quản trị Marketing	Nguyễn Thị Minh Hương	Trường ĐH Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, Năm XB 2019	TL số	Quản trị marketing
124.	Giáo trình Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023	10	Quản trị marketing Truyền thông Marketing tích hợp
125.	Quản trị Marketing hiện đại	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật	NXB Tài chính, (2016)	3	Quản trị marketing
126.	Quản trị Marketing	Philip Kotler	NXB Hồng Đức, (2020)	10	Quản trị marketing
127.	Giáo trình Quản trị marketing	Phạm Thị Huyền, Trương Đình Chiến	NXB Giáo dục Việt Nam, (2012)	10	Quản trị marketing
128.	Tài liệu học tập Truyền thông marketing tích hợp	Nông Mai Thanh	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	01	Truyền thông Marketing tích hợp
129.	Giáo trình Truyền thông marketing tích hợp (IMC)	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2019	3	Truyền thông Marketing tích hợp
130.	Quản trị truyền thông marketing tích hợp Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	NXB Tài chính, 2016, Việt nam	5	Truyền thông Marketing tích hợp

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
131.	Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản	PGS.TS Nguyễn Văn Dũng, PGS.TS Đỗ Thị Thu Hằng	NXB Thông tin và truyền thông, 2023, Việt nam	10	Truyền thông Marketing tích hợp
132.	Tài liệu học tập Quản trị đổi mới sáng tạo	Phạm Trung Hải	Trường Đại học KTKTCN 2022, Việt nam	TL số	Quản trị đổi mới sáng tạo
133.	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Vũ Thị Nguyệt và những người khác	NXB Khoa học xã hội, 2023, Việt Nam	10	Quản trị đổi mới sáng tạo
134.	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức = Managing change in organizations	Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang	NXB Bách khoa Hà Nội, 2020, Việt Nam	15	Quản trị đổi mới sáng tạo
135.	Giáo trình lập kế hoạch khởi nghiệp	Nguyễn Thị Phương Linh, Nguyễn Thị Phương Lan	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023, Việt Nam	10	Quản trị đổi mới sáng tạo Khởi sự kinh doanh
136.	Quản lý sự thay đổi = On change Manegement: Chỉ dẫn sống còn cho người lãnh đạo	John P. Kotter...[và những người khác]	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020, Việt Nam	5	Quản trị đổi mới sáng tạo
137.	Đổi mới sáng tạo = On innovation: Sáu ngộ nhận trong phát triển sản phẩm	Harvard Business Review Press; Dịch: An Lê, Hải Ninh	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020, Việt Nam	5	Quản trị đổi mới sáng tạo

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
138.	Quản lý tính sáng tạo và đổi mới: Cẩm nang kinh doanh	Harvard Business School Press; Dịch: Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu; Hiệu đính: Nguyễn Văn Quì	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2016, Việt Nam	3	Quản trị đổi mới sáng tạo
139.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh
140.	Tài liệu học tập Quản trị dự án	Nguyễn Tiến Mạnh	Trường Đại học KTKTCN 2019, Việt nam	TL số	Quản trị dự án
141.	Giáo trình Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB lao động, 2006, Việt nam	09	Quản trị dự án

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
142.	Quản trị dự án	Đinh Bà Hùng Anh	NXB Tài chính, 2019, Việt nam	3	Quản trị dự án
143.	Quản trị dự án những nguyên tắc căn bản	Joseph Heagney	NXB Công thương, 2019, Việt nam	5	Quản trị dự án
144.	Lập và quản lý dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Thống kê, 2004, Việt nam	4	Quản trị dự án
145.	Giáo trình quản trị dự án	Đinh Văn Hải, Trần Phương Anh	NXB Tài chính, 2019, Việt nam	05	Quản trị dự án
146.	Tài liệu học tập Quản trị Marketing,	Nguyễn Thị Minh Hương,	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, 2019		Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing
147.	Lập kế hoạch Marketing hiệu quả	Rohit Bhargava, (Hạnh Dung dịch),	NXB: Phụ nữ, 2020.		Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing
148.	Chiến lược Marketing hoàn hảo,	William M.Luther, (Hồng Hạnh dịch),	NXB Lao động – Xã hội, 2019.		Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing
149.	John Westwood, (Thu Uyên dịch),.	How to write a marketing plan: Bí quyết tăng trưởng thần tốc cho doanh nghiệp,	NXB Dân trí, 2020		Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing
150.	Kỹ năng viết báo cáo hiệu quả	Kashiwwagi Yoshiki	NXB Đại học Kinh tế quốc	5	Thực tập cuối khóa

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		(Châu Phụng dịch)nr	dân, 2019, Việt nam		
151.	Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	PGS. Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt nam	10	Khóa luận tốt nghiệp
152.	Cẩm nang nghiên cứu khoa học: Từ ý tưởng đến công bố	Nguyễn Văn Tuấn	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt nam	5	Khóa luận tốt nghiệp
153.	Tài liệu học tập học phần Quản trị nhân lực,	Nguyễn Thị Thu, Trần Thị Vân, Trần Thị Kim Phượng	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2019	TL số	Quản trị nhân lực,
154.	Giáo trình Quản trị nhân lực,	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân,	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019.		Quản trị nhân lực
155.	Quản trị Nguồn nhân lực,	Trần Kim Dung,	NXB Tài Chính, 2018.		Quản trị nhân lực
156.	Giáo trình Quan hệ lao động	Vũ Hoàng Ngân & Vũ Thị Uyên	, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022.	10	Quản trị nhân lực
157.	Bộ luật Lao động,	Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam,	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2024.	10	Quản trị nhân lực

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
158.	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt nam	8	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
159.	Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì	Herb Cohen, Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi dịch	NXB Lao động – Xã hội, 2019, Việt nam	5	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
160.	Tài liệu học tập Tiểu luận 2 : Phân tích hoạt động kinh doanh	Mai Thị Lụa	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, (2019).		Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh
161.	Giáo trình quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, Việt nam	3	Thực tập cuối khóa
162.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	Nxb Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015, Việt nam	5	Thực tập cuối khóa
163.	Giáo trình Phương pháp điều tra và khảo sát : Nguyên lý và thực tiễn	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai và TS Nguyễn Vũ Hùng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt nam	2	Khóa luận tốt nghiệp
164.	Giáo trình logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	Đoàn Văn Khái	NXB Giáo dục, 2018, Việt nam	3	Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
165.	Tài liệu học tập Xây dựng và phát triển thương hiệu,	Trần Thị Vân, Vũ Văn Giang, Trần Thị Kim Phượng,	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, (2022).	TL số	Xây dựng và phát triển thương hiệu
166.	Quản trị thương hiệu trực tuyến : Bảo vệ hình ảnh doanh nghiệp trên mạng xã hội	Charlie Pownall, (Lê Uyên Thảo dịch),	NXB Thế giới, (2016).		Xây dựng và phát triển thương hiệu
167.	Branding 4.0,	Philip Kotler, (Linh Vũ dịch),	NXB Lao Động, (2017).		Xây dựng và phát triển thương hiệu
168.	Giữ vững thương hiệu : Xây dựng và phát triển thương hệu dành cho thế hệ Y,	Joeri Van Den Bergh & Mattias Behrer (người dịch: Trần Cung),	NXB Dân Trí, (2018).		Xây dựng và phát triển thương hiệu
169.	10 Bước Cất Cánh Thương Hiệu,	Đặng Thanh Vân,	NXB Công Thương, (2023).		Xây dựng và phát triển thương hiệu
170.	Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,	Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	Chính trị Quốc gia, (2011).		Xây dựng và phát triển thương hiệu
171.	Tài liệu học tập Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Trần Thị Thanh Thủy	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, 2018.	TL số	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
172.	Kỹ năng giao tiếp kinh doanh. Tập 1,	Nguyễn Văn Hùng,	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2018.		Giao dịch và đàm phán kinh doanh

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
173.	Kỹ năng giao tiếp kinh doanh. Tập 2,	Nguyễn Văn Hùng,	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2018.		Giao dịch và đàm phán kinh doanh
174.	Kỹ năng giao tiếp kinh doanh. Tập 3,	Nguyễn Văn Hùng,	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2019.		Giao dịch và đàm phán kinh doanh
175.	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân, Nguyễn Thị Xuân Hương, Phan Tố Uyên, Đặng Đình Đào, Phạm Thái Hưng, Vũ Dương Huân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019.		Giao dịch và đàm phán kinh doanh
176.	Thuật Lãnh Đạo	Brian Tracy, Nguyễn Huyền, Nguyễn Chánh dịch,	NXB Thế giới, 2018, Việt nam	5	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
177.	Marketing B2B-Marketing khách hàng tổ chức	Lưu Đan Thọ, Tôn thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	Nxb Tài chính, 2016, Việt Nam	5	Marketing tới khách hàng tổ chức
178.	Quản trị Marketing hiện đại	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật	Nxb Tài chính, 2016, Việt Nam	3	Marketing tới khách hàng tổ chức
179.	Marketing hiện đại: Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ	Nxb Tài chính2015, Việt Nam	5	Marketing tới khách hàng tổ chức

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
180.	Giáo trình Quản trị giá trong Doanh nghiệp	Vũ Minh Đức, Nguyễn Thu Lan, Nguyễn Thanh Thủy	2019, Nxb ĐH KTQD2019, , Việt Nam	4	Marketing tới khách hàng tổ chức
181.	Quản trị kênh phân phối	Đào Thị Minh Thanh	Nxb Tài chính (2018)	1	Quản trị kênh phân phối
182.	Quản trị kênh Marketing: Kênh phân phối	Trương Đình Chiến	Nxb thống kê,2002, Việt Nam	1	Quản trị kênh phân phối
183.	Mô hình phân phối và bán lẻ- Giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam	Đào Xuân Khương	Nxb Lao động 2023, Việt Nam	2	Quản trị kênh phân phối
184.	Quản trị Marketing	Philip Kotler	NXB Hồng Đức (2020)	4	Quản trị kênh phân phối
185.	Tài liệu học tập Marketing thương mại điện tử	Nông Mai Thanh, Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Đỗ Thị Thu Hương	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, (2023)	TL số	Marketing thương mại điện tử
186.	Giáo trình marketing thương mại điện tử	Nguyễn Hoàng Việt	NXB Thống kê, (2011)	TL số	Marketing thương mại điện tử
187.	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	Trần Văn Hoè	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2015)	1	Marketing thương mại điện tử
188.	Ứng dụng Marketing điện tử trong kinh doanh	Phạm Thu Hương, Nguyễn Văn Thoan	NXB Khoa học kỹ thuật, (2009).	1	Marketing thương mại điện tử

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
189.	Philip Kotler, Marc Oliver Opresnik, Kohzoh Takaoka; Dịch: Hoài Linh,	Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0 = 21 st century Marketing	NXB Thế giới (2019)	1	Marketing thương mại điện tử
190.	Tiếp thị 4.0 : Dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số.	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2021, Việt nam	5	Digital marketing
191.	Marketing 5.0 : Technology for humanity	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2021, Việt nam	3	Digital marketing
192.	Digital marketing - Từ chiến lược đến thực thi : Nền tảng thành công cho chiến dịch Marketing thời đại số	Nhiều tác giả	NXB Dân Trí, 2022, Việt nam	10	Digital marketing
193.	Digital Marketing- Xu hướng Marketing tất yếu trong thời đại 4.0	Nhiều tác giả	NXB Lao Động, 2019, Việt nam	5	Digital marketing
194.	Giáo trình Truyền thông marketing tích hợp	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt nam	5	Quản trị truyền thông marketing
195.	Quản trị truyền thông marketing tích hợp Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	NXB Tài chính, 2016, Việt Nam	5	Quản trị truyền thông marketing
196.	Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản	PGS.TS Nguyễn Văn Dũng,	NXB Thông tin và truyền thông, 2023, Việt Nam	10	Quản trị truyền thông marketing

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		PGS.TS Đỗ Thị Thu Hằng			
197.	Giáo trình Quản trị marketing	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2023, Việt Nam	10	Quản trị truyền thông marketing
198.	Giáo trình Quản trị giá trong doanh nghiệp	PGS.TS Vũ Minh Đức	ĐH KTQD, 2019	4	Quản trị giá
199.	Quản trị Marketing	Philip Kotler	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10	Quản trị giá
200.	Nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	Lao động Xã hội, 2012, Việt Nam	3	Quản trị giá
201.	Giá trong chiến lược kinh doanh : Đắt mà bán chạy, rẻ mà có lãi	Hidenobu Senga	Nhà xuất bản Thanh Niên, 2019, Việt Nam	10	Quản trị giá
202.	Tài liệu học tập Marketing quốc tế	Nguyễn Thị Minh Hương (chủ biên), Đoàn Kim Thêu, Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (2023).	TL số	Marketing quốc tế
203.	Giáo trình Marketing quốc tế	Đinh Tiến Minh	Kinh tế TP HCM, 2022, Việt Nam	10	Marketing quốc tế
204.	Giáo trình Marketing quốc tế	Trần Minh Đạo	KTQD, 2011, Việt Nam	2	Marketing quốc tế
205.	Marketing quốc tế = International marketing	Nguyễn Đông Phong	Nxb Kinh tế Tp. Hố Chí	5	Marketing quốc tế

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
			Minh, (2012).		
206.	Quản trị Marketing	Philip Kotler	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10	Marketing quốc tế
207.	Tài liệu học tập Quản trị Marketing	Nguyễn Thị Minh Hương	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, 2019.	TL số	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing
208.	Non obvious guide to small business marketing.	Rohit Bhargava, (Hạnh Dung dịch)	Nhà XB Phụ nữ, 2020	5	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing
209.	Chiến lược Marketing hoàn hảo	William M.Luther, (Hồng Hạnh dịch)	Nhà XB Lao động xã hội, 2019 Việt Nam	5	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing
210.	How to write a marketing plan: Bí quyết tăng trưởng thần tốc cho doanh nghiệp	John Westwood, (Thu Uyên dịch)	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	5	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing
211.	Tiếp thị 4.0 : Dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2021, Việt Nam	5	Thực hành Digital-Marketing
212.	Tiếp thị 5.0 : Công nghệ vị nhân sinh	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2023 Việt Nam	7	Thực hành Digital-Marketing
213.	Từ chiến lược đến thực thi : Nền tảng thành công cho chiến dịch Marketing thời đại số	Nhiều tác giả	NXB Dân Trí ,2022 Việt nam	10	Thực hành Digital-Marketing

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
214.	Digital Marketing- Xu hướng Marketing tất yếu trong thời đại 4.0	Nhiều tác giả	NXB Lao Động, 2019, Việt nam	5	Thực hành Digital-Marketing
215.	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	PGS.TS Vũ Huy Thông	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt nam	10	Hành vi khách hàng
216.	Giáo trình Marketing Căn bản	Gs.Ts. Trần Minh Đạo	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt nam	10	Hành vi khách hàng
217.	Giáo trình Quản trị marketing	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2023, Việt nam	10	Hành vi khách hàng
218.	Quản trị Marketing	Philip Kotler	Hồng Đức, 2020, Việt nam	10	Hành vi khách hàng
219.	Nguyên lý Marketing	Philip Kotler	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt nam		Hành vi khách hàng
220.	Tài liệu học tập Nghiên cứu marketing	Đoàn Kim Thêu	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp, 2021, Việt nam	TL số	Nghiên cứu Marketing
221.	Giáo trình nghiên cứu Marketing	Nguyễn Viết Lâm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt nam	10	Nghiên cứu Marketing

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
222.	Nghiên cứu tiếp thị	Nguyễn Văn Dung	NXB Lao Động, 2010, Việt nam	03	Nghiên cứu Marketing
223.	Giáo trình phương pháp điều tra khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn,	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai, TS.Nguyễn Vũ Hùng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015, Việt nam	02	Nghiên cứu Marketing
224.	Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	TS. Trần Thị Thập	NXB Thông tin và truyền thông, (2018).	1	Bán lẻ trực tuyến
225.	Khởi sự kinh doanh ngành bán lẻ	Entrepreneur Press, Ciree Linsenman, Người dịch: Kiều Thị Hoà, Thu Hà	Nxb Dân Trí, (2021).	1	Bán lẻ trực tuyến
226.	Thuật quản lý bán hàng	TS. An Thị Thanh Nhàn	Nxb Thế giới, (2018).	1	Bán lẻ trực tuyến
227.	Để bao bì truyền tải thông điệp marketing	Gavin ambrose	Paul Harris, 2020	1	Quản trị sản phẩm
228.	Gavin Ambrose – Paul Harris	Để bao bì truyền tải thông điệp marketing	NXB Lao Động, (2020).	1	Quản trị sản phẩm
229.	Quản lý sản phẩm trong thời đại 4.0	Marty cagan & chris jones	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, (2019).		Quản trị sản phẩm
230.	Tài liệu học tập Marketing dịch vụ,	Trần Việt Dũng	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật	TL số	Marketing dịch vụ

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
			Công nghiệp, 2009		
231.	Marketing dịch vụ,	Lưu Văn Nghiêm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2008),	1	Marketing dịch vụ
232.	Marketing Du lịch,	Nguyễn Văn Mạnh và Nguyễn Đình Hòa	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008	1	Marketing dịch vụ
233.	Marketing dịch vụ,	Phạm Thị Huyền và TS Nguyễn Hoài Long	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, (2018),	1	Marketing dịch vụ
234.	Tổ chức sự kiện	PGS.TS. Lưu Văn Nghiêm	Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2012, Việt Nam	1	Tổ chức sự kiện
235.	Kỹ năng tổ chức sự kiện, giao tiếp, ứng xử - tuyển tập mẫu diễn văn, bài phát biểu, hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản trong cơ qua, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp	TS Lê Hồng Minh	NXB Nhà sách Nam Việt, (2020).	1	Tổ chức sự kiện
236.	Giáo trình tổ chức sự kiện thể dục thể thaoNXB Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Minh Thuận	NXB Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019	10	Tổ chức sự kiện
237.	Kỹ năng viết báo cáo hiệu quả	Kashiwwagi Yoshiki	NXB Đại học Kinh tế quốc	5	Thực tập cuối khóa

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		(Châu Phụng dịch)	dân, 2019, Việt nam		
238.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	Nxb Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015, Việt nam	5	Thực tập cuối khóa
239.	Tài liệu học tập học phần Marketing căn bản	Nguyễn, Thị Minh Hương, Phạm, Thị Minh Hoa Đỗ, Thị Thu Hương Nguyễn, Thị Giang Nguyễn, Thị Nguyệt Minh Nguyễn, Phương Linh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam	TL số	Thực tập cuối khóa
240.	Tài liệu học tập học phần: Quản trị Marketing		Khoa Quản trị Và Marketing, Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2018, Việt Nam	TL số	Thực tập cuối khóa
241.	Tài liệu học tập học phần Hành vi khách hàng		Khoa Quản trị Và Marketing, Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2018, Việt Nam	TL số	Thực tập cuối khóa

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
242.	Giáo trình Phương pháp điều tra và khảo sát : Nguyên lý và thực tiễn	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai và TS Nguyễn Vũ Hùng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt nam	2	Khóa luận tốt nghiệp
243.	Giáo trình logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	Đoàn Văn Khái	NXB Giáo dục, 2018, Việt nam	3	Khóa luận tốt nghiệp
244.	Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và	PGS. Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt nam	10	Khóa luận tốt nghiệp
245.	Cẩm nang nghiên cứu khoa học: Từ ý tưởng đến công bố	Nguyễn Văn Tuấn	NXB Tông hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt nam	5	Khóa luận tốt nghiệp
246.	Tài liệu học tập học phần Quản trị chiến lược,		Khoa Quản trị Và Marketing, Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2018, Việt Nam	TL sô	Khóa luận tốt nghiệp
247.	Tài liệu học tập học phần Quản trị tài chính	Phan Thị Minh Phương, Lê Thị Huyền, Nguyễn Thị Chi Lưu, Huỳnh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam		Khóa luận tốt nghiệp
248.	Tài liệu học tập học phần Nghiên cứu marketing	Đoàn Kim Thêu,	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công	TL số	Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		Nguyễn Thị Minh Hương, Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Trần Việt Dũng, Lưu Khánh Cường	nghiệp, 2020, Việt Nam		
249.	Giáo trình Quản trị sản xuất	Phương Mai Anh, Phạm Trung Hải	NXB Lao Động, 2016 Việt Nam		Khóa luận tốt nghiệp

3.8.2. Học liệu đào tạo từ xa

Hiện nay, Khoa đang triển khai đào tạo từ xa ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học, HLĐTTX của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học đã được xây dựng, thẩm định và đưa vào sử dụng gồm 49 bộ/49 học phần trong CTĐT, đối với CTĐT Marketing, số học phần đã có 32 bộ, tương ứng với 32/51 học phần phải xây dựng HLĐTTX của CTĐT. Số HLĐTTX của các học phần còn lại đang được triển khai xây dựng và hoàn thành trong các năm học tiếp theo, sau khi đề án được phê duyệt và tuyển sinh khóa đầu tiên ngành Marketing hình thức đào tạo từ xa đáp ứng theo đúng các quy định hiện hành.

3.9. Bộ phận phụ trách quản lý đào tạo từ xa

Việc tổ chức và quản lý đào tạo từ xa thuộc trách nhiệm của Phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan. Trong đó, nhiệm vụ của các bộ phận cụ thể như sau:

- Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì phụ trách quản lý đào tạo từ xa, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Chịu trách nhiệm chính trong việc tham mưu cho Ban Giám hiệu trong quá trình thực hiện ĐTTX, tổng hợp số liệu, báo cáo lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu;

+ Tham mưu đề xuất chiến lược phát triển, hợp tác trong và ngoài nước trong việc ĐTTX;

+ Chủ trì phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức xây dựng học liệu ĐTTX; quản lý và vận hành học liệu đào tạo từ xa trên hệ thống LMS;

+ Đầu mối tổ chức xây dựng, thẩm định chương trình, đề xuất điều chỉnh, lên kế hoạch đào tạo, phân công bộ môn quản lý và giảng dạy học phần;

+ Tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc tổ chức hợp tác đào tạo từ xa với cơ sở phối hợp đào tạo; Đầu mối tổ chức hợp tác với cơ sở đào tạo trong nước trong việc trao đổi người học;

+ Thực hiện các thủ tục mở lớp đào tạo từ xa theo đúng quy định hiện hành; Phân công cán bộ hỗ trợ học tập và cán bộ quản lý người học thuộc chương trình đào tạo từ xa;

+ Đầu mối và phối hợp với các đơn vị khác trong Nhà trường tổ chức nhập học, khai giảng, bế giảng khóa học

+ Phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phổ biến, hướng dẫn cho người học quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của người học khi bắt đầu khóa học;

+ Đầu mối và phối hợp với các đơn vị khác trong Nhà trường trong việc xét cảnh báo học tập, xét tốt nghiệp; quản lý công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho sinh viên; Lưu trữ hồ sơ và các văn bản pháp lý về tốt nghiệp đại học từ xa (Quyết định công nhận tốt nghiệp, Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên).

- Phòng Công nghệ thông tin:

+ Đầu mối trong việc phối hợp với các đối tác hoặc các đơn vị có liên quan trong việc duy trì, phát triển và cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin (cả phần cứng và phần mềm) phục vụ cho ĐTTX;

+ Cấp tài khoản học tập cho người học, đồng bộ lớp học phần và các dữ liệu liên quan trên hệ thống LMS;

+ Hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố cho người dùng trong quá trình giảng dạy và học tập;

+ Đảm bảo kỹ thuật trong tổ chức thi cho người học tại Trường và các cơ sở phối hợp đào tạo;

- Phòng Chính trị và Công tác sinh viên:

+ Chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ tuyển sinh, chủ trì việc tổ chức thẩm định văn bằng gốc của sinh viên, thực hiện làm thẻ sinh viên; Thực hiện các thủ tục mở lớp ĐTTX theo đúng quy chế và các quy định;

+ Phối hợp với các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và các cơ sở phối hợp đào tạo trong việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến chế độ, chính sách, thủ tục cho sinh viên (nếu có);

+ Đầu mối và phối hợp với Phòng Đào tạo phổ biến, hướng dẫn cho người học quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của người học khi bắt đầu khóa học.

- Phòng Tuyển sinh và truyền thông: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh; tư vấn, tuyên truyền, quảng bá, phổ biến về loại hình giáo dục từ xa.

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng:

+ Tổ chức thực hiện công tác liên quan đến khảo thí và đảm bảo chất lượng đối với hoạt động ĐTTX;

+ Lấy ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan khác về hoạt động đào tạo từ xa;

- Phòng Thanh tra – Pháp chế: kiểm tra, thanh tra mọi hoạt động liên quan đến tổ chức thực hiện chương trình ĐTTX đảm bảo đúng Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Phòng Tài chính kế toán: thực hiện tổ chức thu học phí, lệ phí và quản lý về công tác tài chính liên quan đến quá trình thực hiện ĐTTX.

- Phòng Tổ chức cán bộ: quản lý đội ngũ nhân lực tham gia thực hiện chương trình ĐTTX gồm các cán bộ, giảng viên và chuyên viên; chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức, quản lý bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân lực liên quan đến thực hiện chương trình ĐTTX.

- Trung tâm thư viện: Cung cấp cho sinh viên các tài liệu tham khảo, học liệu bổ trợ dưới dạng tài liệu in ấn hoặc tài liệu điện tử thông qua hệ thống thư viện điện tử phục vụ cho ĐTTX.

3.10. Báo cáo tự đánh giá về việc đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo trực tuyến

Đề tổ chức ĐTTX qua mạng, Trường đã đảm bảo triển khai đầu đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11 của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học, bao gồm:

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm tổ chức đào tạo trực tuyến không đồng bộ và có đầy đủ các chức năng đáp ứng yêu cầu tại khoản 3, điều 5 của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT, bao gồm:

+ Giúp người dạy lên kế hoạch đào tạo trực tuyến không đồng bộ, chuyển tải học liệu tới người học, giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; theo dõi và hỗ trợ người học khai thác nội dung học tập; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của người học.

+ Cho phép người học truy cập, khai thác nội dung học tập; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của người dạy; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với người dạy và các người học khác trong cùng không gian học tập.

c) Cho phép Nhà trường quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của người học và các hoạt động dạy của người dạy; ghi nhận một cách trung thực, chính xác quá trình học tập của từng người học; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu Nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục.

Cụ thể, cổng thông tin điện tử đào tạo trực tuyến của Trường đã được tích hợp các hệ thống, chức năng: hệ thống quản lý học tập, kho học liệu số, diễn đàn trao đổi và các công cụ hỗ trợ khác để trao đổi về học tập, giải đáp thắc mắc của người học có sự tham gia của giảng viên, cung cấp thông tin liên quan đến đào tạo trực tuyến, hệ thống tài khoản đăng nhập và có kế hoạch cung cấp đến từng người học để trao đổi thông tin đến toàn bộ quá trình ĐTTX

Hệ thống quản lý học tập: Phần mềm LMS, phần mềm Google meet, phần mềm Zoom, Phần mềm quản lý quá trình học tập (LIPE), Lớp học ảo trực tuyến (VCR) (đã được trình bày trong mục 3.4)

- Hệ thống học liệu đào tạo trực tuyến của nhà trường đáp ứng theo quy định tại Điều 6 của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT, cụ thể:

+ Nội dung của học liệu đáp ứng các yêu cầu của chương trình đào tạo, có tính sư phạm, dễ sử dụng, tính tương tác cao, đáp ứng nhu cầu tự học của người học

+ Học liệu đào tạo trực tuyến được xây dựng, thẩm định và đưa vào sử dụng theo các quy định hiện hành và quy định của Trường (Quyết định số 666/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 05/9/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy định về công tác xây dựng học liệu điện tử của Trường)

- Nhân lực triển khai đào tạo trực tuyến của nhà trường đáp ứng theo quy định tại Điều 7 của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT, cụ thể:

+ Đội ngũ quản trị, vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến: Phòng Công nghệ thông tin của nhà Trường chịu trách nhiệm quản trị hệ thống CNTT trong ĐTTX. Hiện phòng Công nghệ thông tin có đủ đội ngũ và đã có kinh nghiệm nhiều năm vận hành, quản trị hệ thống CNTT, xử lý kỹ thuật và upload học liệu điện tử để phục vụ giảng dạy E-learning của Trường.

+ Đội ngũ thiết kế và sản xuất học liệu: Đội ngũ cán bộ thiết kế HLĐTTX là các giảng viên chuyên môn của trường có kinh nghiệm trong thiết kế, xây dựng học liệu điện tử đưa vào trong giảng dạy blended tại Trường trong đào tạo đại học chính quy, đã tham gia các lớp tập huấn về xây dựng bài giảng số; được tập huấn xây dựng học liệu điện tử tại Trường bởi các chuyên gia có kinh nghiệm trong ĐTTX. Đội ngũ giảng viên thiết kế học liệu đã am hiểu quy trình thiết kế, quy trình sản xuất học liệu, sử dụng thành thạo các công cụ CNTT và đã thiết kế, xây dựng HLĐTTX. Ngoài ra, các bộ HLĐTTX còn được hỗ trợ xử lý kỹ thuật, đóng gói đảm bảo đáp ứng theo tiêu chuẩn E-learning, bảo bảo tính chuyên nghiệp, đồng bộ bởi cán bộ của Phòng CNTT.

+ Đội ngũ làm cố vấn và giáo vụ học tập: Đội ngũ cố vấn và giáo vụ học tập là cán bộ của Phòng Đào tạo, có kinh nghiệm trong quản lý và hỗ trợ học tập cho người học. Đội ngũ đã được tập huấn kỹ năng và phương pháp quản lý, hỗ trợ người học từ xa.

+ Đội ngũ giảng viên giảng dạy: Đội ngũ giảng viên đã được tập huấn phương pháp giảng dạy trực tuyến, có kinh nghiệm trong đào tạo theo hình thức Blended đối với sinh viên đại học chính quy, đã nắm vững kỹ năng đào tạo trực tuyến; có khả năng quản lý, định hướng, hướng dẫn và giải đáp người học qua phương thức đào tạo qua mạng, sử dụng thành thạo hệ thống quản lý học tập qua mạng và các phương tiện CNTT theo quy định. Các giảng viên trực tiếp giảng dạy ĐTTX cũng được nhà trưởng tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng và phương pháp ĐTTX.

- Quy chế tổ chức đào tạo trực tuyến của nhà trường được xây dựng và ban hành theo Quyết định số 796/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 17/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy định về quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến của Trường.

3.11. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Marketing được thiết kế như sau:

Tên chương trình : Marketing

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Marketing

Mã số : 7340115

Hình thức đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung*:*

Chương trình đào tạo đại học từ xa ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp vào giải quyết các vấn đề thuộc ngành Marketing. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành marketing chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên sau tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Marketing có khả năng:

PO1: *Áp dụng* kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chính trị, pháp luật,kiến thức chung về kinh tế và quản lý để vận dụng vào các hoạt động marketing trong doanh nghiệp;.

PO2: *Áp dụng* kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chính trị, pháp luật, kiến thức chung về kinh tế và quản lý để vận dụng vào các hoạt động marketing trong doanh nghiệp;.

PO3: *Thể hiện* kỹ năng chuyên môn, kỹ năng bổ trợ phù hợp với vị trí, việc làm trong lĩnh vực marketing.

PO4: *Thể hiện* được khả năng việc độc lập, năng lực tự chủ, khả năng tự cập nhật kiến thức, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực marketing.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)
1	**PLO1**	*Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị
		PI1.1. *Áp dụng* được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
		PI1.2. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của ngành
2	**PLO2**	Áp dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực marketing
		PI2.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học quản lý vào giải quyết các vấn đề marketing
		PI2.2. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về kinh tế vào giải quyết các vấn đề marketing.
3	**PLO3**	Áp dụng được kiến thức cơ bản về các chức năng quản trị kinh doanh để phối hợp với chức năng marketing nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề về marketing
		PI3.1. *Áp dụng* được kiến thức nền tảng marketing phối hợp các chức năng khác để lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh.
		PI3.2. *Áp dụng* được kiến thức chức năng marketing để phát hiện và giải quyết các vấn đề marketing.

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)
4	**PLO4**	*Phân tích* được môi trường kinh doanh để nghiên cứu, phân tích, phát hiện, lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và điều hành hoạt động marketing.
		PI4.1. *Phân tích* được các yếu tố về thị trường, hành vi khách hàng để thực thi chiến lược marketing.
		PI4.2. *Phân tích* được hoạt động marketing để có giải pháp thực thi các chiến dịch marketing.
5	**PLO5.01**	*Tổng hợp* được kiến thức chuyên ngành marketing nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động marketing.
		PI5.1.01. *Thiết lập* được các kế hoạch marketing trong các tình huống kinh doanh khác nhau.
		PI5.2.01 *Đề xuất* được những giải pháp thực tiễn trong quá trình thực thi kế hoạch marketing.
6	**PLO6**	Sử dụng khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết vấn đề chuyên môn.
		PI6.1. *Sử dụng* hiệu quả các hình thức giao tiếp: viết email, văn bản, báo cáo, thuyết trình trong công việc chuyên môn
		PI6.2. *Sử dụng* hiệu quả kỹ năng làm việc nhóm: kết nối và hình thành nhóm, tổ chức hoạt động nhóm để giải quyết vấn đề chuyên môn
7	**PLO7**	Sử dụng được ngoại ngữ Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)
		PI7.1. *Đọc, hiểu* được các tài liệu liên quan đến công việc bằng tiếng Anh
		PI7.2. *Nghe, nói* được tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc
8	**PLO8**	Sử dụng được duy phản biện, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
		PI8.1. *Phản biện* lại được các vấn đề của người khác nêu ra một cách thuyết phục.
		PI8.2. *Đề xuất* được các ý tưởng mới trong hoạt động marketing.
		PI8.3. *Xây dựng* được đề án khởi nghiệp.

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)
9	PLO9	Ứng dụng được công nghệ thông tin, những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong công việc chuyên môn.
		PI9.1. *Sử dụng* được các thiết bị, phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn.
		PI9.2. *Khai thác, quản lý và sử dụng* được nguồn dữ liệu số để phục vụ hoạt động chuyên môn.
10	PLO10	Thực hiện được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động.
		PI10.1. *Thực hiện* được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, thị trường và hành vi khách hàng trong bối cảnh biến động của môi trường kinh doanh.
		PI10.2. *Triển khai và đánh giá* được các kế hoạch, tình huống liên quan đến hoạt động marketing trong hoàn cảnh thay đổi của thị trường.
11	PLO11	Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh.
		PI11.1. *Thể hiện* được khả năng tự chủ làm việc độc lập, quản lý công việc hiệu quả.
		PI11.2. *Thể hiện* được khả năng tự học, tự định hướng phát triển nghề nghiệp
		PI11.3. *Đưa ra* được kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học.
		PI11.4. *Tuân thủ* đúng các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong kinh doanh

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số:*

01/2014/TT-BGDT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- Nhóm chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; quản lý thị trường và thương mại...có liên quan đến thị trường, khách hàng, thương hiệu và các vấn đề Marekting.

- Nhóm nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo.

- Nhóm chuyên viên hay nhà quản trị các bộ phận có liên quan đến hoạt động marketing, thị trường, khách hàng, thương hiệu và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như:

+ Bộ phận marketing, quản trị marketing, quản trị và phát triển thị trường.

+ Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm; nghiên cứu thị trường.

+ Bộ phận quản trị thương hiệu; bộ phận quảng cáo và phát triển ý tưởng sáng tạo.

+ Bộ phận quản trị kênh phân phối, bán hàng và dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng và quản trị quan hệ khách hàng.

+ Bộ phận cung ứng dịch vụ cho khách hàng của các công ty cung ứng dịch vụ liên quan đến thương hiệu, nghiên cứu marketing, truyền thông marketing.

+ Có khả năng trở thành giám đốc marketing, trưởng các bộ phận chức năng marketing, truyền thông, giám đốc thương hiệu,...

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, tạo lập điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Marketing sẽ đảm nhận những vị trí công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

o **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Marketing có thể làm tại một vị trí công việc hoặc nhiều vị trí trong công ty, doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Cụ thể là:

• *Nhân viên nghiên cứu thị trường*

• *Nhân viên kinh doanh*

• *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản phẩm, bán hàng, dự, cung ứng vật tư*

• *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*

• *Trợ lý dự án*

• *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*

• *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*

o **Trong thời gian từ 5-10 năm,** cử nhân Marketing có thể phát triển đến các vị trí như:

• *Trưởng một đơn vị trực thuộc như trưởng nhóm, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*

• *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*

• *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*

o **Sau 10 năm,** với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Marketing là:

• *Nhà phân tích thị trường*

• *Chủ một doanh nghiệp*

• *Giám đốc kinh doanh*

Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn:

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để có thể:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5.01**	**PLO5.02**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**
PO1	X	X										
PO2			X	X	X	X						
PO3							X	X	X	X	X	
PO4												X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 137. tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *68 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *21 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh:

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định.

Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá:

Theo thang điểm 10**,** theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)**	**Khoa/ Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL, Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (39 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*					**39**	

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1.1. Lý luận chính trị				**11**	
001535	1. Triết học Mác-Lênin	Học phần giúp cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận và vận dụng một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị MácLênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội, những căn cứ lý luận khoa học để hiểu quan điểm, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý giải và có thái độ thực tiễn xã hội nâng cao lòng tin vững chắc vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, con đường mà Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới.				
	1.2. Khoa học xã hội				**2**	
000585	1. Pháp luật đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân - gia đình và Luật Lao động.	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học – Tin học				**7**	
001102	1. Xác suất thống kê	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.	KHƯD	3	(36, 18, 90)	x
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	Toán ứng dụng cho kinh tế là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành kinh tế, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế; kiến thức đại số tuyến tính như ứng dụng ma trận, hệ phương trình tuyến tính trong các bài toán kinh tế	KHƯD	3	(36, 18,90)	
001264	3.Quy hoạch tuyến tính	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các bài toán quy hoạch tuyến tính, các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, quy hoạch tuyến tính đối ngẫu, bài toán toán vận tải và thuật toán thế vị, lý thuyết sơđồ mạng và ứng dụng	KHƯD	2	(26, 18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		trong việc quản trị dự án theo thời gian.				
001053	4.Đại số tuyến tính	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về: Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian véc tơ; Ánh xạ tuyến tính; Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương.	KHƯD	2	(26, 18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ				**16**	
001942	1. Tiếng Anh	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ				**3**	
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về nhận thức bản thân.	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
002238	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTMK	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về nghề nghiệp QTMK	QT&MAR	1	(15,0,30)	

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15,0,30)	
002243	4. Nhập môn Internet và E-leanring	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về internet, E-learning, quy trình và phương pháp học tập elearning. Thông qua đó, người học sẽ vận dụng các kiến thức và kỹ năng học e-learning để áp dụng cho các học phần sau một cách hiệu quả	CNTT	3	(39,12,90)	x
	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)				**98**	
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành				**24**	
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc				***20***	
000564	1. Kinh tế vi mô	Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000519	3. Văn hoá kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh như: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách	QT& MAR	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp.				
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về kế toán như: Khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc và đối tượng của kế toán; các phương pháp kế toán và vận dụng chúng vào hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	5. Quản trị học	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và toàn diện về quản trị, nhà quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo và chức năng kiểm tra) và một số vấn đề trong quản trị học hiện đại.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
001109	6. Tài chính tiền tệ	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính	TCNH &BH	3	(39, 12, 90)	x
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000568	8. Pháp luật kinh tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm hai nội dung chính:- Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật kinh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		tế Việt Nam và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế - Những chế định cơ bản của Luật kinh tế Việt Nam: Pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.				
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các học phần)				**4**	
001269	1. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời kỳ cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Marx - Lenin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.	TM	2	(26,8,60)	x
001619	3. Kế toán quản trị	Kế toán quản trị là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Marketing. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho việc lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí, phân loại chi phí, phân loại giá thành, quản trị giá thành cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. Cung cấp thông tin chi phí để tính điểm hòa vốn, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận, sử dụng thông tin để ra các quyết định về cơ cấu	KTKT	2	(26, 8, 60)	

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		chi phí, giá bán, tổ chức quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.				
000480	4. Hệ thống thông tin quản lý	Học phần trang bị cho sinh viên khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh bằng các Hệ thống thông tin quản lý dựa trên cơ sở công nghệ thông tin một cách có hệ thống. Mặt khác, học phần đề cập đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật nhất về quản trị các Hệ thống thông tin quản lý, quản trị các nguồn lực và vấn đề an toàn hệ thống thông tin quản lý.	QT& MAR	2	(26, 8, 60)	
	2.2. Kiến thức ngành				**49**	
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc				***37***	
001104	1. Marketing căn bản	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
000497	2. Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Marketing. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị con người trong tổ chức nhằm đạt được kết quả tốt nhất cho tổ chức và gia tăng sự thỏa mãn, phát triển của nhân viên. Học phần bao gồm các nội dung cơ	QT& MAR	3	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		bản về: các triết lý của quản trị nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, quan hệ lao động				
002380	3. Hành vi khách hàng	Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Marketing. Môn học này sẽ giúp người học nhận biết, đánh giá tâm lý và hành vi khách hàng, biết cách tìm hiểu và nghiên cứu tâm lý và hành vi của khách hàng cho một thương hiệu hay sản phẩm/dịch vụ cụ thể để từ đó định vị đúng thương hiệu, sản phẩm/dịch vụ trên thị trường, xác định đúng khách hàng mục tiêu và tiềm năng	QT& MAR	3	(26, 8, 60)	x
001610	4. Nghiên cứu Marketing	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cốt lõi nhằm tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu Marketing thông qua việc thiết kế, triển khai thực hiện một dự án nghiên cứu Marketing nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ra các quyết định của nhà quản trị Marketing. Học phần sẽ trình bày quy trình thực hiện dự án nghiên cứu, bao gồm: Phát hiện vấn đề và xác định mục tiêu nghiên cứu, thiết kế dự án nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và dự báo thị trường, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ	QT& MAR	2	(0, 60, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	báo thị trường	liệu, phân tích số liệu, ứng dụng số liệu phân tích vào dự báo nhu cầu thị trường và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu được trong các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược tiếp theo của doanh nghiệp.				
002381	6. Quản trị kênh phân phối	Quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về tổ chức và quản trị hệ thống kênh phân phối sản phẩm của các doanh nghiệp như những nội dung về sự hoạt động của kênh phân phối, cấu trúc kênh, môi trường kênh phân phối, thiết kế quản trị, đánh giá kênh phân phối	QT& MAR	2	(26, 8, 60)	x
002382	7. Thực hành Quản trị marketing trong doanh nghiệp.	Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn thông qua các nội dung cụ thể: Phân tích các yếu tố môi trường marketing, Phân tích thị trường mục tiêu, định vị và các chương trình marketing mix của doanh nghiệp, khảo sát sự hài lòng của khách hàng và xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động marketing cho doanh nghiệp.	QT& MAR	3	(0, 90, 90)	x
002383	8. Quản trị truyền thông marketing	Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing, bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá	QT& MAR	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng và quản lý hoạt động tuyền thông, nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp				
001392	9. Quản trị bán hàng	Nội dung học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Kỹ thuật bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
002384	10. Digital Marketing	Học phần trang bị cho người học những lý luận cơ bản về Digital Marketing và tầm quan trọng của Digital Marketing trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông trong môi trường số và các công cụ Digital như: Marketing qua công cụ tìm kiếm, Marketing qua mạng xã hội, email Marketing, mobile Marketing...	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
001373	11. Thực Quản trị bán hàng	Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý bán hàng, xây dựng mục tiêu và tổ chức lực lượng bán hàng, triển khai bán hàng, đánh	QT& MAR	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		giá hiệu quả bán hàng và chăm sóc khách hàng**.**				
002387	12. Quản trị sản phẩm	Học phần này được xây dựng trên quan điểm quản trị sản phẩm đòi hỏi sự hiểu biết, triển khai nhất quán từ chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những hiểu biết về các yếu tố cơ bản của một sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và có tính cạnh tranh cao	QT& MAR	2	(26, 8, 60)	x
002388	13. Quản trị giá	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận chung về quản trị giá, nghiên cứu các vấn đề phục vụ cho các quyết định liên quan đến quá trình định giá bán sản phẩm như: xác định các chi phí của một sản phẩm, các phương pháp xác định chi phí, phân tích nhu cầu thị trường, phân tích tài chính, phân tích cạnh trạnh trong quá trình định giá, xác định các phương pháp xác định giá, các chiến lược giá.	QT& MAR	2	(26, 8, 60)	x
001107	14. Quản trị marketing	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing và việc ứng dụng các chức năng quản trị vào lĩnh vực marketing gồm: Hoạch định chiến lược marketing; Quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Phân tích môi trường marketing; Phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Các chiến lược cạnh tranh và phát triển; Quản trị các chương trình marketing bao gồm Quản trị sản phẩm và thương hiệu, Quản trị giá bán sản phẩm Quản trị kênh phân	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		phối và Quản trị truyền thông marketing tích hợp; Tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing.				
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)				***12***	
002101	1. Quản trị quan hệ khách hàng	Môn học nghiên cứu tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm chiến lược, những đo lường marketing, tổ chức, sử dụng cơ sở dữ liệu khách hàng... Qua việc phối hợp lý thuyết và thực hành, môn học giúp sinh viên trả lời được các câu hỏi như: Thế nào là CRM? CRM giúp ta đạt được gì và đạt được như thế nào? Cách thức thực hiện chiến lược CRM trong tổ chức?	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
001479	2. Thực hành quản trị quan hệ khách hàng	Học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần hệ thống hoá những kiến thức căn bản của quản trị quan hệ khách hàng và tổ chức cho sinh viên thực hành phân tích các tình huống quản trị quan hệ khách hàng và ra quyết định quản lý	QT& MAR	3	(0, 90, 90)	x
001481	3. Xây dựng và phát triển thương hiệu	Học phần này được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thương hiệu, xây dựng thương hiệu, bảo vệ thương hiệu, truyền thông thương hiệu, phát triển thương hiệu, xây dựng thương hiệu trên thị trường quốc tế.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
002062	4. Quản trị đổi mới sáng tạo	Đây là học phần trang bị các khái niệm chính, mục đích, vai trò của đổi mới sáng tạo và nội dung quá trình quản trị đổi mới sáng tạo. Các mô hình đổi mới sáng tạo	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		cũng như các mô hình tạo lập, tăng cường giá trị cho tổ chức. Các kiến thức về nguồn gốc của đổi mới sáng tạo, chiến lược đổi mới sáng tạo, ưu nhược điểm của từng loại hình chiến lược đổi mới				
002389	5. Marketing chiến lược	Học phần Marketing chiến lược cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc xây dựng các chiến lược marketing cho các doanh nghiệp/ tổ chức. Nội dung của học phần tập trung vào phân tích thị trường để từ đó phát hiện và phát triển năng lực cạnh tranh độc đáo cho doanh nghiệp thông qua chiến lược marketing, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho doanh nghiệp/ tổ chức.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	
001289	6. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức về giao tiếp của con người trong lĩnh vực kinh tế; nghiên cứu những hành vi và kỹ năng trong giao tiếp; nghiên cứu hoạt động đàm phán trong kinh doanh, những kỹ thuật tổ chức đàm phán. Nắm được cách thức làm việc theo nhóm; những phương pháp và phong cách lãnh đạo, các kỹ năng lãnh đạo nhằm mang lại thành công trong công việc nói chung và cả trong giao dịch kinh doanh nói riêng. Từ đó khái quát hóa lý luận thành chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật giao dịch, đàm phán.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	
001106	7. Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản xoay quanh hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp như hội nhập quốc tế, các hoạt động thương	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		mại và đầu tư quốc tế. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về môi trường kinh doanh quốc tế, quản trị chiến lược kinh doanh quốc tế, quản trị sản xuất và quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế,				
001333	8. Marketing thương mại	Marketing thương mại giới thiệu các kiến thức, phương pháp, kinh nghiệm và nghệ thuật trong lĩnh vực quản trị và công nghệ kinh doanh ở các loại hình doanh nghiệp thương mại. Do đó, học phần Marketing thương mại là một trong các học phần có vai trò to lớn trong quản lý kinh tế, đặc biệt là quản lý kinh tế vi mô.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	
001324	9. Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng; nắm được tình hình sử dụng các nguồn lực đầu vào; kiểm soát chi phí thông qua biến động giá thành sản phẩm; phân tích được quá trình tiêu thụ, lợi nhuận; hiểu được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo tài chính từ đó đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	
001253	10. Quản trị dự án	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án, quản trị dự án; giới thiệu cho người học các tiêu chí lựa chọn dự án, các mô hình quản lý dự án. Học phần	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		cũng giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp lập kế hoạch tiến độ dự án, lập ngân sách dự án, phân bổ nguồn lực, quản trị rủi ro dự án và các thủ tục, hình thức kết thúc dự án.				
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*				***25***	
	2.3.1. Module 1: Marketing					
001611	1. Marketing quốc tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản Marketing quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, Môi trường Marketing quốc tế, Chiến lược thâm nhập thị trường thế giới, Chiến lược cạnh tranh quốc tế, Chiến lược 4P quốc tế, Tổ chức hoạt động Marketing quốc tế.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
002391	2. Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing	Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức về Marketing trong việc lập kế hoạch Marketing. Rèn luyện khả năng thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và tổng hợp dữ liệu nhằm xây dựng chiến lược Marketing hiệu quả	QT& MAR	2	(0, 60, 60)	x
002385	3. Thực hành Digital-Marketing	Học phần được xây dựng nhằm giúp sinh viên có khả năng thực tế trong việc xây dựng chiến lược Marketing kỹ thuật số từ phân tích môi trường trong Marketing kỹ thuật số đến xây dựng các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phố và đặc biệt là các chính sách truyền thông – xúc tiến hỗn hợp trong digital marketing.	QT& MAR	3	(0, 90, 90)	x
001287	4. Marketing dịch vụ	Học phần Marketing dịch vụ cung cấp những kiến thức sau: tổng quan về ngành dịch vụ, phân tích đặc điểm của ngành công nghiệp	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		dịch vụ, hệ thống sản xuất cung ứng dịch vụ, chất lượng dịch vụ và chiến lược Marketing hỗn hợp dịch vụ (7P: Products, Place, Promotion, Prices, People, Process, Provision of customer service)				
002392	**Thực Tập Cuối Khóa**	Học phần trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng những lý thuyết về quản trị Marketing trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp bao gồm: xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); đánh giá cơ cấu tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; đánh giá chung tình hình kinh doanh của doanh nghiệp; mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị marketing của doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, ngoài việc ứng dụng các kiến thức đã học và tự trang bị trong thực tế để giải quyết các vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp, sinh viên cần hiểu sâu cơ cấu tổ chức và nắm rõ được sự vận hành của doanh nghiệp trong nhằm đáp ứng khả năng hội nhập nhanh với thực tế ở doanh nghiệp khi đi làm việc chính thức. Kết thúc đợt thực tập, sinh viên sẽ có các kiến thức học thuật về chuyên ngành đào tạo và kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để sẵn sàng làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức.	QT& MAR	**5**	(0, 300, 0)	x
002393	**Khóa luận tốt nghiệp**	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành	QT& MAR	**9**	(0, 540, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		quản trị kinh doanh. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học				
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
002057	1. HPTT1: Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm hành vi mua của tổ chức và cách thức thực hiện hoạt động marketing đối với khách hàng là các tổ chức, doanh nghiệp, bao gồm: Đặc điểm khách hàng tổ chức và quản trị marketing với thị trường khách hàng tổ chức; Hành vi mua của khách hàng tổ chức; Xây dựng chiến lược marketing và các chính sách marketing mix với khách hàng tổ chức.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x
001967	2. HPTT2: Marketing thương mại điện tử	Học phần bao gồm những nội dung chính sau: Tổng quan về marketing; hành vi mua của khách hàng điện tử và nghiên cứu thị trường điện tử; lập kế hoạch marketing điện tử; quản trị công	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		cụ marketing hỗn hợp trong TMĐT: quản trị sản phẩm chào hàng, quản trị định giá, quản trị truyền thông, quản trị phân phối; kiểm tra và đánh giá marketing .				
002394	3. HPTT3: Tổ chức sự kiện	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: qui trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến trong chuyên ngành Kinh tế gia đình và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện.	QT& MAR	3	(39, 12, 90)	x

Ghi chú:

Các học phần lý thuyết ký hiệu kết cấu N (a, b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: a (với a=Nx(15-d)) – trong đó d là số buổi thảo luận/TH của học phần (khuyến nghị d lấy bằng N), học phần giảng dạy trong 15 buổi.
- Số tiết thảo luận, Thực hành môn học của HP (TL): b (b=dxN)
- Số giờ sinh viên tự học: c (với c=Nx30)

Các học phần thực hành, tiểu luận ký hiệu kết cấu N (0, b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b=30xN)
- Số giờ chuẩn bị cá nhân: c (c= Nx30)

Học phần thực tập, thực tập cuối khóa ký hiệu kết cấu N (0, b, 0) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b=60xN)

9. Hướng dẫn thực hiện

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Quyết định số 795/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

10. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Kiến thức giáo dục đại cương							
1.1. Lý luận chính trị							
	1. Triết học Mác-Lênin	3	33	24	ThS. Mai Chi, ThS. Nguyễn Văn Bảng; ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đoàn Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS Trần Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Luyến	1	
	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18	ThS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Nguyễn Văn Bảng TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Mai Chi; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đoàn Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Trần Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Luyến	3	
	3. CNXH Khoa học	2	21	18	ThS. Nguyễn Văn Bảng, ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Mai Chi; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đoàn Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Trần Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu	4	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Huyền; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Luyến		
	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	ThS. Ngô Thị Mai, TS. Lê Thị Lý, ThS. Hoàng Thị Thu Thủy, ThS. Ninh Văn Hùng, ThS. Lại Thị Thùy Linh	6	
	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18	GVC-ThS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Trần Thị Mỵ, ThS. Đào Thanh Bình, ThS. Nguyễn Thị Min	7	
1.2. Khoa học xã hội							
	1. Pháp luật đại cương	2	26	8	Ths. Trần Thị Thu Hằng,Ths. Trần Mạnh Toàn; Ths. Phạm Thị Thúy, Ths. Hà Diệu Hằng.	1	
1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học – Tin học							
	1. Xác suất thống kê	3	26	8	ThS. Trần Chí Lê, TS. Trần Thị Hoàng Yến, TS. Chu Bình Minh, ThS. Hà Anh Dũng, ThS. Nguyễn Hạnh Lê, ThS. Trần Thị Kim Thanh, ThS. Ngô Thị Toán, ThS. Hà Thị Thanh , ThS. Lê Lệ Hằng	1	
	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	26	8	Ths. Trần Thị Kim Thanh, Ths. Ngô Thị Toán, Ths. Nguyễn Thị Hạnh Lê, Ths. Cao Thị Thanh Xuân, ThS. Ngô Thị Toán, ThS. Hà Thị Thanh , ThS. Lê Lệ Hằng	3	
	3. Đại số tuyến tính	2	26	8	TS. Phạm Văn Bằng, TS. Lê Xuân Huy, Lê Thanh Sơn, ThS. Cao Thị Thanh Xuân, ThS. Lê Lệ Hằng, ThS. Hà Thị Thanh, ThS.	3	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Trần Văn Toàn, ThS. Vũ Thị Ngọc.		
	4. Quy hoạch tuyến tính	2	26	8	Ths. Hà Anh Dũng, TS. Trần Thị Hoàng Yến, Ths. Chu Bình Minh, Ths. Trần Chí Lê, Ths. Trần Thị Kim Thanh, Ths. Ngô Thị Toán, Ths. Nguyễn Thị Hạnh Lê, Ths. Cao Thị Thanh Xuân	3	
1.4. Ngoại ngữ							
	1. Tiếng Anh 1	4	48	12	ThS. Phạm Hồng Nhung và các giảng viên khoa ngoại ngữ	2	
	2. Tiếng Anh 2	4	48	12	TS. Nguyễn Thu Hà và các giảng viên khoa ngoại ngữ	3	
	3. Tiếng Anh 3	4	48	12	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương và các giảng viên khoa ngoại ngữ	4	
	4. Tiếng Anh 4	4	48	12	ThS. Lê Anh Thư và các giảng viên khoa ngoại ngữ	5	
1.5. Kiến thức bổ trợ							
	1. Nhập môn internet và E-learning	3	39	12		1	
	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	15	0	TS Vũ Thị Nguyệt, Ths Hồ Thị Phương	2	
	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTMK	1	15	0		5	
	4. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	15	0	TS Vũ Thị Nguyệt, Ths Hồ Thị Phương	7	
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
2.1.1. Kiến thức bắt buộc							

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	1. Kinh tế vi mô	2	26	8	Ths. Lê Kim Anh, Ths. Phương Mai Anh ; TS. Lê Thị Kim Chi,Ths. Phạm Thị Thùy Linh, Ths. Nguyễn Hương Liên, Ths. Lê Thị Vân Anh, Ths. Phạm Thị Thu Hà ; Ths. Trần Tuệ An ; Ths. Phạm Thị Thanh Tân ; Ths. Trần Thị Thu Huyền ; Ths. Phạm Quang Khánh ; Ths. Nguyễn Thị Hệ ; Ths. Nguyễn Thị Thu Trang ; Ths. Vũ Quang Hưng ; Ths. Nguyễn Ngọc Minh	1	
	2. Kinh tế vĩ mô	2	26	8	Ths. Phương Mai Anh, TS. Lê Thị Kim Chi ; Ths. Lê Kim Anh, Ths. Phạm Thị Thùy Linh, Ths. Nguyễn Hương Liên, Ths. Lê Thị Vân Anh, Ths. Phạm Thị Thu Hà ; Ths. Trần Tuệ An ; Ths. Phạm Thị Thanh Tân ; Ths. Trần Thị Thu Huyền ; Ths. Phạm Quang Khánh ; Ths. Nguyễn Thị Hệ ; Ths. Nguyễn Thị Thu Trang ; Ths. Nguyễn Đình Thống ; Ths. Vũ Quang Hưng ; Ths. Nguyễn Ngọc Minh ; Ths. Đỗ Thị Phượng	2	
	3. Văn hoá kinh doanh	2	26	8	ThS.Trần Thọ Khải, TS.Lưu Khánh Cường, ThS.Nguyễn Thị Hương, ThS Đỗ Thu Trang , ThS Vũ Ngọc Tuấn, ThS.Mai Hoàng Thịnh, ThS.Nguyễn Văn Kỷ	2	
	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	39	12	ThS. Vũ Thị Thanh Tâm, TS. Hoàng Thu Hiền, TS. Trần Thị Thắm, ThS. Nguyễn Thị Thanh	2	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Hương, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Nguyễn Thị Thọ, ThS. Vũ Thị Duyên, ThS. Vũ Thị Diệp, ThS. Hoàng Thị Hường, ThS. Lê Thị Hòa, ThS. Đinh Thị Thuỳ Liên, ThS. Chu Thị Thảo, ThS. Đỗ Thị Thanh Tâm, ThS. Nguyễn Thị Hoàn		
	5. Quản trị học	3	39	12	ThS. Vũ Văn Giang, TS. Nguyễn Thị Chi, Th.S Vũ Đình Chuẩn, Th.S Vũ Đại Đồng, Th.S Nguyễn Thúy Hải, Th.S Phạm Trung Hải, Th.S Trần Thị Minh Hải, Th.S Nguyễn Thị Hạnh, Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa, Th.S Trần Mạnh Hùng, Th.S Đỗ Thị Thu Hương, Th.S Nguyễn Thị Thu Hương, Th.S Lê Thị Huyền, Th.S Lưu Huỳnh, Th.S Nguyễn Văn Kỷ	1	
	6. Tài chính tiền tệ	3	39	12	ThS. Đỗ Thị Thu Quỳnh, ThS. Đỗ Thị Kim Thu, ThS.Nguyễn Thị Bích Ngọc, ThS. Lê Minh Trang, ThS. Nguyễn Thành Trung, ThS. Lý Thị Thúy, ThS. Trương Ngọc Chân	3	
	7. Kế toán doanh nghiệp	3	39	12	Ths. Phạm Thị Thùy Vân, TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan, TS. Nguyễn Hồng Anh, Ths. Trần Thị Thanh Thúy, Ths. Trần Bích Nga, Ths. Vũ Thị Vân Anh, Ths.Nguyễn Thị Hải Vân, Ths. Nguyễn Thúy Hằng, Ths. Đặng Thị Mây, Ths. Phạm Thị My,Ths. Đỗ Thị Tuyết, Ths. Lê Minh Thành, Ths. Nguyễn	3	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Hoàng Giang, Ths. Cao Thị Thanh Hường, Ths. Nguyễn Thanh Hoài		
	8. Pháp luật kinh tế	2	26	8	ThS. Phạm Thị Ngoan, ThS. Nguyễn Thuy Phương, ThS. Dương Thanh Tùng; ThS. Trần Văn Tài; ThS. Phạm Xuân Phú	2	
2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các học phần)							
	1. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	26	8	Ths. Hà Thị Thu Thủy, ThS Trần Tuấn Anh, ThS. Trần Mạnh Tiến, ThS. Hà Thị Thu Thủy, ThS. Nguyễn Thị Dung, Ths. Phạm Thanh Bình; Ths. Nguyễn Thị Thanh Hoa; Ths. Trần Tố My; CN. Đoàn Trần Nguyên; Ths. Đỗ Thị Phượng	2	
	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	26	8	ThS. Nguyễn Thị Hoài, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Trang, ThS. Nguyễn Phương Linh, ThS. Nguyễn Thị Hạnh, ThS. Trần Đăng Quân	1	
	3. Kế toán quản trị	2	26	8	TS. Nguyễn Ngọc Lan, TS. Đinh Thị Kim Xuyến, TS. Ngô Thị Trà, TS. Hoàng Thị Huyền, ThS. Nguyễn Quang Hưng, ThS. Nguyễn Ánh Hồng, ThS. Lê Thị Thúy, ThS. Tăng Thị Bích Quyên		
	4. Hệ thống thông tin quản lý	2	26	8	ThS. Vũ Huy Giang, ThS. Trần Thuỳ Linh, ThS. Phạm Thanh Thảo		
2.2. Kiến thức ngành							
2.2.1. Kiến thức bắt buộc							
	1. Marketing căn bản	3	39	12	TS Lưu Khánh Cường, Ths Trần Việt Dũng, Ths Đan Thu Vân, TS Đoàn Kim Thêu, Ths Nguyễn Phương Linh, Ths Trần	2	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Thị Kim Phượng, Ths Đỗ Thị Thu Hương, Ths Vũ Thị Kim Thanh, Ths Nguyễn Thị Minh Hương, Ths Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Ths Nông Mai Thanh, Ths Vũ Văn Giang, Ths Nguyễn Thị Giang, Ths Nguyễn Viết Bình, Ths Trần Mạnh Tiến, Ths Trần Thị Thanh Thủy.		
	2. Quản trị nhân lực	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Thu, Ts. Đoàn Kim Thêu, ThS. Trần Thị Vân, ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Vũ Huy Giang, ThS. Trần Thị Minh Hải, ThS. Nguyễn Hưng, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Vũ Đình Chuẩn, Ths. Bùi Thị Xuân.	5	
	3. Hành vi khách hàng	3	39	12	ThS. Đỗ Thị Thu Hương, ThS. Nguyễn Thị Giang, TS. Đoàn Kim Thêu	6	
	4. Nghiên cứu Marketing	3	39	12	TS. Lưu Khánh Cường; TS. Đoàn Kim Thêu; ThS. Trần Thị Thanh Thuỷ; ThS. Trần Mạnh Tiến	5	
	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2	26	8	TS. Lưu Khánh Cường, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Vũ Văn Giang, ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Trần Mạnh Tiến	5	
	6. Quản trị kênh phân phối	2	26	8	ThS. Đan Thu Vân, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Đỗ Thị Thu Hương	7	
	7. Thực hành Quản trị marketing trong doanh nghiệp.	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Trần Mạnh Tiến, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Đỗ Thị Thu Hương, ThS. Nguyễn Thị Giang	6	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	8. Quản trị truyền thông marketing	2	26	8	ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Nguyễn Phương Linh	6	
	9. Quản trị bán hàng	3	39	12	ThS. Nguyễn Văn Kỷ, ThS. Đỗ Thị Hường, ThS. Nguyễn Hưng, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh, ThS. Đặng Thị Thu Phương.	3	
	10. Digital Marketing	3	39	12	ThS. Nguyễn Phương Linh, ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Vũ Văn Giang	6	
	11. Thực Quản trị bán hàng	3	39	12	ThS. Nguyễn Văn Kỷ, ThS. Đan Thu Vân, ThS. Đỗ Thị Hường, ThS. Nguyễn Hưng, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh, ThS. Đặng Thị Thu Phương, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	5	
	12. Quản trị sản phẩm	2	26	8	ThS. Nguyễn Viết Bình, ThS. Trần Mạnh Tiến, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh	6	
	13. Quản trị giá	2	26	8	ThS.Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Trần Mạnh Tiến	7	
	14. Quản trị marketing	3	39	12		4	
2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)							
	1. Quản trị quan hệ khách hàng	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Đỗ Thị Thu Hương, ThS. Nguyễn Thị Giang.	5	
	2. Thực hành quản trị quan hệ khách hàng	3	39	12	Ths Vũ Thị Kim Thanh; Ths Nguyễn Viết Bình; Ths Nguyễn Phương Linh	6	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	3. Xây dựng và phát triển thương hiệu	3	39	12	ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Vũ Văn Giang; Ths Nguyễn Viết Bình	7	
	4. Quản trị đổi mới sáng tạo	3	39	12	ThS. Phạm Trung Hải, ThS. Nguyễn Tiến Mạnh, ThS. Đặng Thị Thu Phương	8	
	5. Marketing chiến lược	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Đan Thu Vân, Ths. Trần Mạnh Tiến, Ths Nguyễn Viết Bình.		
	6. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	39	12	TS. Lưu Khánh Cường, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Vũ Văn Giang, ThS. Nguyễn Thị Giang		
	7. Quản trị kinh doanh quốc tế	3	39	12	ThS. Trần Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Văn Kỷ, ThS. Đỗ Thị Hường, ThS. Vũ Thị Kim Thanh		
	8. Marketing thương mại	3	39	12	Ths. Đỗ Thị Thu Hương, Ths. Đan Thu Vân		
	9. Phân tích hoạt động kinh doanh	3	39	12	ThS. Mai Thị Lụa, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Trần Thùy Linh, ThS. Phạm Thanh Thảo, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Phạm Vũ Tuân		
	10. Quản trị dự án	3	39	12	ThS. Nguyễn Tiến Mạnh; ThS. Vũ Đại Đồng; ThS.Nguyễn Thị Thu Trang.		
2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*							
	.3.1. Module 1: Marketing						
	1. Marketing quốc tế	3	39	12	Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Đỗ Thị Thu Hương, Ths. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Ths Vũ Thị Kim Thanh, Ths Nguyễn Viết Bình	7	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	2. Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing	2	0	60	ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Nguyễn Phương Linh	6	
	3. Thực hành Digital-Marketing	3	39	12	Ths. Trần Thị Kim Phượng, Ths. Nguyễn Phương Linh, Ths. Nguyễn Thị Giang, Ths. Nông Mai Thanh, Ths. Vũ Văn Giang	7	
	4. Marketing dịch vụ	3	39	12	TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Nông Mai Thanh.	7	
	Thực Tập Cuối Khóa	**5**	0	300	TS. Đoàn Kim Thêu, ThS Trần Việt Dũng, Th.S Vũ Văn Giang, ThS Nguyễn Thị Minh Hương		
	Khóa luận tốt nghiệp	**9**	0	540	TS. Lưu Khánh Cường, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Vũ Kim Thị Kim Thanh, ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Trần Mạnh Tiến, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Vũ Văn Giang, ThS. Trần Thị Thanh Thuỷ, ThS. Nguyễn Viết Bình, ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Đỗ Thị Thu Hương, ThS. Đan Thu Vân, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Nguyễn Thị Giang.	8	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
	1. HPTT1: Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	3	39	12	Ths. Đan Thu Vân, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương	8	
	2. HPTT2: Marketing	3	39	12	ThS. Nông Mai Thanh, ThS Đỗ Thị Thu Hương,	8	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thương mại điện tử				ThS Nguyễn Thị Nguyệt Minh		
	3. HPTT3: Tổ chức sự kiện	3	39	12	Ths. Nguyễn Viết Bình, ThS. Vũ Thị Kim Thanh	8	
	2.3.2. Module 2: Truyền thông Marketing						
	1. Quảng cáo và Khuyến mãi	3	39	12	Ths. Nguyễn Thị Giang Ths. Đỗ Thị Thu Hương	7	
	2. Tiểu luận 2: Lập kế hoạch truyền thông Marketing	2	0	60	ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Nông Mai Thanh	6	
	3. Thực hành Digital-Marketing	3	39	12	Ths. Trần Thị Kim Phượng, Ths. Nguyễn Phương Linh, Ths. Nguyễn Thị Giang, Ths. Nông Mai Thanh, Ths. Vũ Văn Giang	7	
	4. Bán lẻ trực tuyến	3	39	12	ThS. Đan Thu Vân	7	
	Thực Tập Cuối Khóa	3	39	12	TS. Đoàn Kim Thêu, ThS Trần Việt Dũng, Th.S Vũ Văn Giang, ThS Nguyễn Thị Minh Hương	8	
	Khóa luận tốt nghiệp	**5**	0	300	TS. Lưu Khánh Cường, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Vũ Kim Thị Kim Thanh, ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Trần Mạnh Tiến, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Vũ Văn Giang, ThS. Trần Thị Thanh Thuỷ, ThS. Nguyễn Viết Bình, ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Đỗ Thị Thu Hương, ThS. Đan Thu Vân, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Nguyễn Thị Giang.	8	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kỳ	Ghi chú
			LT	TH/TL	Họ và tên, Học hàm, Học vị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	1. HPTT1: Quan hệ công chúng	3	39	12	ThS. Trần Thị Thanh Thuỷ, ThS.Trần Thị Kim Phượng, ThS.Đan Thu Vân	8	
	2. HPTT2: Quản trị khủng hoảng truyền thông	3	39	12	ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Đan Thu Vân; Ths Trần Thị Thanh Thuỷ	8	
	3. HPTT13: Truyền thông mạng xã hội	3	39	12	ThS. Vũ Văn Giang, ThS. Nguyễn Viết Bình, ThS. Nguyễn Phương Linh	8	

11. Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến

Số TT	Học phần	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (18 TC)		
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Pháp luật đại cương	2
3	Xác suất thống kê	3
4	Lịch sử học thuyết kinh tế	2
5	Nhập môn internet và E-learning	3
6	Kinh tế vi mô	2
7	Quản trị học	3
Học kỳ 2 (16 TC)		
8	Tiếng Anh 1	4
9	Kinh tế vĩ mô	2
10	Văn hoá kinh doanh	2
11	Lý thuyết hạch toán kế toán	3
12	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2
13	Marketing căn bản	3
Học kỳ 3 (16TC)		
14	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
15	Đại số tuyến tính	2
16	Tiếng Anh 2	4
17	Pháp luật kinh tế	2
18	Kế toán doanh nghiệp	3
19	Quản trị bán hàng	3
Học kỳ 4 (17 TC)		
20	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
21	Tiếng Anh 3	4

22	Quản trị Marketing	3
23	Qui hoạch tuyến tính	2
24	Hành vi khách hàng	3
25	Tài chính - Tiền tệ	3
Học kỳ 5 (18 TC)		
26	Tiếng Anh 4	4
27	Quản trị nhân lực	3
28	Nghiên cứu Marketing	3
29	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2
30	Thực hành Quản trị bán hàng	3
31	Quản trị quan hệ khách hàng	3
Học kỳ 6 (17 TC)		
32	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
33	Thực hành Quản trị marketing trong doanh nghiệp	3
34	Quản trị truyền thông marketing	2
35	Digital Marketing	3
36	Quản trị sản phẩm	2
37	Thực hành quản trị quan hệ khách hàng	3
38	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing	2
Học kỳ 7 (18 TC)		
39	Quản trị kênh phân phối	2
40	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
41	Quản trị giá	2
42	Xây dựng và phát triển thương hiệu	3
43	Marketing quốc tế	3
44	Thực hành Digital Marketing	3
45	Marketing dịch vụ	3
Học kỳ 8 (17 TC)		
46	Quản trị đổi mới sáng tạo	3
47	Thực tập cuối khóa	5
48	Khóa luận tốt nghiệp	9
49	HPTT1: Marketing tới khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	3
50	HPTT2: Marketing thương mại điện tử	3
51	HPTT3: Tổ chức sự kiện	3

PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC THỰC HIỆN ĐÀO TẠO TỪ XA

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học.

Số lượng giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành Marketing của Nhà trường là 70 giảng viên, đảm nhiệm 100% khối lượng giảng dạy theo chương trình đào tạo của ngành

Về đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học ngành Marketing với tổng cộng: 51 giảng viên trong đó có: 03 TS, 48 Thạc sĩ.

Giảng viên thỉnh giảng có: 05 giảng viên trong đó 04 Phó giáo sư, 01Tiến sĩ. Lý lịch khoa học của giảng viên, nhà khoa học và minh chứng khoa học được đính kèm trong các phụ lục sau:

+ Phụ lục IV: Lý lịch khoa học giảng viên: Bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo; Bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo; Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng.

4.2. Danh sách giảng viên vận hành, giảng dạy chương trình đào tạo

Bảng 1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo Marketing

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	TS. Nguyễn Ngọc Khương	Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	Học kỳ 1, năm thứ 2				2	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ hướng dẫn luậnvăn, luận án
		Quản trị học	Học kỳ 2, năm thứ 1		3			
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4		9			
2	TS. Đoàn Kim Thêu	Nghiên cứu marketing	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ hướng dẫn luận văn, luận án
		Thực tập quản trị bán hàng	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			
		Thực tập: Nghiên cứu Marketing	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4		9			
3	TS Lê Thị Kim Chi	Quản trị bán hàng	Học kỳ 1, năm thứ 3		3			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ hướng dẫn luận
		Quản trị sáng tạo đổi mới	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Tiểu luận 1	Học kỳ 2, năm thứ 2		2			
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4		9			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
								văn, luận án
4	TS. Phạm Thị Thùy Vân	Kế toán quản trị	Học kỳ 2, năm thứ 2				2	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
		Lý thuyết hạch toán kế toán	Học kỳ 2, năm thứ 1		3			
		Kế toán doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2		3			
5	TS. Bùi Thanh Thủy	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1		3			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1		2			
		CNXH Khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 2		2			
6	TS. Trần Thị Hoàng Yến	Xác suất thống kê	Học kỳ 1, năm thứ 1		3			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
		Quy hoạch tuyến tính	Học kỳ 1, năm thứ 2		2			
7	TS. Nguyễn Hồng Anh	Lý thuyết hạch toán kế toán	Học kỳ 2, năm thứ 1		3			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
		Kế toán doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2		3			
		Kế toán quản trị	Học kỳ 2, năm thứ 2				2	
8	TS. Lưu Khánh Cường	Marketing căn bản	Học kỳ 1, năm thứ 2		3			Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng,
		Tiểu luận 1	Học kỳ 2 năm thứ 2		2			
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4		9			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
								thực hiện chương trình/ hướng dẫn luận văn, luận án
9	Th.S. Lê Kim Anh	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
10	Th.S. Phạm Thị Thùy Linh	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Kinh tế quốc tế						
11	Th.S. Nguyễn Thị Thu Trang	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
12	Th.S. Phương Mai Anh	Kinh tế vĩ mô	Học kỳ 2, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
13	Th.S. Trần Tuệ An	Kinh tế vĩ mô	Học kỳ 2, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
14	Th.S. Phạm Thị Ngoan	Pháp luật kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
15	Th.S. Nguyễn Thuy Phương	Pháp luật kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Kinh tế quốc tế						

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Th.S. Nguyễn Thị Hệ	Tài chính - Tiền tệ	Học kỳ 2 năm thứ 1		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
17	Th.S. Trần Thị Thùy Linh	Tài chính - Tiền tệ	Học kỳ 2, năm thứ 1		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
18	Th.S. Nguyễn Phương Linh	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 1				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Digital marketing	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Quản trị quan hệ khách hàng	Học kỳ 2, năm thứ 3				3	
		Thực tập digital marketing	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			
19	Th.S. Mai Hoàng Thịnh	Văn hoá kinh doanh	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Lịch sử học thuyết kinh tê	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			
20	Th.S. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Lịch sử học thuyết kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
21	Th.S. Trần Mạnh Tiến	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Marketing căn bản	Học kỳ 1, năm thứ 2					

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	Th.S. Đỗ Thị Thu Hương	Quản trị học	Học kỳ 2, năm thứ 1		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Hành vi khách hàng	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			
		Quản trị kênh phân phối	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			
23	Th.S. Trần Mạnh Hùng	Quản trị học	Học kỳ 1, năm thứ 1		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	Học kỳ 2, năm thứ 1		2			
		Quản trị kinh doanh quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 4				3	
24	Th.S. Phạm Thanh Bình	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
25	Th.S. Nguyễn Thị Dung	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 1		2			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
26	Th.S. Trần Thị Vân	Quản trị học	Học kỳ 1, năm thứ 1				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Xây dựng và phát triển thương hiệu	Học kỳ 2, năm thứ 3				3	
		Thực tập quản trị nhân lực	Học kỳ 1, năm thứ 3		3			
27	Th.S. Nguyễn Tiến Mạnh	Quản trị học	Học kỳ 1, năm thứ 1				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Tổ chức sự kiện	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
28	Th.S. Trần Thị Thanh Thủy	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	Học kỳ 2, năm thứ 2				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quan hệ công chúng	Học kỳ 2, năm thứ 4				3	
		Nghiên cứu Marketing					3	
29	Th.S. Lê Thị Ánh	Hệ thống thông tin quản lý	Học kỳ 2, năm thứ 2				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
30	Th.S. Nguyễn Văn Hưng	Lịch sử học thuyết kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 2				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
31	Th.S. Phạm Thị Thanh Tân	Kinh tế quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 3				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
32	Th.S. Nguyễn Thị Huyền	Marketing căn bản	Học kỳ 1, năm thứ 1		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
33	Th.S. Vũ Huy Giang	Hệ thống thông tin quản lý	Học kỳ 2, năm thứ 2				2	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Marketing căn bản	Học kỳ 1, năm thứ 2		3			
34	Th.S. Trần Thị Hằng	Marketing căn bản	Học kỳ 1, năm thứ 2		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
35	Th.S. Nguyễn Thị Thu	Quản trị nhân lực	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị Logistics	Học kỳ 2, năm thứ 2				3	
36	Th.S. Trần Thị Minh Hải	Quản trị nhân lực	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thực tập quản trị nhân lực	Học kỳ 1, năm thứ 3		3			
37	Th.S. Trần Việt Dũng	Nghiên cứu marketing	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thực tập: Nghiên cứu marketing	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Marketing dịch vụ	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Quan hệ công chúng	Học kỳ 2, năm thứ 3				3	
38	Th. S. Đan Thu Vân	Quản trị kênh phân phối	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị sản phẩm	Học kỳ 1, năm thứ 3		3			
39	Th.S. Nguyễn Viết Bình	Quản trị kênh phân phối	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị sản phẩm	Học kỳ 1, năm thứ 3		3			
		Quản trị quan hệ khách hàng	Học kỳ 2, năm thứ 3				3	
		Thực tập quản trị bán hàng	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			
40		Hành vi khách hàng	Học kỳ 2, năm thứ 2		3			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Th.S. Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Truyền thông marketing tích hợp	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thực tập: Truyền thông marketing	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Quản trị giá	Học kỳ 2, năm thứ 3		2			
41	Th.S. Nông Mai Thanh	Truyền thông marketing tích hợp	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thực tập: Truyền thông marketing	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Marketing thương mại điện tử	Học kỳ 2, năm thứ 4					
42	Th.S. Trần Thị Kim Phượng	Digital marketing	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị giá	Học kỳ 2, năm thứ 3		2			
		Xây dựng và phát triển thương hiệu	Học kỳ 2, năm thứ 3				3	
		Thực tập digital marketing	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			
43	Th.S. Nguyễn Thị Giang	Thực tập quản trị bán hàng	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị marketing	Học kỳ 2, năm thứ 2				3	
		Tiểu luận 2: Thực tập lập kế hoạch Marketing	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			
44		Quản trị marketing	Học kỳ 2, năm thứ 2				3	

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Th.S. Nguyễn Thị Minh Hương	Marketing quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Marketing tới khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			
45	Th.S. Phạm Trung Hải	Quản trị đổi mới sáng tạo	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
46	Th.S. Bùi Thị Xuân	Quản trị đổi mới sáng tạo	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
47	Th.S. Vũ Thị Kim Thanh	Giao dịch và đàm phán kinh doanh					3	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Tổ chức sự kiện	Học kỳ 1, năm thứ 4		3			
		Thực tập quản trị bán hàng	Học kỳ 2, năm thứ 3		3			
48	Th.S. Nguyễn Thị Thu Hương	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 4				3	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
49	Th.S. Mai Thị Lụa	Phân tích hoạt động kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3					Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Marketing tới khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
50	Th.S. Nguyễn Thị Lan Anh	Quản trị dự án	Học kỳ 2, năm thứ 4				3	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
51	Th.S. Vũ Đại Đồng	Quản trị dự án	Học kỳ 2, năm thứ 4				3	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
52	Th.S. Vũ Văn Giang	Tiểu luận 2: Thực tập lập kế hoạch Marketing	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
53	Th.S. Hoàng Thị Chuyên	Marketing tới khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	Học kỳ 2, năm thứ 4		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
54	Th.S. Đặng Thị Thu Phương	Quản trị học	Học kỳ 2, năm thứ 1		3			Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Phân tích hoạt động kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3					

4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa

Bảng 2. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo Marketing trình độ đại học từ xa

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lưu KhánhCường/1973/ Trưởng Khoa Quản trị và Marketing	Tiến sỹ/2010	Kinh tế thương mại	
2	Mai Thị Lụa/1980/ Phó trưởng Khoa Quản trị và Marketing	Thạc sỹ/2008	Quản trị kinh doanh	
3	Phạm Trung Hải/1982/ Phó trưởng Khoa Quản trị và Marketing	Thạc sỹ/2011	Quản trị kinh doanh	
4	Nguyễn Thị Vân/ 1982/ Phó trưởng bộ môn, Phụ trách bộ môn Quản trị	Thạc sỹ/2009	Quản trị kinh doanh	
5	Trần Tiến Mạnh/1978/ Phó trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sỹ/2007	Tài chính ngân hàng	
6	Trần Việt Dũng/ 1981/ Phó trưởng bộ môn Marketing, phụ trách bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2015	Quản trị kinh doanh	
7	Vũ Văn Giang/1989/ Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2016	Quản trị kinh doanh	

PHẦN V. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO ĐÀO TẠO TỪ XA

5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Marketing

Bảng 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Marketing

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					Tập trung học viên đầu khóa, cuối khóa
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	14	3066			Dùng để học tập
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	28	3398			Dùng để học tập
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	305	25412			Dùng để học tập
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	348			Dùng để học tập, thảo luận
1.5	Số phòng học đa phương tiện	20	450			Dùng để thiết kê, lập trình, mô phỏng, thi
1.6	Phòng máy tính	26	1526			Nghiên cứu, học tập
2	Thư viện, trung tâm học liệu	11	3700			Thực hành, thực tập
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	1450			

5.2. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Marketing

Bảng 4. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Marketing

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					**Tên học phần môn học sử dụng thiết bị**	**Thời gian dử dụng (học kì, năm học)**	**Số người học /máy, thiết bị**	**Ghi chú**
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	*Bộ máy vi tính*	*Trung Quốc*	*7*	*Bộ*	*Các học phần*	*Tất cả thời gian học*	*3,57*	*HA8.604,606,608*
2	*Ti vi*	*Trung Quốc*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*HA8.604,606,608*
3	*Bộ bàn ghế giảng viên*	*Việt Nam*	*1*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*		*HA8.604,606,608*
4	*Bộ bàn ghế học viên*	*Việt Nam*	*36*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*	*0,69*	*HA8.604,606,608*
5	*Bảng biểu quy trình*	*Việt Nam*	*6*	*Bảng*	*Các học phần*	*Nt*	*Tất cả học viên*	*HA8.604,606,608*
6	*Tủ sắt*	*Việt Nam*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*HA8.604,606,608*
7	*Bảng đen*	*Việt Nam*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*HA8.604,606,608*
8	*Bảng tin*	*Việt Nam*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*HA8.604,606,608*
9	*Quạt trần*	*Việt Nam*	*2*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*12,5*	*HA8.604,606,608*
10	*Điều hòa*	*Việt Nam*	*3*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*8,33*	*HA8.604,606,608*
11	*Công cụ, dụng cụ, VPP phục*	*Việt Nam*	*5*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*	*Tất cả*	*HA8.604,606,608*

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian dử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
	vụ thực hành						*học viên*	
12	*Bộ máy vi tính*	*Trung Quốc*	*6*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*	*4,17*	*NA2. 601, 603*
13	*Ti vi*	*Trung Quốc*	*2*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*12,5*	*NA2. 601, 603*
14	*Bộ bàn ghế giảng viên*	*Việt Nam*	*1*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*		*NA2. 601, 603*
15	*Bộ bàn ghế học viên*	*Việt Nam*	*36*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*	*0,69*	*NA2. 601, 603*
16	*Bàn máy tính*	*Việt Nam*	*6*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*4,17*	*NA2. 601, 603*
17	*Ghế tròn*	*Việt Nam*	*18*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*1,39*	*NA2. 601, 603*
18	*Bảng biểu quy trình*	*Việt Nam*	*6*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*Tất cả học viên*	*NA2. 601, 603*
19	*Tủ sắt*	*Việt Nam*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*NA2. 601, 603*
20	*Bảng đen*	*Việt Nam*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*NA2. 601, 603*
21	*Bảng tin*	*Việt Nam*	*1*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*25*	*NA2. 601, 603*
22	*Quạt trần*	*Việt Nam*	*6*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*4,17*	*NA2. 601, 603*
23	*Điều hòa*	*Việt Nam*	*4*	*Chiếc*	*Các học phần*	*Nt*	*6,25*	*NA2. 601, 603*
24	*Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành*	*Việt Nam*	*5*	*Bộ*	*Các học phần*	*Nt*	*Tất cả học viên*	*NA2. 601, 603*

Bảng 5. Danh mục phần mềm phục vụ đào tạo từ xa

STT	Tên phần mềm	Đơn vị sản xuất/cung cấp phần mềm	Chức năng chính	Học phần
	Hệ thống quản lý đào tạo PMT-EMS		Hệ thống quản lý học tập	Tất cả các học phần
	Hệ thống học tập LMS		Sử dụng hệ thống quản lý nội dung học tập trên nền tảng Moodle,	Tất cả các học phần

5.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a) Thư viện

b) Sách, giáo trình, tài liệu học tập

Bảng 6. Học liệu đào tạo từ xa cho chương trình đào tạo ngành Marketing

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	001535	Triết học Mác – Lênin		Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	15	100%	Mạng máy tính và viễn thông
2.	001535	Triết học Mác – Lênin		Tài liệu học tập Triết học Mác – Lênin	Bùi Thanh Thủy, Đinh Thị Cẩm Nhung, Đỗ Thị Trang, Phan Thị	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Hương, Trần Thị Hương, Mai Chi,				
3.	001535	Triết học Mác – Lênin		Thường thức về triết học Mác-Lênin, Quyển 1: Thế giới quan triết học duy vật biện chứng	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	11		Mạng máy tính và viễn thông
4.	001535	Triết học Mác - Lênin		Thường thức về triết học Mác-Lênin, Quyển 2: Phép biện chứng duy vật	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	11		Mạng máy tính và viễn thông
5.	001536	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin		Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, 2021	30		Mạng máy tính và viễn thông
6.	001536	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin		Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Nguyễn Thị Luyến, Phạm Thị Thanh Hằng, Phạm Thị Thùy	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Dương, Nguyễn Thị Hiền				
7.	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Giáo trình Chủ nghiã xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	15		Mạng máy tính và viễn thông
8.	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Tài liệu học tập Chủ nghiã xã hội khoa học	Nguyễn Văn Bảng, Đoàn Thị Hiền, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Trần Thị Thu Huyền	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
9.	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	13		Mạng máy tính và viễn thông
10	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngô Thị Mai, Hoàng Thị Thu Thủy, Lại Thị Thùy	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công	TL số		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Linh, Lê Thị Lý	nghiệp, 2021			
11	001538	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021	Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Thị My, Đào Thanh Bình, Nguyễn Thị Minh, ,	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
12	001538	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021	13		Mạng máy tính và viễn thông
13	001538	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2,	Đảng Cộng sản Việt Nam,	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	5		Mạng máy tính và viễn thông
14	001538	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thanh Bình, Nguyễn Thị Luyến, Phạm Thị Thùy Dương,	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Trần Thị My				
15	000585	Pháp luật đại cương		Tài liệu học tập Pháp luật đại cương	Trần Mạnh Toàn, Đặng Thị Thu Hiền, Trần Thị Thu Hằng, Hà Diệu Hằng, Nguyễn Thị Diệu Hiền	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2021	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
16	000585	Pháp luật đại cương		Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm	Tư pháp, 2019	6		Mạng máy tính và viễn thông
17	000585	Pháp luật đại cương		Giáo trình luật hình sự Việt Nam	Nguyễn Ngọc Hòa	Công an nhân dân, 2019	6		Mạng máy tính và viễn thông
18	000585	Pháp luật đại cương		Giáo trình luật hành chính Việt Nam	Trần Minh Hương	Công an nhân dân, 2019	2		Mạng máy tính và viễn thông
19	000585	Pháp luật đại cương		Giáo trình luật dân sự Việt Nam, tập 1	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuân	Công an nhân dân, 2018	2		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
20	000585	Pháp luật đại cương		Giáo trình luật dân sự Việt Nam, tập 2	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuân	Công an nhân dân, 2019	4		Mạng máy tính và viễn thông
21	000585	Pháp luật đại cương		Giáo trình luật Hiến pháp Việt Nam	Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hòa	Tư pháp, 2019	1		Mạng máy tính và viễn thông
22	001942 001943	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2		Pre-Intermediate Market Leader (3rd ed.)	Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S.	Pearson, Năm xb 2012	20		Mạng máy tính và viễn thông
23	001944 001945	Tiếng Anh 3 Tiếng Anh 4		Intermediate Market Leader (3rd ed.)	Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S.	NXB Thời Đại, 2017	20		Mạng máy tính và viễn thông
24	001944 001945	Tiếng Anh 3 Tiếng Anh 4		Pass the TOEIC Test - Introductory Course	Miles Craven	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020	20		Mạng máy tính và viễn thông
25	000564	Kinh tế vi mô		Giáo trình Kinh tế học (Tập 1)	Vũ Kim Dũng - Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	5		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
26	000564	Kinh tế vi mô		Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài liệu học tập Kinh tế vi mô	Phạm Thị Thu Hà (chủ biên) Phạm Xuân Phú, Phạm Quang Khánh, Trần Ngọc Tú	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2019			Mạng máy tính và viễn thông
27	000564	Kinh tế vi mô		Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Dần	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2006	5		Mạng máy tính và viễn thông
28	000564	Kinh tế vi mô		Kinh tế vi mô	Tạ Thị Lệ Yên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2014	3		Mạng máy tính và viễn thông
29	000564	Kinh tế vi mô		Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2010			Mạng máy tính và viễn thông
30	000564	Kinh tế vĩ mô		Giáo trình Kinh tế vĩ mô	Lê Kim Anh, Nguyễn Hương Liên	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2016	21		Mạng máy tính và viễn thông
31	000565	Kinh tế vĩ mô		Hệ thống câu hỏi và bài tập Kinh tế vĩ mô	Phương M Anh (chủ biên) Lê	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật	5		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Kim Anh; Lê Thị Vân Anh; Nguyễn Hương Liên	công nghiệp, 2019, Việt Nam			viễn thông
32	000565	Kinh tế vĩ mô		Bài tập Kinh tế học	Damian Ward - David Begg	Nhà xuất bản Thống kê, 2008	6		Mạng máy tính và viễn thông
33	000565	Kinh tế vĩ mô		Bài tập nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008	3		Mạng máy tính và viễn thông
34	000568	Pháp luật kinh tế		Tài liệu học tập luật kinh tế	Phạm Thị Ngoan; Nguyễn Thuỵ Phương	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
35	000568	Pháp luật kinh tế		Giáo trình Luật kinh tế	Phạm Thị Ngoan; Nguyễn Thuỵ Phương	Nxb Khoa học, Kỹ thuật, 2012	27		Mạng máy tính và viễn thông
36	000568	Pháp luật kinh tế		Luật Doanh nghiệp 2023	Hải Thành sưu tầm	Nxb tài chính, 2020, Việt Nam	6		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
									viễn thông
37	000568	Pháp luật kinh tế		Luật Phá sản 2022	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NXB Lao động (2022)	6		Mạng máy tính và viễn thông
38	000568	Pháp luật kinh tế		Bộ luật Dân sự 2023	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia sự thật (2023)	6		Mạng máy tính và viễn thông
39	000568	Pháp luật kinh tế		Luật Kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (Chủ biên)	Nxb giáo dục, 2011, Việt Nam	4		Mạng máy tính và viễn thông
40	000568	Pháp luật kinh tế		Luật Thương mại 2023	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2017, Việt Nam	1		Mạng máy tính và viễn thông
41	000568	Pháp luật kinh tế		Luật Trọng tài Thương mại 2023	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	NXB lao động, 2023	1		Mạng máy tính và viễn thông
42	001269	Nguyên lý thống kê và		Tài liệu học tập Hệ thống bài tập nguyên lý thống kê và	Trần Tuấn Anh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công	TL số		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
		thống kê kinh doanh		thống kê kinh doanh		nghiệp, 2020, Việt Nam			viễn thông
43	001269	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Đinh Phi Hổ	Nxb Tài chính, 2018, Việt Nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
44	001269	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh		Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn	Nxb Tài chính, 2010, Việt Nam	9		Mạng máy tính và viễn thông
45	001102	Xác suất thống kê		Giáo trình Xác suất và thống kê	Trần Thị Hoàng Yến	NXB Lao Động, 2016, Việt nam	18		Mạng máy tính và viễn thông
46	001102	Xác suất thống kê		Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB ĐHQG, 2006, Việt nam	1		Mạng máy tính và viễn thông
47	001102	Xác suất thống kê		Hướng dẫn giải các bài toán Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB ĐHQG, 2004, Việt nam	1		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
48	001102	Xác suất thống kê		Giáo trình Lý thuyết Xác suất & thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB Đại học kinh tế quốc dân , 2018, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
49	001102	Xác suất thống kê		Bài tập Xác suất & thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2009, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
50	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Tài liệu học tập Quy Hoạch tuyến tính	Hà Anh Dũng	2019, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
51	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Tài liệu học tập Toán giải tích	Lê Xuân Huy	2019, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
52	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Đại số tuyến tính qua các ví dụ và bài tập	Lê Tuấn Hoa	NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
53	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Toán học cao cấp, Tập 2,	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	4		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
54	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Toán học cao cấp, Tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
55	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Bài tập Toán học cao cấp, Tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
56	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Bài tập Toán học cao cấp, Tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
57	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Toán cao cấp Tập1-Đại số và hình học giải tích	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
58	002378	Toán ứng dụng trong kinh tế		Tài liệu học tập Đại số tuyến tính	Phạm Văn Bằng	2022, Việt nam	4		Mạng máy tính và viễn thông
59		Kỹ năng nghề nghiệp		Tài liệu học tập Kỹ năng lãnh đạo và Tổ chức quản lý	Trần Thị Vân	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	1		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						2023, Việt nam			
60		Kỹ năng nghề nghiệp		Giáo trình kỹ năng toàn diện	Đỗ Mạnh Hùng		1		Mạng máy tính và viễn thông
61		Kỹ năng nghề nghiệp		Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	F. Nguyễn Minh Trí	NXB Lao động xã hội, 2006, VIệt nam	15		Mạng máy tính và viễn thông
62		Kỹ năng nghề nghiệp		11 chuẩn mực điều hành của nhà lãnh đạo	Jack Welch	NXB Hồng Đức, 2019	10		Mạng máy tính và viễn thông
63	001201	Quản trị học		Tài liệu học tập Quản trị học	Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Tiến Mạnh, Nguyễn Văn Kỷ, Đặng Thị Thu Phương, Nguyễn Thị Lan Anh, Phạm Hương Thanh	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2019, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
64	001201	Quản trị học		Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương, Lê Thu Thủy, Bùi Thanh Nga	NXB Bách khoa Hà Nội, 2017, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
65	001201	Quản trị học		Giáo trình Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà	Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
66	001201	Quản trị học		Quản trị học	Nguyễn Thị Liên Diệp; Trần Anh Minh	NXB Tài chính, 2022, Việt nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
67	001201	Quản trị học		Giáo trình Quản trị học	Nguyễn Xuân Điền	NXB Tài chính, 2017, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
68	001104	Marketing căn bản		Tài liệu học tập Marketing Căn bản	Nguyễn Thị Minh Hương	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2019, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
69	001104	Marketing căn bản		Giáo trình Marketing Căn bản	GS.TS. Trần Minh Đạo	Nxb ĐH KTQD, 2022, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
70	001104	Marketing căn bản		Nguyên lý Marketing	Philip Kotler, Gary Armstrong	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021. Việt Nam	01		Mạng máy tính và viễn thông
71	001104	Marketing căn bản		Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ	Don Sexton	NXB Lao động, 2022, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
72	001104	Marketing căn bản		Giáo trình Marketing căn bản	TS. Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thanh Bình	Học viện Ngân hàng, Nxb Lao động, 2022. Việt Nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
73	000519	Văn hoá kinh doanh		Tài liệu học tập của học phần Văn hóa kinh doanh	Lưu Khánh Cường	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công Nghiệp 2020, Việt Nam			Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
74	000519	Văn hoá kinh doanh		Giáo trình văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	NXB Tài chính, 2017, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
75	000519	Văn hoá kinh doanh		Giáo trình văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB ĐHKTQD, 2010, Việt nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
76	000519	Văn hoá kinh doanh		Giáo trình văn hóa kinh doanh	Nguyễn Thị Bích Loan	NXB Thống kê, 2020, Việt nam	4		Mạng máy tính và viễn thông
77	000519	Văn hoá kinh doanh		Giáo trình đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	NXB LĐXH, 2005, Việt nam	7		Mạng máy tính và viễn thông
78	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán		Tài liệu học tập Lý thuyết hạch toán kế toán	Phan Thị Thu Hiền	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật - Công nghiệp 2019, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
79	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán		Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018, Việt nam	11		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
									viễn thông
80	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán		Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hữu Ánh	ĐH Kinh Tế Quốc Dân, 2020, Việt nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
81	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán		Hệ thống bài tập và câu hỏi trắc nghiệm Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính, 2018, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
82	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán		Chế độ kế toán doanh nghiệp, Quyển 1 - Hệ thống tài khoản		NXB Lao động 2015, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
83	001717	Kế toán doanh nghiệp		Tài liệu học tập Kế toán doanh nghiệp	Trần Quỳnh Giang	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp 2019, Việt nam	TLsố		Mạng máy tính và viễn thông
84	001717	Kế toán doanh nghiệp		Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị	Nhà xuất bản tài chính, 2018, Việt nam	6		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
85	001717	Kế toán doanh nghiệp		Kế toán tài chính tập 1	Trần Xuân Nam	Nhà xuất bản tài chính, 2015, Việt nam	9		Mạng máy tính và viễn thông
86	001717	Kế toán doanh nghiệp		Kế toán tài chính tập 2	Trần Xuân Nam	Nhà xuất bản tài chính, 2015 Việt nam	9		Mạng máy tính và viễn thông
87	001717	Kế toán doanh nghiệp		Kế toán tài chính căn bản: Lý thuyết và thực hành	Phạm Đức Cường	Nhà xuất bản tài chính, 2015, Việt nam	1		Mạng máy tính và viễn thông
88	000566	Lịch sử học thuyết kinh tế		Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế (Lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Phượng	Nxb Lao Động, 2016, Việt nam	18		Mạng máy tính và viễn thông
89	000566	Lịch sử học thuyết kinh tế		Lịch sử các học thuyết kinh tế	Mai Ngọc Cường	Nxb Thống kê 1999, Việt nam	01		Mạng máy tính và viễn thông
90	000566	Lịch sử học thuyết kinh tế		Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hà Quý Tình	Nxb Tài Chính, 2008, Việt nam	8		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
91	000566	Lịch sử học thuyết kinh tế		Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trần Bình Trọng	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008, Việt nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
92	000566	Lịch sử học thuyết kinh tế		Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình	Nxb Thống kê 1997, Việt nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
93	001109	Tài chính tiền tệ		Tài liệu học tập Tài chính tiền tệ	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trường ĐH KTKTCN, 2020	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
94	001109	Tài chính tiền tệ		Tài liệu học tập Bảo hiểm	Mai Tuấn Anh	Trường ĐH KTKTCN, 2020	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
95	001109	Tài chính tiền tệ		Tài liệu học tập Thị trường chứng khoán	Lê Hải Hà	Trường ĐH KTKTCN, 2020	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
96	001109	Tài chính tiền tệ		Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	NXB Kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam	11		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
97	001109	Tài chính tiền tệ		Thị trường tài chính & quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	NXB Hồng Đức, 2019. Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
98	000480	Hệ thống thông tin quản lý		Tài liệu học tập Hệ thống thông tin quản lý	Vũ Văn Giang	Trường ĐH KTKTCN, 2022	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
99	000480	Hệ thống thông tin quản lý		Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh, Trương Văn Tú, Cao Đình Thi	Đại học Kinh tế quốc dân, 2019,Việt Nam	6		Mạng máy tính và viễn thông
100	000480	Hệ thống thông tin quản lý		Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh, Trương Văn Tú	NXB: Thống kê, , 2000, ViệT Nam	1		Mạng máy tính và viễn thông
101	000480	Hệ thống thông tin quản lý		Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý	Hàn Viết Thuận	NXB: Kinh tế quốc dân, 2008, Việt Nam	16		Mạng máy tính và viễn thông
102	001497	Quản trị nhân lực		Tài liệu học tập học phần Quản trị nhân lực		2019, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
		Thực hành Quản trị nhân lực							Mạng máy tính và viễn thông
103	001497	Quản trị nhân lực		Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
		Thực hành Quản trị nhân lực							Mạng máy tính và viễn thông
		Thực hành Tuyển dụng nhân lực							Mạng máy tính và viễn thông
104	001497	Quản trị nhân lực		Quản trị Nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Tài Chính, 2018, Việt Nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
		Thực hành Quản trị nhân lực							Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
105	001497	Quản trị nhân lực		Giáo trình Quan hệ lao động	Vũ Hoàng Ngân & Vũ Thị Uyên	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
		Thực hành Quản trị nhân lực							Mạng máy tính và viễn thông
106	001497	Quản trị nhân lực		Bộ luật Lao động	Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2024, Việt Nam	7		Mạng máy tính và viễn thông
		Thực hành Quản trị nhân lực							Mạng máy tính và viễn thông
107	001392	Quản trị bán hàng		Tài liệu học tập Quản trị bán hàng	Đoàn Kim Thêu	Trường Đại học KTKTCN, Năm XB 2019			Mạng máy tính và viễn thông
	001373	Thực hành quản trị bán hàng							Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
108	001392	Quản trị bán hàng		Chào hàng chuyên nghiệp để bán hàng thành công	Lưu Chí Văn	Nxb Thanh niên , 2022, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
	001373	Thực hành quản trị bán hàng							Mạng máy tính và viễn thông
109	001392	Quản trị bán hàng		Bán hàng thắng lợi	Richard Denny	NXB Dân Trí, 2018, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
	001373	Thực hành quản trị bán hàng							Mạng máy tính và viễn thông
110	001392	Quản trị bán hàng		Quản trị bán hàng: Dành cho sinh viên đại học, cao học, MBA : Lý thuyết - Bài tập - Đề thi mẫu - Đáp án	Bùi Văn Danh và cộng sự	NXB Phương Đông, 2012, Việt Nam	8		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
111	001392	Quản trị bán hàng		Thuật quản lý bán hàng	Brian Tracy	Nxb Thế giới, 2018, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
	001373	Thực hành quản trị bán hàng							Mạng máy tính và viễn thông
112	001373	Thực hành quản trị bán hàng		Quản trị bán hàng hiện đại	Lưu Đan Thọ, Nguyễn Hữu Quân	NXB Tài Chính, (2016), Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
113	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường		Tài liệu học tập Kỹ thuật dự báo thị trường	Nguyễn Thị Chi	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp, (2019)	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
114	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường		Tài liệu học tập Nghiên cứu Marketing	Đoàn Kim Thêu	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp, (2021)	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
115	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường		Giáo trình Kinh tế lượng	PGS.TS. Nguyễn Quang Dong,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, (2013)	10		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Nguyễn Thị Minh				viễn thông
116	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường		Giáo trình Marketing căn bản	PGS.TS. Trần Minh Đạo	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, (2022)	10		Mạng máy tính và viễn thông
117	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường		Dự báo trong kinh doanh	Đinh Bá Hùng Anh	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, (2015)	3		Mạng máy tính và viễn thông
118	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế		Tài liệu học tập Quản trị kinh doanh quốc tế	Trần Mạnh Hùng	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công Nghiệp, (2019)	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
119	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế		Bối cảnh toàn cầu hóa lý thuyết và khảo cứu tình huống hiện đại	Ths. Nguyễn Văn Dung	Nhà xuất bản thống kê, (2007)	8		Mạng máy tính và viễn thông
120	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế - thách thức cạnh tranh toàn cầu	Dương Hữu Hạnh	NXB Thanh niên, 2010	09		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
121	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế		Giáo trình Kinh doanh quốc tế	PGS.TS. Tạ Lợi, PGS.TS Nguyễn Thị Hường	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023	09		Mạng máy tính và viễn thông
122	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế		Giáo trình Kinh doanh quốc tế	PGS.TS Doãn Kế Bôn, TS. Lê Thị Việt Nga	NXB Hà Nội, 2021	10		Mạng máy tính và viễn thông
123	001107	Quản trị marketing		Tài liệu học tập Quản trị Marketing	Nguyễn Thị Minh Hương	Trường ĐH Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, Năm XB 2019	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
124	001107	Quản trị marketing		Giáo trình Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023	10		Mạng máy tính và viễn thông
		Truyền thông Marketing tích hợp							Mạng máy tính và viễn thông
125	001107	Quản trị marketing		Quản trị Marketing hiện đại	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật	NXB Tài chính, (2016)	3		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
126	001107	Quản trị marketing		Quản trị Marketing	Philip Kotler	NXB Hồng Đức, (2020)	10		Mạng máy tính và viễn thông
127	001107	Quản trị marketing		Giáo trình Quản trị marketing	Phạm Thị Huyền, Trương Đình Chiến	NXB Giáo dục Việt Nam, (2012)	10		Mạng máy tính và viễn thông
128		Truyền thông marketing tích hợp		Tài liệu học tập Truyền thông marketing tích hợp	Nông Mai Thanh	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	01		Mạng máy tính và viễn thông
129	002383	Quản trị truyền thông marketing		Giáo trình Truyền thông marketing tích hợp (IMC)	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2019	3		Mạng máy tính và viễn thông
130	002383	Quản trị truyền thông marketing		Quản trị truyền thông marketing tích hợp Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	NXB Tài chính, 2016, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
131	002383	Quản trị truyền thông marketing		Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản	PGS.TS Nguyễn Văn Dũng,	NXB Thông tin và truyền	10		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					PGS.TS Đỗ Thị Thu Hằng	thông, 2023, Việt nam			viễn thông
132	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Tài liệu học tập Quản trị đổi mới sáng tạo	Phạm Trung Hải	Trường Đại học KTKTCN 2022, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
133	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Vũ Thị Nguyệt và những người khác	NXB Khoa học xã hội, 2023, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
134	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức = Managing change in organizations	Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang	NXB Bách khoa Hà Nội, 2020, Việt Nam	15		Mạng máy tính và viễn thông
135	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Giáo trình lập kế hoạch khởi nghiệp	Nguyễn Thị Phương Linh, Nguyễn Thị Phương Lan	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
		Khởi sự kinh doanh							Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
136	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Quản lý sự thay đổi = On change Manegement: Chỉ dẫn sống còn cho người lãnh đạo	John P. Kotter...[và những người khác]	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
137	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Đổi mới sáng tạo = On innovation: Sáu ngộ nhận trong phát triển sản phẩm	Harvard Business Review Press; Dịch: An Lê, Hải Ninh	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
138	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo		Quản lý tính sáng tạo và đổi mới: Cẩm nang kinh doanh	Harvard Business School Press; Dịch: Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu; Hiệu đính: Nguyễn Văn Quì	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2016, Việt Nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
139		Khởi sự kinh doanh		Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
140	001253	Quản trị dự án		Tài liệu học tập Quản trị dự án	Nguyễn Tiến Mạnh	Trường Đại học	TL số		Mạng máy

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						KTKTCN 2019, Việt nam			tính và viễn thông
141	001253	Quản trị dự án		Quản trị dự án	Đinh Bà Hùng Anh	NXB Tài chính, 2019, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
142	001253	Quản trị dự án		Quản trị dự án những nguyên tắc căn bản	Joseph Heagney	NXB Công thương, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
143	001253	Quản trị dự án		Lập và quản lý dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Thống kê, 2004, Việt nam	4		Mạng máy tính và viễn thông
144	001253	Quản trị dự án		Giáo trình quản trị dự án	Đinh Văn Hải, Trần Phương Anh	NXB Tài chính, 2019, Việt nam	05		Mạng máy tính và viễn thông
145	002391	Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing		Tài liệu học tập Quản trị Marketing,	Nguyễn Thị Minh Hương,	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, 2019			Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
146	002391	Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing		Lập kế hoạch Marketing hiệu quả	Rohit Bhargava, (Hạnh Dung dịch),	NXB: Phụ nữ, 2020.			Mạng máy tính và viễn thông
147	002391	Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing		Chiến lược Marketing hoàn hảo,	William M.Luther, (Hồng Hạnh dịch),	NXB Lao động – Xã hội, 2019.			Mạng máy tính và viễn thông
148	002391	Tiểu luận 2 : Thực hành lập kế hoạch Marketing		John Westwood, (Thu Uyên dịch),.	How to write a marketing plan: Bí quyết tăng trưởng thần tốc cho doanh nghiệp,	NXB Dân trí, 2020			Mạng máy tính và viễn thông
149	002392	Thực tập cuối khóa		Kỹ năng viết báo cáo hiệu quả	Kashiwwagi Yoshiki (Châu Phụng dịch)nr	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
150	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	PGS. Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
151	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Cẩm nang nghiên cứu khoa học: Từ ý tưởng đến công bố	Nguyễn Văn Tuấn	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
152	001497	Quản trị nhân lực,		Tài liệu học tập học phần Quản trị nhân lực,	Nguyễn Thị Thu, Trần Thị Vân, Trần Thị Kim Phượng	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2019	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
153	001497	Quản trị nhân lực		Giáo trình Quản trị nhân lực,	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân,	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019.			Mạng máy tính và viễn thông
154	001497	Quản trị nhân lực		Quản trị Nguồn nhân lực,	Trần Kim Dung,	NXB Tài Chính, 2018.			Mạng máy tính và viễn thông
155	001497	Quản trị nhân lực		Giáo trình Quan hệ lao động	Vũ Hoàng Ngân & Vũ Thị Uyên	, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022.	10		Mạng máy tính và viễn thông
156	001497	Quản trị nhân lực		Bộ luật Lao động,	Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2024.	10		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
					Chủ Nghĩa Việt Nam,				viễn thông
157	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt nam	8		Mạng máy tính và viễn thông
158	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì	Herb Cohen, Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi dịch	NXB Lao động – Xã hội, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
159	002392	Thực tập cuối khóa		Giáo trình quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
160	002392	Thực tập cuối khóa		Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	Nxb Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
161	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình Phương pháp điều tra và khảo sát : Nguyên lý và thực tiễn	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai và TS Nguyễn Vũ Hùng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt nam	2		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
162	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	Đoàn Văn Khái	NXB Giáo dục, 2018, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
163	001481	Xây dựng và phát triển thương hiệu		Tài liệu học tập Xây dựng và phát triển thương hiệu,	Trần Thị Vân, Vũ Văn Giang, Trần Thị Kim Phượng,	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, (2022).	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
164	001481	Xây dựng và phát triển thương hiệu		Quản trị thương hiệu trực tuyến : Bảo vệ hình ảnh doanh nghiệp trên mạng xã hội	Charlie Pownall, (Lê Uyên Thảo dịch),	NXB Thế giới, (2016).			Mạng máy tính và viễn thông
165	001481	Xây dựng và phát triển thương hiệu		Branding 4.0,	Philip Kotler, (Linh Vũ dịch),	NXB Lao Động, (2017).			Mạng máy tính và viễn thông
166	001481	Xây dựng và phát triển thương hiệu		Giữ vững thương hiệu : Xây dựng và phát triển thương hệu dành cho thế hệ Y,	Joeri Van Den Bergh & Mattias Behrer (người dịch: Trần Cung),	NXB Dân Trí, (2018).			Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
167	001481	Xây dựng và phát triển thương hiệu		10 Bước Cất Cánh Thương Hiệu,	Đặng Thanh Vân,	NXB Công Thương, (2023).			Mạng máy tính và viễn thông
168	001481	Xây dựng và phát triển thương hiệu		Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,	Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	Chính trị Quốc gia, (2011).			Mạng máy tính và viễn thông
169	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Tài liệu học tập Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Trần Thị Thanh Thủy	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, 2018.	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
170	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Kỹ năng giao tiếp kinh doanh. Tập 1,	Nguyễn Văn Hùng,	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2018.			Mạng máy tính và viễn thông
171	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Kỹ năng giao tiếp kinh doanh. Tập 2,	Nguyễn Văn Hùng,	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2018.			Mạng máy tính và viễn thông
172	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Kỹ năng giao tiếp kinh doanh. Tập 3,	Nguyễn Văn Hùng,	NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2019.			Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
173	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân, Nguyễn Thị Xuân Hương, Phan Tố Uyên, Đặng Đình Đào, Phạm Thái Hưng, Vũ Dương Huân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019.			Mạng máy tính và viễn thông
174	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		Thuật Lãnh Đạo	Brian Tracy, Nguyễn Huyền, Nguyễn Chánh dịch,	NXB Thế giới, 2018, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
175	002057	Marketing tới khách hàng tổ chức		Marketing B2B- Marketing khách hàng tổ chức	Lưu Đan Thọ, Tôn thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	Nxb Tài chính, 2016, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
176	002057	Marketing tới khách hàng tổ chức		Quản trị Marketing hiện đại	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật	Nxb Tài chính, 2016, Việt Nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
177	002057	Marketing tới khách hàng tổ chức		Marketing hiện đại: Lý thuyết và tình huống ứng dụng của	Lưu Đan Thọ	Nxb Tài chính2015, Việt Nam	5		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
				các công ty Việt Nam					viễn thông
178	002057	Marketing tới khách hàng tổ chức		Giáo trình Quản trị giá trong Doanh nghiệp	Vũ Minh Đức, Nguyễn Thu Lan, Nguyễn Thanh Thủy	2019, Nxb ĐH KTQD2019, , Việt Nam	4		Mạng máy tính và viễn thông
179	002381	Quản trị kênh phân phối		Quản trị kênh phân phối	Đào Thị Minh Thanh	Nxb Tài chính (2018)	1		Mạng máy tính và viễn thông
180	002381	Quản trị kênh phân phối		Quản trị kênh Marketing: Kênh phân phối	Trương Đình Chiến	Nxb thống kê,2002, Việt Nam	1		Mạng máy tính và viễn thông
181	002381	Quản trị kênh phân phối		Mô hình phân phối và bán lẻ-Giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam	Đào Xuân Khương	Nxb Lao động 2023, Việt Nam	2		Mạng máy tính và viễn thông
182	002381	Quản trị kênh phân phối		Quản trị Marketing	Philip Kotler	NXB Hồng Đức (2020)	4		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
183	001967	Marketing thương mại điện tử		Tài liệu học tập Marketing thương mại điện tử	Nông Mai Thanh, Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Đỗ Thị Thu Hương	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, (2023)	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
184	001967	Marketing thương mại điện tử		Giáo trình marketing thương mại điện tử	Nguyễn Hoàng Việt	NXB Thống kê, (2011)	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
185	001967	Marketing thương mại điện tử		Giáo trình thương mại điện tử căn bản	Trần Văn Hoè	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2015)	1		Mạng máy tính và viễn thông
186	001967	Marketing thương mại điện tử		Ứng dụng Marketing điện tử trong kinh doanh	Phạm Thu Hương, Nguyễn Văn Thoan	NXB Khoa học kỹ thuật, (2009).	1		Mạng máy tính và viễn thông
187	001967	Marketing thương mại điện tử		Philip Kotler, Marc Oliver Opresnik, Kohzoh Takaoka; Dịch: Hoài Linh,	Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0 = 21 st century Marketing	NXB Thế giới (2019)	1		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
188	002384	Digital marketing		Tiếp thị 4.0 : Dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số.	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2021, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
189	002384	Digital marketing		Marketing 5.0 : Technology for humanity	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2021, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
190	002384	Digital marketing		Digital marketing - Từ chiến lược đến thực thi : Nền tảng thành công cho chiến dịch Marketing thời đại số	Nhiều tác giả	NXB Dân Trí, 2022, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
191	002384	Digital marketing		Digital Marketing- Xu hướng Marketing tất yếu trong thời đại 4.0	Nhiều tác giả	NXB Lao Động, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
192	002383	Quản trị truyền thông marketing		Giáo trình Truyền thông marketing tích hợp	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
193	002383	Quản trị truyền thông marketing		Quản trị truyền thông marketing tích hợp Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	NXB Tài chính, 2016, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
194	002383	Quản trị truyền thông marketing		Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản	PGS.TS Nguyễn Văn Dũng, PGS.TS Đỗ Thị Thu Hằng	NXB Thông tin và truyền thông, 2023, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
195	002383	Quản trị truyền thông marketing		Giáo trình Quản trị marketing	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2023, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
196	002388	Quản trị giá		Giáo trình Quản trị giá trong doanh nghiệp	PGS.TS Vũ Minh Đức	ĐH KTQD, 2019	4		Mạng máy tính và viễn thông
197	002388	Quản trị giá		Quản trị Marketing	Philip Kotler	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
198	002388	Quản trị giá		Nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	Lao động Xã hội,	3		Mạng máy

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						2012, Việt Nam			tính và viễn thông
199	002388	Quản trị giá		Giá trong chiến lược kinh doanh : Đắt mà bán chạy, rẻ mà có lãi	Hidenobu Senga	Nhà xuất bản Thanh Niên, 2019, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
200	001611	Marketing quốc tế		Tài liệu học tập Marketing quốc tế	Nguyễn Thị Minh Hương (chủ biên), Đoàn Kim Thêu, Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (2023).	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
201	001611	Marketing quốc tế		Giáo trình Marketing quốc tế	Đinh Tiến Minh	Kinh tế TP HCM, 2022, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
202	001611	Marketing quốc tế		Giáo trình Marketing quốc tế	Trần Minh Đạo	KTQD, 2011, Việt Nam	2		Mạng máy tính và viễn thông
203	001611	Marketing quốc tế		Marketing quốc tế = International marketing	Nguyễn Đông Phong	Nxb Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, (2012).	5		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
									viễn thông
204	001611	Marketing quốc tế		Quản trị Marketing	Philip Kotler	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
205	002391	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing		Tài liệu học tập Quản trị Marketing	Nguyễn Thị Minh Hương	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, 2019.	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
206	002391	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing		Non obvious guide to small business marketing.	Rohit Bhargava, (Hạnh Dung dịch)	Nhà XB Phụ nữ, 2020	5		Mạng máy tính và viễn thông
207	002391	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing		Chiến lược Marketing hoàn hảo	William M.Luther, (Hồng Hạnh dịch)	Nhà XB Lao động xã hội, 2019 Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
208	002391	Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing		How to write a marketing plan: Bí quyết tăng trưởng thần tốc cho doanh nghiệp	John Westwood, (Thu Uyên dịch)	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
209	002385	Thực hành Digital-Marketing		Tiếp thị 4.0 : Dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2021, Việt Nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
210	002385	Thực hành Digital-Marketing		Tiếp thị 5.0 : Công nghệ vị nhân sinh	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2023 Việt Nam	7		Mạng máy tính và viễn thông
211	002385	Thực hành Digital-Marketing		Từ chiến lược đến thực thi : Nền tảng thành công cho chiến dịch Marketing thời đại số	Nhiều tác giả	NXB Dân Trí ,2022 Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
212	002385	Thực hành Digital-Marketing		Digital Marketing- Xu hướng Marketing tất yếu trong thời đại 4.0	Nhiều tác giả	NXB Lao Động, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
213	002380	Hành vi khách hàng		Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	PGS.TS Vũ Huy Thông	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
214	002380	Hành vi khách hàng		Giáo trình Marketing Căn bản	Gs.Ts. Trần Minh Đạo	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt nam	10		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
									viễn thông
215	002380	Hành vi khách hàng		Giáo trình Quản trị marketing	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2023, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
216	002380	Hành vi khách hàng		Quản trị Marketing	Philip Kotler	Hồng Đức, 2020, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
217	002380	Hành vi khách hàng		Nguyên lý Marketing	Philip Kotler	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt nam			Mạng máy tính và viễn thông
218	001610	Nghiên cứu Marketing		Tài liệu học tập Nghiên cứu marketing	Đoàn Kim Thêu	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp, 2021, Việt nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
219	001610	Nghiên cứu Marketing		Giáo trình nghiên cứu Marketing	Nguyễn Viết Lâm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
220	001610	Nghiên cứu Marketing		Nghiên cứu tiếp thị	Nguyễn Văn Dung	NXB Lao Động, 2010, Việt nam	03		Mạng máy tính và viễn thông
221	001610	Nghiên cứu Marketing		Giáo trình phương pháp điều tra khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn,	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai, TS.Nguyễn Vũ Hùng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015, Việt nam	02		Mạng máy tính và viễn thông
222	002729	Bán lẻ trực tuyến		Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	TS. Trần Thị Thập	NXB Thông tin và truyền thông, (2018).	1		Mạng máy tính và viễn thông
223	002729	Bán lẻ trực tuyến		Khởi sự kinh doanh ngành bán lẻ	Entrepreneur Press, Ciree Linsenman, Người dịch: Kiều Thị Hoà, Thu Hà	Nxb Dân Trí, (2021).	1		Mạng máy tính và viễn thông
224	002729	Bán lẻ trực tuyến		Thuật quản lý bán hàng	TS. An Thị Thanh Nhàn	Nxb Thế giới, (2018).	1		Mạng máy tính và viễn thông
225	002387	Quản trị sản phẩm		Để bao bì truyền tải	Gavin ambrose	Paul Harris, 2020	1		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
				thông điệp marketing					viễn thông
226	002387	Quản trị sản phẩm		Gavin Ambrose – Paul Harris	Để bao bì truyền tải thông điệp marketing	NXB Lao Động, (2020).	1		Mạng máy tính và viễn thông
227	002387	Quản trị sản phẩm		Quản lý sản phẩm trong thời đại 4.0	Marty cagan & chris jones	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, (2019).			Mạng máy tính và viễn thông
228	001287	Marketing dịch vụ		Tài liệu học tập	Trần Việt Dũng	NXB Trường Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công nghiệp, (2009).	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
229	001287	Marketing dịch vụ		Marketing dịch vụ,	Lưu Văn Nghiêm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân (2008)	1		Mạng máy tính và viễn thông
230	001287	Marketing dịch vụ		Marketing dịch vụ,.	Phạm Thị Huyền và TS Nguyễn Hoài Long	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	1		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
231	002057	Marketing đến khách hàng tổ chức		Marketing khách hàng tổ chức: Lý thuyết và tình huống thực hành ứng dụng của các công ty Việt Nam,	Lưu Đan Thọ, Tôn thất Hoàng Hải, Cao Minh Nhựt	Nxb Tài Chính, (2016			Mạng máy tính và viễn thông
232	002057	Marketing đến khách hàng tổ chức		Quản trị Marketing hiện đại,	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật,	Nxb Tài Chính, (2016).			Mạng máy tính và viễn thông
233	002057	Marketing đến khách hàng tổ chức		Marketing hiện đại: Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam,	Lưu Đan Thọ,	Nxb Tài Chính, (2015).			Mạng máy tính và viễn thông
234	002057	Marketing đến khách hàng tổ chức		Giáo trình Quản trị giá trong Doanh nghiệp,	Vũ Minh Đức, Nguyễn Thu Lan, Nguyễn Thanh Thủy,	Nxb ĐH KTQD, (2019).			Mạng máy tính và viễn thông
235	002394	Tổ chức sự kiện		Tổ chức sự kiện	PGS.TS. Lưu Văn Nghiêm	Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc	1		Mạng máy tính và viễn thông

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						Dân, 2012, Việt Nam			
236	002394	Tổ chức sự kiện		Kỹ năng tổ chức sự kiện, giao tiếp, ứng xử - tuyển tập mẫu diễn văn, bài phát biểu, hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản trong cơ qua, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp	TS Lê Hồng Minh	NXB Nhà sách Nam Việt, (2020).	1		Mạng máy tính và viễn thông
237	002394	Tổ chức sự kiện		Giáo trình tổ chức sự kiện thể dục thể thaoNXB Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Minh Thuận	NXB Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019	10		Mạng máy tính và viễn thông
238	002392	Thực tập cuối khóa		Kỹ năng viết báo cáo hiệu quả	Kashiwwagi Yoshiki (Châu Phụng dịch)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
239	002392	Thực tập cuối khóa		Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	Nxb Kinh tế TP. Hồ Chí Minh,	5		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						2015, Việt nam			viễn thông
240	002392	Thực tập cuối khóa		Tài liệu học tập học phần Marketing căn bản	Nguyễn, Thị Minh Hương, Phạm, Thị Minh Hoa Đỗ, Thị Thu Hương Nguyễn, Thị Giang Nguyễn, Thị Nguyệt Minh Nguyễn, Phương Linh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
241	002392	Thực tập cuối khóa		Tài liệu học tập học phần: Quản trị Marketing		Khoa Quản trị Và Marketing, Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2018, Việt Nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
242	002392	Thực tập cuối khóa		Tài liệu học tập học phần Hành vi khách hàng		Khoa Quản trị Và Marketing, Trường Đại	TL số		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2018, Việt Nam			viễn thông
243	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình Phương pháp điều tra và khảo sát : Nguyên lý và thực tiễn	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai và TS Nguyễn Vũ Hùng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt nam	2		Mạng máy tính và viễn thông
244	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	Đoàn Văn Khái	NXB Giáo dục, 2018, Việt nam	3		Mạng máy tính và viễn thông
245	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và	PGS. Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt nam	10		Mạng máy tính và viễn thông
246	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Cẩm nang nghiên cứu khoa học: Từ ý tưởng đến công bố	Nguyễn Văn Tuấn	NXB Tông hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt nam	5		Mạng máy tính và viễn thông
247	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Tài liệu học tập học phần Quản trị chiến lược,		Khoa Quản trị Và Marketing,	TL sô		Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
						Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2018, Việt Nam			viễn thông
248	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Tài liệu học tập học phần Quản trị tài chính	Phan Thị Minh Phương, Lê Thị Huyền, Nguyễn Thị Chi Lưu, Huỳnh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019, Việt Nam			Mạng máy tính và viễn thông
249	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Tài liệu học tập học phần Nghiên cứu marketing	Đoàn Kim Thêu, Nguyễn Thị Minh Hương, Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Trần Việt Dũng, Lưu Khánh Cường	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2020, Việt Nam	TL số		Mạng máy tính và viễn thông
250	002393	Khóa luận tốt nghiệp		Giáo trình Quản trị sản xuất	Phương Mai Anh, Phạm Trung Hải	NXB Lao Động, 2016 Việt Nam			Mạng máy tính và

STT	Mã học phần môn học	Tên học phần	Học liệu chính	Tên tài liệu/ giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
									viễn thông

PHẦN VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ ĐÀO TẠO TỪ XA

Đề án đào tạo từ xa ngành Marketing, Nhà trường giao cho Khoa Quản trị và Marketing chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học. Bộ môn Marketing là đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Nhà trường về chất lượng đào tạo. Trưởng khoa Quản trị và Marketing có trách nhiệm phối hợp với các Khoa liên quan tổ chức, chỉ đạo tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, đồng thời phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội.

6.1. Bộ máy quản lý cấp Khoa

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lưu KhánhCường/1973/ Trưởng Khoa Quản trị và Marketing	Tiến sỹ/2010	Kinh tế thương mại	
2	Mai Thị Lụa/1980/ Phó trưởng Khoa Quản trị và Marketing	Thạc sỹ/2008	Quản trị kinh doanh	
3	Phạm Trung Hải/1982/ Phó trưởng Khoa Quản trị và Marketing	Thạc sỹ/2011	Quản trị kinh doanh	
4	Nguyễn Thị Vân/ 1982/ Phó trưởng bộ môn, Phụ trách bộ môn Quản trị	Thạc sỹ/2009	Quản trị kinh doanh	

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
5	Trần Tiến Mạnh/1978/ Phó trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sỹ/2007	Tài chính ngân hàng	
6	Trần Việt Dũng/ 1981/ Phó trưởng bộ môn Marketing, phụ trách bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2015	Quản trị kinh doanh	
7	Vũ Văn Giang/1989/ Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2016	Quản trị kinh doanh	

6.2. Bộ môn quản lý chuyên môn

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Trần Việt Dũng/ 1981/ Phó trưởng bộ môn Marketing, phụ trách bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2015	Quản trị kinh doanh	
2	Vũ Văn Giang/1989/ Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2016	Quản trị kinh doanh	

PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG ĐÀO TẠO TỪ XA

7.1. Rủi ro trong quá trình đào tạo

** Rủi ro về nhu cầu thị trường lao động*

Marketing là một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh của một tổ chức kinh doanh. Có thể thấy, hiện nay tất cả các công ty, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hoặc sản xuất hàng hóa đều cần một đội ngũ Marketing để quảng cáo thương hiệu của mình rộng rãi, từ đó tiếp cận đến số đông khách hàng. Với mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, vai trò của ngành này càng trở nên quan trọng hơn. Do vậy, cơ hội việc làm của các sinh viên ngành này là rất lớn. Theo nhiều báo cáo của tổ chức nghề nghiệp, đây là một ngành có nhu cầu tuyển dụng rất lớn và nhu cầu doanh nghiệp luôn vượt quá lượng cung của thị trường nhân lực. Lương của marketer phụ thuộc vào quy mô công ty và vị trí bạn đảm nhiệm. Tuy nhiên, nhu cầu thị trường lao động Marketing có thể gặp phải những rủi ro sau:

+ *Thứ nhất* là cạnh tranh rất mạnh trong tất cả các phân khúc, từ trung cấp, cao đẳng, đại học, tới thạc sĩ. Đặc biệt là các Trường Đại học hàng đầu trong nước đang đào tạo ngành Marketing.

+ *Thứ hai* là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi nhu cầu thị trường lao động. Máy móc và công nghệ rô-bốt với trí tuệ nhân tạo sẽ thay đổi gần như mọi ngành, nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Nhiều người sẽ thất nghiệp nếu không được đào tạo kịp thời và đào tạo phù hợp, đi kèm với giới thiệu việc làm và kết nối việc làm mới.

+ *Thứ ba* là thị trường lao động ngành này còn mới nên phụ huynh cũng như học sinh khó đánh giá sự khác biệt về chất lượng giữa các đơn vị cung cấp giáo dục.

- Rủi ro về sự thay đổi về nhu cầu thị trường

Làn sóng công nghệ 4.0 đã nhanh chóng lan truyền và ảnh hưởng lên các mặt của đời sống, kinh tế ở nhiều nơi. Trước sự thay đổi quá lớn trong hành vi, tâm lý, cách thức con người giao tiếp, mua sắm, làm việc và giải trí chủ yếu dựa vào nền tảng của internet và các ứng dụng mới đã làm thay đổi rõ rệt cách thức kinh doanh của các công ty ngày nay. Thực tế cho thấy Marketing đang từng bước đổi mới để phù hợp với thời đại số; công nghiệp hóa - hiện đại hóa ngày này nhưng trước sự biến đổi như vũ bão hiện nay đây là một trong những khó khăn đặt ra cho hoạt động marketing

7.2. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro

** Giải pháp đối với rủi ro về nhu cầu thị trường lao động*

+ Đối với Nhà trường:

Nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, nâng cao chất lượng đầu ra nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các Trường đại học có giảng dạy ngành Marketing.

+ Đối với Khoa:

Truyền thông, giới thiệu về ngành để phụ huynh và học sinh có thể hiểu rõ hơn về ngành nghề và đánh giá được sự khác biệt về chất lượng với các Trường đại học có đào tạo ngành Marketing khác.

Hợp tác với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo, giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

** Giải pháp đối với sự thay đổi về nhu cầu thị trường*

+ Đối với Nhà trường:

Tăng cường cơ sở vật chất về trang thiết bị cho điều kiện thực hành thực tập đối với sinh viên, đặc biệt thường xuyên cập nhật các phần mềm, các ứng dụng phân tích nhu cầu thị trường

Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia thực tế ở ngoài thị trường, ở các doanh nghiệp.

+ Đối với Khoa:

Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tiễn

Rà soát chuẩn đầu ra hàng năm trên cơ sở sự thay đổi biến động tình hình thực tế ngoài thị trường, điều chỉnh bổ sung các học phần phù hợp với nhu cầu và sự thay đổi về nhu cầu của thị trường.

Thường xuyên nghiên cứu đánh giá để nắm bắt được xu hướng thay đổi của thị trường.

Xây dựng kế hoạch, lộ trình đào tạo sinh viên giỏi về lý thuyết, vững về thực hành thông qua việc hợp tác với các doanh nghiệp.

PHẦN VIII. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

- Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

https://uneti.edu.vn/

http://www.phongdaotao.uneti.edu.vn - Đề nghị của cơ sở đào tạo:

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đề nghị các cơ quan quản lý (Bộ Công thương, Bộ Giáo dục & Đào tạo) cho phép Trường thực hiện triển khai các hoạt động mở ngành đào tạo từ xa trình độ Đại học ngành Marketing theo đúng các quy định hiện hành.

- Cam kết triển khai thực hiện.

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp và khoa Quản trị và Marketing (đơn vị chủ trì mở ngành đào tạo) cam kết thực hiện nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm cao với các nội dung đề xuất trong hồ sơ Đề án; triển khai các công tác xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo đúng thủ tục, theo quy định, hướng dẫn của các cơ quan quản lý có thẩm quyền

HIỆU TRƯỞNG